

Số: **363** /BC-UBND

Hà Nội, ngày **07** tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

**Bổ sung, giải trình thẩm tra của các ban HĐND Thành phố về
“Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và
kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của Thành phố”;
“Phương hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
của Thành phố giai đoạn 2021-2025”**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố về: “Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 của Thành phố”, “Phương hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố giai đoạn 2021-2025 tại các báo cáo số 339/BC-UBND và số 340/BC-UBND ngày 23/11/2020. Căn cứ báo cáo thẩm tra của các ban HĐND Thành phố: Ban Kinh tế - Ngân sách số 72/BC-HĐND ngày 02/12/2020; Ban Văn hoá, Xã hội số 66/BC-HĐND ngày 01/12/2020; Ban Đô thị số 65/BC-HĐND ngày 01/12/2020, UBND Thành phố báo cáo cập nhật bổ sung, giải trình một số nội dung như sau:

I. Cập nhật, bổ sung một số nội dung, số liệu của báo cáo

Ngày 30/11/2020, Tổng cục Thống kê có Văn bản số 1621/TCTK-TKQG về việc thông báo số liệu GRDP ước tính năm 2020 cho thành phố Hà Nội; Theo đó, GRDP năm 2020 của Hà Nội tăng 3,98%¹ - cao hơn số đã báo cáo là 3,94%; trung bình 5 năm 2016-2020 tăng 6,68% - cao hơn số đã báo cáo là 6,67%. UBND Thành phố báo cáo cập nhật một số nội dung cụ thể như sau:

1. Cập nhật Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 23/11/2020 và các phụ lục kèm theo

- **Tại trang 3, dòng 3 từ dưới lên:** Tăng trưởng tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 9,0% (đã báo cáo là 8,0%).

- Tại trang 4:

+ **Dòng 6 từ trên xuống:** ...kim ngạch xuất khẩu ước đạt 16,0 tỷ USD, tăng 2,2% (đã báo cáo là 16,2 tỷ USD, tăng 3,5%); kim ngạch nhập khẩu ước đạt 28,8 tỷ USD, giảm 9,1% (đã báo cáo là 30,3 tỷ USD, giảm 4,2%).

+ **Dòng 19 từ trên xuống:** Kết quả, GRDP quý IV tăng trưởng bứt phá so với các quý trước (quý I tăng: 4,13%; quý II tăng 1,76%; quý III tăng 3,95% và quý IV tăng 5,77% - đã báo cáo lần lượt là 4,43%; 2,41%; 3,31%; 5,51%); tính chung GRDP năm 2020 ước tăng 3,98% (đã báo cáo là 3,94%) - cao gấp khoảng 1,5 lần

¹ Tp. HCM tăng 1,39%; Đà Nẵng giảm 9,77%; Cần Thơ tăng 1,02%; Hải Phòng tăng 11,22%

mức tăng của cả nước, trong đó: dịch vụ tăng 3,29%, công nghiệp tăng 4,91%, xây dựng tăng 8,90%, nông nghiệp tăng 4,20%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,09% (các ngành dịch vụ, công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp và thuế sản phẩm tại báo cáo trước đó lần lượt là: 3,10%; 5,64%; 8,66%; 4,20% và 3,15%).

Cập nhật các biểu phụ lục về tăng trưởng GRDP các quý, năm 2020 như biểu tại Phụ lục 1,2 kèm theo.

+ Dòng 25 từ trên xuống: Nông, lâm nghiệp và thủy sản quý III và ước quý IV tăng cao (tương ứng đạt 7,89% và 5,32% - đã báo cáo trước đó lần lượt là 7,17% và 7,35%).

+ Dòng 30 từ trên xuống: Công nghiệp và Xây dựng quý I tăng cao (5,59% - đã báo cáo là 6,86%) và dự kiến quý IV đạt 7,40% (đã báo cáo là 7,50%) đã bù đắp cho quý II và III; tính chung cả năm ước tăng 6,39% và đóng góp 1,43 điểm % tốc độ tăng GRDP (đã báo cáo tương ứng là 6,76% và đóng góp 1,51 điểm %).

+ Dòng 33 từ trên xuống: Ngành dịch vụ quý IV ước tăng khá, đạt 5,38% (đã báo cáo là 4,87%) đã bù đắp cho quý II và III; lũy kế cả năm tăng 3,29% và đóng góp 2,1 điểm % tốc độ tăng GRDP (đã báo cáo tương ứng là 3,10% và đóng góp 1,97 điểm %).

+ Dòng 35 từ trên xuống: Thuế sản phẩm trừ trợ cấp quý I và ước quý IV tăng cao (tương ứng tăng 4,23% và 4,25% - đã báo cáo là 4,59% và 4,35%) nên bình quân cả năm tăng 3,09% và đóng góp 0,36 điểm % tốc độ tăng GRDP (đã báo cáo là 3,15% và đóng góp 0,37 điểm %).

- Tại trang 5:

+ Dòng 3 từ trên xuống: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 4,7% (đã báo cáo là 4,45%) so với năm trước...; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,05% (đã báo cáo là 5,82%); ngành cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 5,68% (đã báo cáo là 5,5%); ngành khai khoáng giảm 9,15% (đã báo cáo là 12,48%).

+ Dòng 7 từ dưới lên: Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán ra và doanh thu dịch vụ ước đạt 3.060,7 nghìn tỷ đồng, tăng 7,9% (đã báo cáo là 3.045 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3%), trong đó: Thương mại 2.408,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% (đã báo cáo là 2.394 nghìn tỷ đồng, tăng 8,3%); khách sạn nhà hàng 52,3 nghìn tỷ đồng, giảm 15,2% (đã báo cáo là 51,6 nghìn tỷ đồng, giảm 16,3%); du lịch lữ hành 6,1 nghìn tỷ đồng, giảm 49,0% (đã báo cáo giảm 49,5%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 584,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% (đã báo cáo là 583,3 nghìn tỷ đồng, tăng 2,4%).

- Tại trang 6:

+ Dòng 15 từ trên xuống: ... 538 ha lạc, tăng 22,8% (đã báo cáo là 22,6%);... Năng suất lúa mùa ước đạt 56,82 tạ/ha, tăng 2,95 tạ/ha, tương đương tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2019 (số đã báo cáo lần lượt là 56,21 tạ/ha, 2,34 tạ/ha và 4,3%); sản lượng lúa mùa ước đạt 447,2 nghìn tấn, tăng 2,4% so vụ mùa năm trước (số đã báo cáo là 442,4 nghìn tấn, tăng 1,3%).

+ *Dòng 15 từ trên xuống*: ... đàn bò 129,2 nghìn con, tăng 0,2% (số đã báo cáo là 129,7 nghìn con, tăng 0,6%). Đàn gia cầm...; quy mô đàn khoảng 39,9 triệu con, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước (số đã báo cáo là 39,8 triệu con, tăng 9,0%); sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng đạt 155,7 nghìn tấn, tăng 25,3% so với cùng kỳ (số đã báo cáo là 155 nghìn tấn, tăng 24,8%). Chăn nuôi lợn... quy mô đàn khoảng 1,35 triệu con, tăng 25,3% so với cùng kỳ (số đã báo cáo là 1,4 triệu con, tăng 29,9%); sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 210,8 nghìn tấn, giảm 18,6% (số đã báo cáo là 212,9 nghìn tấn, giảm 17,7%).

+ *Dòng 19 từ dưới lên*: ... sản lượng thủy sản năm 2020 ước đạt 117 nghìn tấn, tăng 3,6% (số đã báo cáo là 117,1 nghìn tấn, tăng 4,0%).

2. Cập nhật Báo cáo số 340/BC-UBND ngày 23/11/2020 và các phụ lục kèm theo

- Tại trang 2:

+ *Dòng 25 từ trên xuống*: GRDP ước tăng 3,98%, bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 6,68% (đã báo cáo tương ứng là 3,94% và 6,67%). Quy mô GRDP năm 2020 ước đạt 1,016 triệu tỷ đồng, khoảng 43,4 tỷ USD (đã báo cáo tương ứng là 1,024 triệu tỷ USD và 43,5 tỷ USD); GRDP bình quân đầu người ước đạt 5.215 USD (đã báo cáo là 5.250 USD),... tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ tăng từ 85,75% lên 86,5% (đã báo cáo là 86,1%).

+ *Dòng 30 từ trên xuống*: Tăng trưởng khu vực dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 7,23% (đã báo cáo là 7,19%). Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ngành dịch vụ ước tăng 3,29%; bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 6,43% (đã báo cáo tương ứng là 3,10% và 6,36%).

- Tại trang 3:

+ *Dòng 6 từ trên xuống*: Khu vực công nghiệp tăng bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 8,09% (đã báo cáo là 8,16%). Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, công nghiệp ước tăng 4,91%; bình quân 5 năm 2016-2020 tăng 7,44% (đã báo cáo số tương ứng là 5,64% và 7,65%).

+ *Dòng 18 từ trên xuống*: Ngành xây dựng tăng trưởng vượt trội với tốc độ trung bình 10,77%/năm (giai đoạn 2016-2019 tăng 11,25%; năm 2020 ước tăng 8,90%) (đã báo cáo số tương ứng lần lượt là 10,74%, 11,27% và 8,66%), cao hơn giai đoạn 2011-2015 (6,49%), tỷ trọng trong GRDP tăng từ 6,42% năm 2015 lên 7,91% năm 2020.

+ *Dòng 23 từ trên xuống*: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân giai đoạn 2016-2019 đạt 2,12% (đã báo cáo là 2,05%). Năm 2019, do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi, giá trị gia tăng ngành này giảm 0,09% (đã báo cáo là giảm 0,3%). Năm 2020, Thành phố ... bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng 2,53% (đã báo cáo là 2,48%).

+ *Dòng 36 từ trên xuống*: Năng suất lao động năm 2020 ước đạt 251,4 triệu đồng (đã báo cáo là 253 triệu đồng),... Do ảnh hưởng đại dịch Covid-19,... năng suất lao động tăng 4,13%, trung bình 5 năm 2016-2020 tăng 5,74% (đã báo cáo số tương ứng là 4,09% và 5,73%).

Cập nhật các biểu phụ lục về tăng trưởng GRDP các quý, năm 2020 như biểu tại Phụ lục 1,2 kèm theo.

- Tại trang 4:

+ Dòng 17 từ trên xuống: Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 ước đạt 1,729 triệu tỷ đồng (đã báo cáo là 1,725 triệu tỷ đồng), gấp 1,65 lần giai đoạn trước, bằng 39,21% GRDP (đã báo cáo là 39,10%), đạt mục tiêu đề ra. Hệ số ICOR (giá hiện hành) trung bình 5,03 (đã báo cáo là 4,92). Cơ cấu đầu tư xã hội... xuống khoảng 34,00% (đã báo cáo là 33,88%) năm 2020... đầu tư nước ngoài đóng góp 12,00% (đã báo cáo là 12,8%) về vốn,...

II. Bổ sung, làm rõ một số nội dung theo đề nghị của các Ban HĐND

1. Ban đô thị

1.1. Đánh giá, phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Chỉ tiêu tỷ lệ CCN đang hoạt động có trạm xử lý nước thải đạt 92,5%, chưa hoàn thành kế hoạch đề ra; đồng thời đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới:

Trong quá trình lập quy hoạch phát triển CCN Thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030 đã thực hiện: (i) Sáp nhập CCN Sông Cùng – Đồng Tháp vào CCN Đan Phượng, huyện Đan Phượng; (ii) Loại CCN Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên ra khỏi quy hoạch; (iii) CCN Yên Sơn do không có nước thải và nằm trong quy hoạch khu đô thị sinh thái Quốc Oai nên UBND huyện Quốc Oai đề nghị không đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

Do vậy đến nay còn 40 CCN đang hoạt động ổn định cần phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Kết quả thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải như sau: Có 37/40 cụm công nghiệp đã và đang đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt 92,5%, cụ thể:

+ Có 26 cụm công nghiệp đã có trạm xử lý nước thải, trong đó: 10 CCN do chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng; 15 CCN thuộc Đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2014-2015; 01 CCN do Công ty CP Đầu tư xây dựng và Thương mại Phú Điền thực hiện (CCN Yên Nghĩa);

+ Có 11 cụm công nghiệp đang đầu tư xây dựng do Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội làm Chủ đầu tư theo Quyết định số 6613/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND Thành phố, dự kiến hoàn thành trong tháng 12/2020.

- Đối với 03 CCN chưa thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải: UBND Thành phố đã có quyết định thành lập CCN giai đoạn 2 cho cả 03 cụm công nghiệp là: (1) CCN Đan Phượng, (2) CCN Thanh Thùy, huyện Thanh Oai và (3) CCN Chàng Sơn, huyện Thạch Thất; Đã giao Chủ đầu tư CCN giai đoạn 2 thực hiện xây dựng hệ thống xử lý nước thải để đầu nối giai đoạn 1. Tiến độ đầu tư các CCN như sau:

+ CCN Chàng Sơn – giai đoạn 2: Phê duyệt QHCT 1/500; Phê duyệt dự án đầu tư; Chủ đầu tư đã ký hợp đồng với Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện về việc thực hiện bồi thường GPMB; UBND xã Chàng Sơn đã thông báo quy chủ các thửa

đất thu hồi thuộc dự án; công khai bản đồ phục vụ công tác GPMB, thu hồi đất thuộc dự án;

+ CCN Thanh Thùy – giai đoạn 2: Đang xin ý kiến cộng đồng dân cư và các Sở ngành về QHCT 1/500; Đã thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật cấp nước, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc, PCCC; Ký Hợp đồng tư vấn đo đạc địa chính làm giải thửa phục vụ GPMB,...;

+ CCN Đan Phượng – giai đoạn 2: Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500; hoàn thành đầu nối điện, nước, phòng cháy chữa cháy; hoàn thành việc cắm mốc; Sở Tài nguyên và Môi trường đang thẩm định hồ sơ, xác định ranh giới khu đất thu hồi dự án; tiến hành thiết kế cơ sở và bản vẽ thiết kế thi công dự án; Lên phương án bồi thường GPMB; xác định ranh giới, phạm vi khu đất dự án trên bản đồ và ngoài thực địa; cắm mốc giới; thành lập Hội đồng GPMB; Quyết định thu hồi đất, tổ chức chi trả, bàn giao và nhận bàn giao mặt bằng.

Giải pháp trong thời gian tới:

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư 11 trạm xử lý nước thải CCN do Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội làm Chủ đầu tư, phần đấu cơ bản hoàn thành đưa vào hoạt động trong tháng 12/2020.

- Đơn đốc tháo gỡ khó khăn trong việc triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật 03 cụm công nghiệp gồm: CCN Chàng Sơn – giai đoạn 2, CCN Thanh Thùy – giai đoạn 2, CCN Đan Phượng – giai đoạn 2; phần đấu từ 1-2 CCN hoàn thành xây dựng hạ tầng (trong đó có hạng mục xử lý nước thải đi vào hoạt động).

1.2. Về chỉ tiêu Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng không hoàn thành kế hoạch:

Nguyên nhân chỉ tiêu năm 2020 chưa đạt kế hoạch là do:

- Sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam trong những tháng đầu năm 2020 và tái phát trở lại trong tháng 7, 8 cũng như nguy cơ tiềm ẩn vẫn còn tiếp diễn:

+ Khi dịch bệnh xuất hiện tại Việt Nam, Chính phủ, Thành phố Hà Nội đã yêu cầu, kêu gọi người dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch như: người dân hạn chế đi lại, hạn chế tụ tập đông người, giữ khoảng cách tối thiểu ở nơi công cộng, tăng cường làm việc online, các đơn vị vận tải thực hiện giãn cách (không thực hiện trên 50% số ghế và không quá 20 người/1 phương tiện)....

+ Các biện pháp giảm tần suất dịch vụ và tạm dừng hoạt động VTHKCC trong thời gian giãn cách xã hội cũng đã được triển khai (điều chỉnh giảm dịch vụ xe buýt từ 20%-80% để phù hợp với chỉ đạo về công tác phòng chống dịch bệnh vẫn phục vụ nhu cầu đi lại của người dân (từ 22/3-27/3 và 23/4-03/5/2020 tương ứng giảm 157.344 lượt; dừng toàn bộ hoạt động VTHKCC từ 28/3-22/4/2020).

Như vậy, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, công tác vận tải hành khách công cộng bị ảnh hưởng rất lớn, dẫn đến sản lượng thực hiện sụt giảm nghiêm trọng. Hiện nay vẫn đang trong giai đoạn phòng, chống dịch, do vậy việc khôi phục lại hệ thống vận tải hành khách công cộng vẫn còn nhiều hạn chế.

- Việc phân luồng tổ chức giao thông để triển khai thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn Thành phố ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động vận hành của các tuyến buýt: Trong 11 tháng đầu năm đã thực hiện 56 lần điều chỉnh lộ trình đối với 46 tuyến buýt do phân luồng giao thông, trong đó phải kể đến dự án sửa chữa cầu Thăng Long từ ngày 28/7/2020 đã ảnh hưởng tới hoạt động của nhiều tuyến buýt, trong đó 16 tuyến buýt phải tạm thời điều chỉnh lộ trình qua cầu Nhật Tân thay vì cầu Thăng Long.

Như vậy, sản lượng vận tải hành khách công cộng đạt thấp chủ yếu do nguyên nhân khách quan vì ảnh hưởng của đại dịch Covid. Bên cạnh đó việc xây dựng các công trình xây dựng (vừa thi công, vừa tổ chức giao thông phục vụ nhu cầu đi lại của người dân) trên địa bàn thành phố cũng là yếu tố ảnh hưởng không nhỏ đến sản lượng vận tải hành khách công cộng.

1.3. Về chỉ tiêu Tỷ lệ đô thị hóa không hoàn thành kế hoạch:

Theo quy Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị:

- Tỷ lệ đô thị hóa của đô thị (%) là tỉ lệ phần trăm giữa dân số nội thị trên tổng dân số.

- Đô thị: là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh tế phi nông nghiệp,... bao gồm nội thành, ngoại thành của thành phố; nội thị, ngoại thị của thị xã; thị trấn.

Như vậy, theo cách tính quy định trên, dân cư thuộc khu vực các xã sẽ không được tính vào dân số đô thị trong tỷ lệ đô thị hóa. Tỷ lệ đô thị hóa của Hà Nội hiện nay là 49,2%.

Xét theo quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011, Hà Nội được phát triển theo mô hình chùm đô thị, gồm 01 đô thị trung tâm (gồm (1) Khu vực nội đô lịch sử; (2) Nội đô mở rộng; (3) Chuỗi đô thị phía Bắc sông Hồng; (4) Chuỗi đô thị phía Đông vành đai 4; (5) Hành lang dọc sông Hồng; (6) Vành đai xanh sông Nhuệ và các nê-m xanh), 05 đô thị vệ tinh, các đô thị sinh thái, thị trấn và vùng nông thôn; được kết nối bằng hệ thống đường vành đai kết hợp các trục hướng tâm, có mối liên kết với mạng lưới giao thông vùng và quốc gia. Các khu đô thị vệ tinh (gồm: Sóc Sơn, Sơn Tây, Hòa Lạc, Xuân Mai, Phú Xuyên) có diện tích đất tự nhiên khoảng 439km² (đất xây dựng đô thị khoảng 35,2km²), dân số đến năm 2030 khoảng 1,3-1,4 triệu người (chiếm 14% dân số toàn thành phố, khoảng 21% dân số đô thị), đến năm 2050 khoảng 1,787 triệu người.

Hiện nay toàn bộ 05/05 đô thị vệ tinh đã được Thủ tướng Chính phủ và thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch chung, đang tiếp tục tổ chức lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị.

Mặc dù nằm trong ranh giới phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tuy nhiên theo cách tính quy định trên, dân cư thuộc khu vực 54 xã nêu trên không được tính vào dân số đô thị.

Ngoài ra đối 05 huyện thuộc đô thị trung tâm có lộ trình lên quận (Gia Lâm, Đông Anh, Hoài Đức, Đan Phượng, Thanh Trì), hiện nay có tốc độ đô thị hóa cao, tuy nhiên dân cư khu vực thuộc các xã cũng không được tính vào tỷ lệ đô thị hóa.

Biểu 1: Tổng hợp số liệu diện tích, dân số, đơn vị hành chính các đô thị vệ tinh

TT	Đô thị vệ tinh	Đơn vị hành chính	Quy mô (ha)	Số liệu hiện trạng		Định hướng đến năm 2030	
				Dân số (người)	Tỷ lệ dân số đô thị (%)	Dân số (người)	Tỷ lệ dân số đô thị (%)
1	Sóc Sơn	01 thị trấn và 12 xã thuộc huyện Sóc Sơn	5.491,47	97.813	1,8	247.000	66,5
2	Xuân Mai	01 thị trấn và 04 xã thuộc huyện Chương Mỹ	6537,66	82.350	36	220.000	78,1
3	Phú Xuyên	02 thị trấn và 14 xã thuộc các huyện Phú Xuyên, Thường Tín	3982,5	80.900	17	127.000	58,9
4	Sơn Tây	9 phường và 7 xã thuộc thị xã Sơn Tây và huyện Ba Vì	12.185,22	127.871	51,8	230.300	77,8
5	Hòa Lạc	17 xã thuộc thị xã Sơn Tây, các huyện Thạch Thất và Quốc Oai	17.274	81.600	0	600.000	85,0

Như vậy, phương pháp tính toán tỷ lệ đô thị hóa theo quy định còn có những điểm chưa phù hợp với thực tiễn phát triển của Thành phố là nguyên nhân dẫn đến chỉ tiêu đô thị hóa không hoàn thành.

2. Ban Văn hóa, Xã hội

2.1. Đánh giá bổ sung kết quả thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trong năm 2020:

Theo thông tin từ Hệ thống giám sát dịch bệnh của Việt Nam, tính đến 14 giờ ngày 03/12/2020, thế giới đã ghi nhận 64.866.224 người mắc COVID-19 trong đó đã có 1.499.690 người tử vong (tỷ lệ 2,3%) tại 215 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, trung bình cứ hai ngày Thế giới có thêm khoảng 1 triệu ca mắc mới và gần 20.000 trường hợp tử vong. Tại Việt Nam: 14 giờ ngày 03/12/2020: 1.358 mắc; 35 tử vong tại 43 tỉnh thành phố. Trong đó: 1.204/1.358 trường hợp đã khỏi bệnh, hiện còn 119/1.358 bệnh nhân đang điều trị. Tại Hà Nội: Lũy tích đến 14 giờ ngày 03/12/2020, ghi nhận 172 ca mắc (121 trường hợp từ giai đoạn trước), giai đoạn từ 25/7 đến nay có 51 ca mắc, chưa có tử vong. Trong đó 11 ca ngoài cộng đồng và 40 ca từ nước ngoài vào được cách ly ngay khi nhập cảnh. Đã qua 106 ngày liên tiếp Hà Nội không ghi nhận thêm bệnh nhân mắc mới tại cộng đồng.

Thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương, UBND Thành phố đã xác định công tác phòng chống dịch COVID-19 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, với mục tiêu kiểm soát thật tốt dịch bệnh trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn với các giải pháp thực hiện đồng bộ, quyết liệt. UBND Thành phố ban hành phổ các văn bản chỉ đạo về công tác phòng chống dịch phù hợp với diễn biến tình hình dịch bệnh. Ngay khi trên địa bàn Thành phố xuất hiện ca bệnh đầu tiên, Thành phố đã triển khai ngay việc điều tra, khoanh vùng xử trí, cách ly khu vực có bệnh nhân; Chủ động công

tác phòng chống dịch để kịp thời ban hành các chỉ đạo đáp ứng phù hợp với tình hình dịch bệnh đặc biệt là chỉ đạo quyết liệt việc bao vây khoanh vùng xử trí các ổ dịch nóng như tại ổ dịch tại bệnh viện Bạch Mai, ổ dịch tại thôn Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh và các ca bệnh liên quan tới chuyến bay VN0054.... Chỉ đạo các TTYT quận, huyện thị xã, các Bệnh viện thực hiện nhiệm vụ tại các khu cách ly tập trung; thực hiện giám sát, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng, cách ly, khoanh vùng ổ dịch; triển khai công tác xét nghiệm đối với tất cả các trường hợp tiếp xúc gần, tiếp xúc với tiếp xúc, các trường hợp nhập cảnh qua cửa khẩu Nội Bài, các trường hợp có nguy cơ cao khi có các yếu tố dịch tễ... Tổ chức đào tạo, tập huấn về công tác điều trị cho các đơn vị. Thành lập các đoàn kiểm tra công tác phòng chống dịch COVID-19 tại các cơ sở y tế. Bảo đảm trang thiết bị, vật tư y tế phòng, chống dịch tại các tuyến. Một số hoạt động cụ thể như:

- Điều tra, xác minh các trường hợp có liên quan đến các ca bệnh
- Giám sát hành khách nhập cảnh qua Sân bay quốc tế Nội Bài
- Phối hợp với các địa phương khác trong công tác giám sát dịch tễ đối với hành khách đã nhập cảnh tại Sân bay quốc tế Nội Bài và đã di chuyển tới các địa phương khác.
- Tổ chức cách ly, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng.
- Tổ chức tiếp nhận cách ly tập trung.
- Quản lý đối tượng F1.
- Điều trị và cách ly tập trung tại Bệnh viện của Hà Nội; chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện nghiêm túc công tác sàng lọc, phân luồng, phân tuyến, cách ly điều trị và phòng chống lây nhiễm trong bệnh viện.
- Thành lập các đoàn kiểm tra của Thành phố tổ chức kiểm tra công tác phòng chống dịch COVID-19 tại các quận, huyện.
- Tổ chức thực hiện cách ly, khử khuẩn theo dõi sức khỏe và đảm bảo sinh hoạt cho người dân tại các khu vực xuất hiện bệnh nhân.
- Cung ứng lương thực, thực phẩm: Chỉ đạo các địa phương cung ứng đầy đủ lương thực, thực phẩm, nước uống cho nhân dân khu vực cách ly; các Siêu thị, các doanh nghiệp cung ứng đầy đủ lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu cho nhân dân, đảm bảo nguồn dự phòng trong sẵn sàng cung ứng trong mọi tình huống không để xảy ra thiếu nguồn cung.
- Công tác truyền thông đảm bảo công khai minh bạch tất cả thông tin về trường hợp mắc COVID-19 và các trường hợp tiếp xúc gần với bệnh nhân để người dân biết, chủ động khai báo khi có tiếp xúc.
- Tổ chức tiếp nhận thông tin dịch bệnh 24/24 qua đường dây nóng của ngành Y tế. Các đội phản ứng nhanh của các bệnh viện và các TTYT sẵn sàng nhận nhiệm vụ ngay khi được điều động.
- Thực hiện cách ly chặt chẽ và lấy mẫu xét nghiệm đối với tất cả các trường hợp nhập cảnh vào Hà Nội để chủ động giám sát, phòng chống bệnh COVID-19. Bên cạnh đó là tăng cường công tác kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Y tế, Thành ủy (Thành phố đã thành lập

05 đoàn kiểm tra việc thực hiện công tác phòng chống dịch COVID-19 của các quận, huyện, thị xã). Định kỳ hàng tuần, Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh COVID-19 Thành phố tổ chức giao ban để quán triệt các đơn vị tiếp tục quyết liệt triển khai các biện pháp phòng chống, tuyệt đối không được chủ quan lơ là trước diễn biến của dịch bệnh.

Các cơ sở khám chữa bệnh đã thực hiện tốt công tác phân luồng, phân loại bệnh nhân tại khoa khám bệnh; tăng cường công tác xét nghiệm để phát hiện nhanh những trường hợp nghi ngờ mắc dịch bệnh; tổ chức khu vực cách ly, bố trí buồng cách ly sẵn sàng cấp cứu điều trị khi có bệnh nhân mắc dịch bệnh và đảm bảo đầy đủ cơ sở cấp cứu điều trị trong trường hợp dịch bệnh bùng phát.

Các đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo dịch theo quy định tại Thông tư 54/2015/TT-BYT của Bộ Y tế; Hàng ngày Sở Y tế có báo cáo về tình hình và các biện pháp phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn Thành phố và hàng tuần có báo cáo tổng hợp chung về các loại dịch bệnh báo cáo UBND Thành phố, Bộ Y tế đồng thời thông tin kịp thời, đầy đủ tình hình dịch cho các cơ quan báo đài để phối hợp trong công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh.

Hiện nay, dịch bệnh tại nước ta đã được kiểm soát. Tại Hà Nội, từ ngày 17/8 đến nay không ghi nhận ca mắc mới COVID-19 ngoài cộng đồng. Tuy nhiên thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về việc tạo điều kiện cho các chuyên gia nhập cảnh vào làm việc nên trong thời gian vừa qua đã ghi nhận thêm các trường hợp mắc từ nước ngoài xâm nhập vào nước ta. Bên cạnh đó theo đánh giá của các chuyên gia dịch bệnh hoàn toàn có thể quay trở lại và bùng phát với các lý do: Tình hình dịch bệnh trên Thế giới vẫn đang diễn biến hết sức phức tạp, đến nay vẫn chưa có vắc xin dự phòng cung cấp cho cộng đồng. Mầm bệnh có thể còn tồn tại trong cộng đồng và chưa được phát hiện. Thời tiết hiện nay là điều kiện thuận lợi cho tác nhân gây bệnh là vi rút phát triển và lây truyền bệnh. Hiện đang có tâm lý chủ quan nhất định đối với công tác phòng chống dịch tại một số địa phương, đơn vị, nhiều người dân đã không tuân thủ các biện pháp phòng chống dịch theo quy định; đặc biệt là việc không đeo khẩu trang tại những nơi công cộng...

- Tiếp tục truyền thông mạnh mẽ nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, tự bảo vệ trước nguy cơ dịch bệnh trong nhân dân, thực hiện nghiêm các biện pháp phòng, chống dịch, tuyệt đối không chủ quan lơ là với dịch bệnh. Yêu cầu bắt buộc đeo khẩu trang trên các phương tiện giao thông công cộng và các nơi công cộng như công viên, vườn hoa, phố đi bộ, quảng trường, bến tàu, bến xe, chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các sự kiện văn hóa thể thao tại nơi công cộng/sân vận động).

- Ngành Y tế Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm việc kiểm dịch y tế tại cửa khẩu sân bay quốc tế Nội Bài. Tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh tại cộng đồng; khi phát hiện ra ca bệnh cần thực hiện khoanh vùng, cách ly kịp thời, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát phòng, chống dịch tại các bệnh viện, cơ sở y tế; các bệnh viện, phòng khám phải duy trì việc phân luồng bệnh nhân, yêu cầu

người nhà và người bệnh phải đeo khẩu trang và tiến hành lấy mẫu xét nghiệm ngay đối với những trường hợp nghi ngờ.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành xây dựng phương án để chủ động phòng chống dịch, đồng thời đảm bảo đủ cơ sở dự trữ các vật tư, trang thiết bị thiết yếu phòng chống dịch tại các bệnh viện và các trung tâm y tế.

- Các đoàn kiểm tra theo Quyết định số 4966/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của UBND Thành phố tiếp tục kiểm tra công tác phòng chống dịch COVID-19 tại các quận, huyện, thị xã.

2.2. Số giường bệnh năm 2020 đã đạt 27,1 giường bệnh/vạn dân (vượt chỉ tiêu đã đề ra), Thành phố đang tập trung triển khai thực hiện các dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện (đến hết năm 2020 còn 05 bệnh viện chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-20252 với khoảng 1.810 giường bệnh). Số giường bệnh của 5 bệnh viện trên đã được tính trong chỉ tiêu giường bệnh trong năm 2020 chưa? Giai đoạn 2016-2020, toàn Thành phố tăng thêm được bao nhiêu giường bệnh từ việc đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp các bệnh viện?

Số giường bệnh của 05 bệnh viện như sau:

(1). Dự án Mở rộng và nâng cấp BVĐK huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II (2012-2021): 300 giường.

(2). Dự án Nâng cấp BVĐK huyện Thường Tín (2012-2021): 300 giường.

(3). Dự án Cải tạo BVĐK Hà Đông (2019-2022): 570 giường.

(4). Dự án Nâng cấp BVĐK Sơn Tây (2019-2023): 440 giường.

(5). Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội (2016-2021): 200 giường.

Số giường bệnh của các Bệnh viện đã được tính trong chỉ tiêu giường bệnh trong năm 2020, cụ thể: BVĐK huyện Ba Vì (310 giường), BVĐK huyện Thường Tín (250 giường), BVĐK Hà Đông (650 giường), BVĐK Sơn Tây (440 giường). Riêng Bệnh viện Nhi Hà Nội chưa thi công xong nên không có trong chỉ tiêu giường bệnh năm 2020.

Số giường bệnh tăng thêm từ việc đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các bệnh viện giai đoạn 2016-2020: Năm 2016, tổng số giường của các bệnh viện công lập toàn ngành là: 10.000 giường; Năm 2020, tổng số giường của các bệnh viện công lập toàn ngành là: 12.695 giường. Số lượng giường bệnh tăng thêm là: 2.695 giường bệnh.

2.3. Báo cáo rõ thêm kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố về quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của Thành phố. Làm rõ cơ sở đề xuất chỉ tiêu giảm nghèo năm 2021.

² Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II (2012-2021): 300 giường; Xây dựng Bệnh viện Nhi Hà Nội (2016-2021): 200 giường; nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Thường Tín (2012-2021): 300 giường; Cải tạo Bệnh viện đa khoa Hà Đông (2019-2022): 570 giường; nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Sơn Tây (2019-2023): 440 giường.

Thực hiện chính sách hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội đã góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố, trong 02 năm 2019-2020 đã có 9.024 hộ thoát nghèo do được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND, góp phần giảm hộ nghèo của Thành phố từ 23.289 hộ (*tỷ lệ hộ nghèo là 1,16%, đầu năm 2019, trước khi thực hiện Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND*) xuống còn 4.487 hộ nghèo (*dự kiến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo là 0,21%*). Đến nay Thành phố có 14/30 quận, huyện không còn hộ nghèo, gồm: Cầu Giấy, Ba Đình, Tây Hồ, Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Nam Từ Liêm, Hà Đông, Đông Anh, Gia Lâm, Hoài Đức, Đống Đa, Bắc Từ Liêm, Long Biên. Trong đó có 02 quận không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo là Hai Bà Trưng và Cầu Giấy. Số đối tượng được hỗ trợ theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND đến nay, đã có 25.485 người được hưởng chính sách của Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND. Trong đó:

- *Chính sách thứ 1* “Hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật đặc biệt nặng, người mắc bệnh hiểm nghèo”: Có 7.706 người được UBND cấp huyện xét duyệt, quyết định hỗ trợ hàng tháng, mức hỗ trợ 1,1 triệu đồng/người (nông thôn) và 1,4 triệu đồng/người (thành thị).

- *Chính sách thứ 2* “Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho thành viên hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo. Thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng sau khi hộ gia đình thoát cận nghèo”: Có 8.869 người được hưởng.

- *Chính sách thứ 3* “Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập mức 100.000 đồng/học sinh/tháng đối với trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (kể cả học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên) là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo. Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế không quá 9 tháng/năm học, tối đa không quá 03 năm học sau khi hộ gia đình thoát nghèo”: Có 8.832 học sinh được hưởng.

- *Chính sách thứ 4* “Tiếp nhận người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo; người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội”: Có 78 đối tượng được hưởng.

Về cơ sở đề xuất chỉ tiêu giảm nghèo năm 2021: Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thiên tai bão lũ gây thiệt hại nghiêm trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân nên năm 2021 Chính phủ chủ trương không điều chỉnh chuẩn nghèo mới mà tiếp tục áp dụng chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020 (*Ngày 03/11/2020, Bộ LĐ TB&XH có văn bản số 4338/LĐTBXH-VPQGGN gửi Văn phòng Chính phủ về việc điều chỉnh thời điểm áp dụng chuẩn nghèo mới là giai đoạn 2022-2025*).

Theo kết quả rà soát hộ nghèo của các quận, huyện, thị xã, cuối năm 2020 thành phố Hà Nội cơ bản không còn hộ nghèo. Số hộ nghèo còn lại có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên không đủ điều kiện để hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính

sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và cũng không đủ điều kiện để hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố về một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội.

Hà Nội hiện có 383 xã, trong đó có 14 xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi. Thực tế cho thấy, xã hội luôn tồn tại một bộ phận hộ nghèo với nhiều lý do, hoàn cảnh khác nhau, bao gồm cả một số hộ luôn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của chính sách nhà nước. Hơn nữa tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường, hậu quả của dịch bệnh đã và đang ảnh hưởng trực tiếp đến việc làm, thu nhập và đời sống của nhân dân, đặc biệt là đời sống của các hộ nghèo Thành phố.

Trong thời gian tới, Thành phố tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện việc phân loại, xác định rõ nguyên nhân nghèo của từng hộ để đề ra giải pháp hỗ trợ hiệu quả, cụ thể:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, chính sách xã hội khác của Chính phủ và Thành phố.
- Tiếp tục hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng chính sách xã hội, đào tạo nghề, giới thiệu việc làm để tăng thu nhập.
- Tiếp tục vận động, xã hội hóa các nguồn lực để hỗ trợ cho các trường hợp ốm đau, bệnh tật, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.
- Vận động các hộ gia đình nỗ lực phấn đấu vươn lên thoát nghèo, không trông chờ vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước, Thành phố.

2.4. Tình khả thi của việc hoàn thành chỉ tiêu công nhận trường chuẩn quốc gia; đánh giá, công nhận lại trường chuẩn quốc gia trong thời gian còn lại của năm 2020?

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 59,5% (1.636/2.748), trong đó công lập là 72,5% (1.599/2.206). Chia ra: Mầm non đạt tỷ lệ 45,3% (526/1.140), trong đó công lập 62,9% (496/788); Tiểu học đạt tỷ lệ 73,2% (552/754), trong đó công lập 77,7% (545/701); THCS đạt tỷ lệ 76,9% (483/628), trong đó công lập 79,9% (480/601); THPT đạt tỷ lệ 37,6% (85/226), trong đó công lập 67,2% (78/116).

Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2020:

(1). Công nhận mới

a) Kế hoạch: Chỉ tiêu Thành phố giao xây dựng 104 trường đạt CQG, trong đó: Mầm non là 49 trường; tiểu học là 22 trường; THCS là 27 trường; THPT là 06 trường.

b) Kết quả đạt được:

- Đã có quyết định công nhận 20 trường đạt chuẩn quốc gia, Mầm non là 11 trường; Tiểu học 04 trường; THCS là 03 trường; THPT là 02 trường.
- Đã có quyết định đạt Kiểm định chất lượng giáo dục và trình UBND Thành phố công nhận đạt chuẩn quốc gia cho 07 trường, trong đó: Tiểu học là 03 trường; THCS là 03 trường; THPT là 01 trường.

- Đang đánh giá ngoài cho 81 trường, trong đó: Mầm non là 44 trường; tiểu học là 17 trường; THCS là 16 trường; THPT là 04 trường.

Dự kiến hoàn thành 108/ KH 104 trường đạt chuẩn quốc gia năm 2020.

(2). Công nhận lại trường đạt chuẩn quốc gia

a) Kế hoạch:

- Theo đăng ký tháng 01/2020 của các quận, huyện, thị xã số trường thực hiện công nhận lại năm 2020 là 404 trường, theo cấp học: Mầm non 93 trường; tiểu học 165 trường; THCS 127 trường; THPT 20 trường và chuyển 217 trường thực hiện công nhận lại sang năm 2021 và các năm tiếp theo.

- Theo đăng ký tháng 7/2020 của các quận, huyện, thị xã do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến công tác đầu tư cho các trường về cơ sở vật chất, số trường thực hiện công nhận lại năm 2020 là 362 trường, theo cấp học: Mầm non 79 trường; tiểu học 144 trường; THCS 119 trường; THPT 20 trường và chuyển 259 trường thực hiện công nhận lại sang năm 2021 và các năm tiếp theo.

b) Kết quả đạt được:

- Đã có quyết định công nhận lại cho 95 trường đạt chuẩn quốc gia, trong đó: Mầm non 28 trường; Tiểu học 30 trường; THCS 34 trường; THPT 03 trường.

- Đã có quyết định đạt Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt chuẩn quốc gia cho 44 trường, trong đó: Tiểu học là 27 trường; THCS là 15 trường; THPT là 02 trường.

- Đang đánh giá ngoài cho 181 trường, trong đó: Mầm non là 54 trường; tiểu học là 60 trường; THCS là 52 trường; THPT là 11 trường.

- Đã ban hành quyết định đánh giá ngoài cho 47 trường các cấp học.

Dự kiến năm 2020 đánh giá ngoài được 367/ KH 362 trường công nhận lại chuẩn quốc gia, hoàn thành vượt chỉ tiêu.

2.5. Rà soát, báo cáo bổ sung việc xây dựng trường học tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố: Số khu đô thị đã xây dựng trường học, số khu đô thị chưa xây dựng trường học theo quy hoạch; giải pháp xử lý đối với những khu đô thị đã đi vào hoạt động nhưng chưa bố trí xây dựng trường học?

Trong những năm qua, UBND Thành phố đã dành nhiều quan tâm đến công tác chỉ đạo quy hoạch và đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở. Đến nay, trên địa bàn Thành phố đã có nhiều dự án khu đô thị, khu nhà ở được đầu tư cơ bản hoàn thành, có hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại các dự án này đã được đầu tư hạ ngầm đồng bộ, hiện đại, các công trình hạ tầng xã hội (trường học, nhà trẻ, y tế, văn hóa, chợ...) đã được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng nhu cầu của dân cư.

Qua rà soát 78 dự án khu đô thị mới, dự án khu nhà ở đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng có quy hoạch đất xây dựng trường mầm non và trường phổ thông, kết quả: 36 dự án được đầu tư xây dựng đảm bảo đồng bộ các công trình nhà trẻ, trường học với việc xây dựng nhà ở theo quy hoạch; 27 dự án khu đô thị mới, khu nhà ở có tiến độ xây dựng nhà trẻ, trường học theo quy hoạch đảm bảo cùng với tiến độ xây dựng nhà ở, với 196 trường học các cấp (trong đó, 42 trường công lập

và 154 trường tư thục) đã cung cấp chỗ học cho 126.146 học sinh, cụ thể: Khu đô thị Trung Hòa-Nhân chính, Khu đô thị mới Cầu Giấy, khu nhà ở Bắc Linh Đàm mở rộng, Khu đô thị mới Định Công, Khu đô thị mới Đại Kim - Định Công, Khu đô thị mới Mỹ Đình 1, Khu đô thị Mỹ Đình 2, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Khu đô thị Royal City, Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, Khu đô thị Đông Nam Trần Duy Hưng, Khu đô thị sinh thái Vincom Village, Khu đô thị Trung Yên, KĐT Việt Hưng, Khu đô thị Sài Đồng ...

Hiện nay, còn khoảng 15 dự án khu đô thị, nhà ở như: Khu đô thị mới Phùng Khoang, khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, dự án chức năng đô thị Xuân Phương (quận Nam Từ Liêm), khu đô thị thành phố giao lưu, khu ngoại giao Đoàn, khu đô thị mới Cổ Nhuế - Xuân Đình, dự án khu nhà ở và công trình công cộng tại Cổ Nhuế (quận Bắc Từ Liêm), khu nhà ở để bán Quang Minh, khu đô thị Lê Trọng Tấn Geleximco, khu đô thị mới Văn Canh, khu nhà ở Vĩnh Hoàng, khu chức năng đô thị Ao Sào (quận Hoàng Mai), khu đô thị mới Cầu Bươu (huyện Thanh Trì), dự án khu nhà ở Thạch Bàn - Long Biên, khu đô thị mới Tây Nam Hồ Linh Đàm, chưa xây dựng trường học theo quy hoạch đảm bảo đồng bộ gây nên quá tải cho các trường công lập trong khu vực lân cận.

(1). Nguyên nhân:

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Tại một số dự án trong các văn bản cho phép đầu tư, giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án ở giai đoạn trước đây chưa xác định rõ trách nhiệm đầu tư các công trình nhà trẻ, trường học dẫn đến chưa chủ động trong việc đầu tư các công trình này.

- Đa số các dự án, tiến độ đầu tư xây dựng các công trình nhà trẻ, trường học và các công trình hạ tầng xã hội khác chưa được quy định cụ thể, chi tiết trong quyết định cho phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, mà mới chỉ quy định tiến độ chung cho cả dự án dẫn đến việc xác định thời điểm phải thực hiện xây dựng các công trình trường học, nhà trẻ không rõ ràng.

- Một số dự án đầu tư xây dựng trường học trong các khu đô thị, khu nhà ở, đặc biệt là khu vực các quận trung tâm đã được chủ đầu tư chuyển nhượng lại cho các nhà đầu tư thứ cấp để triển khai xây dựng, do nhiều nguyên nhân khác nhau ... dẫn đến các nhà đầu tư thứ cấp chậm triển khai nhưng các chủ dự án không đôn đốc triển khai kịp thời, đúng tiến độ.

- Nhiều chủ đầu tư mới chỉ quan tâm đến việc đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình hỗn hợp để kinh doanh thu hồi vốn, các công trình hạ tầng xã hội, nhà trẻ, trường học chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng.

b) Nguyên nhân khách quan:

- Tại một số dự án vị trí xây dựng nhà trẻ, trường học còn vướng giải phóng mặt bằng, dẫn đến việc không triển khai đầu tư xây dựng được các công trình này.

- Một số dự án tại khu vực các huyện thuộc tỉnh Hà Tây (trước đây) khi hợp nhất với thành phố Hà Nội chỉ được triển khai một phần, phần còn lại phải tạm ngừng triển khai để điều chỉnh quy hoạch dẫn đến không đầu tư đồng bộ được toàn bộ dự án.

- Nhiều dự án, tình trạng người mua nhà để đầu tư, đầu cơ, vì vậy khi nhận nhà không đưa vào sử dụng ngay dẫn đến khi xây dựng xong nhà trẻ, trường học không đủ học sinh. Do vậy các chủ đầu tư xây dựng một cách cầm chừng.

- Tình hình thị trường bất động sản trong những năm vừa qua có nhiều thăng trầm, dẫn đến một số chủ đầu tư khó khăn về tài chính làm ảnh hưởng đến chất lượng đầu tư đối với dự án.

(2). Trách nhiệm:

Việc đầu tư xây dựng thiếu đồng bộ trường học trong một số dự án khu đô thị trước hết thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư các dự án.

Đối với các Sở, ngành chức năng và chính quyền địa phương quận, huyện: Chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng để các dự án được triển khai đồng bộ; Chưa chủ động, quyết liệt trong công tác giám sát, đôn đốc các chủ đầu tư dự án thực hiện đầu tư xây dựng đồng bộ dự án.

(3). Giải pháp:

- Quy định cụ thể, rõ trách nhiệm, tiến độ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, trường học, nhà trẻ trong dự án để làm cơ sở kiểm tra, giám sát, đôn đốc chủ đầu tư thực hiện.

- Đối với các dự án vướng mắc về quy hoạch, chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án cho phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu để tiếp tục triển khai dự án đảm bảo việc đầu tư xây dựng được đồng bộ.

- Đối với các dự án vướng mắc về giải phóng mặt bằng, UBND các quận, huyện tập trung rà soát, tháo gỡ vướng mắc về giải phóng mặt bằng để giao đất cho các chủ đầu tư xây dựng đồng bộ dự án.

- Đối với các dự án chủ đầu tư chậm triển khai xây dựng trường học, soát, đề xuất việc thu hồi quỹ đất này theo quy định, đề xuất phương án đầu tư xây dựng trường học sau khi thu hồi.

- Cập nhật quy hoạch mạng lưới trường học vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tin học hóa xây dựng cơ sở dữ liệu của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố.

- Tăng cường phối hợp giữa UBND các quận, huyện, thị xã, các Sở ban ngành của Thành phố trong công tác thực hiện Quy hoạch mạng lưới trường học đã được phê duyệt.

- Các quận, huyện, thị xã tiếp tục ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng trường học các cấp.

- Thu hồi các dự án đối với nhà đầu tư cố tình trì hoãn việc, chậm trễ thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng trường học trong các khu đô thị.

- Hạn chế xây dựng khu đô thị, chung cư cao tầng trong khu vực nội thành.

2.6. Đánh giá, phân tích kỹ, cụ thể nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Tiến độ lập nhiệm vụ quy hoạch Thành phố; đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới:

Quy hoạch Thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 là quy hoạch tích hợp. Theo quy định của Luật Quy hoạch, việc lập quy hoạch được

thực hiện theo 02 giai đoạn *lập nhiệm vụ quy hoạch* và *lập quy hoạch*. Tại mỗi giai đoạn đều phải trình Hội đồng thẩm định quy hoạch quốc gia xem xét, thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là quy hoạch có tính chất, nội dung, phạm vi nghiên cứu, hình thức hoàn toàn mới so với trước đây. Việc tổ chức chuẩn bị nghiên cứu, lập, thẩm định, phê duyệt còn nhiều vướng mắc do các quy định pháp luật chưa rõ ràng (Việc ban hành Luật Quy hoạch 2017 có liên quan và phải sửa đổi 4 pháp lệnh và khoảng hơn 70 Luật có liên quan). Do vậy, trong quá trình triển khai thực hiện còn nhiều lúng túng. Cơ quan được giao nhiệm vụ (Sở Kế hoạch và Đầu tư) vừa chủ động nghiên cứu, vừa xin ý kiến các bộ, ngành (Bộ KH&ĐT, Bộ Tài chính), vừa tham khảo kinh nghiệm của các địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện công tác quy hoạch hiện nay còn một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

Về khái niệm: Luật Quy hoạch có khái niệm về quy hoạch. Luật số 28 sửa đổi 11 luật liên quan đến quy hoạch có khái niệm dự án quy hoạch (Điều 5, khoản 10). Luật Đầu tư công 2019 có khái niệm nhiệm vụ quy hoạch. Cách hiểu các khái niệm quy hoạch khác nhau dẫn đến khó khăn trong quản lý việc lập quy hoạch.

Về tích hợp quy hoạch vào quy hoạch tỉnh/thành phố: việc tích hợp của các nội dung đề xuất của các ngành, lĩnh vực quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành vào quy hoạch tỉnh/thành phố chưa cụ thể sẽ dẫn đến khó khăn trong triển khai thực hiện. Ngoài ra, cơ quan tổ chức lập quy hoạch phải tổ chức thẩm định từng nội dung đề xuất trước khi tích hợp vào quy hoạch cấp tỉnh, tuy nhiên, đối với các nội dung đề xuất của ngành thì việc tổ chức thẩm định như thế nào trong khi một số pháp luật chuyên ngành chưa có hướng dẫn. Việc tích hợp quy hoạch ngành cần có phương pháp, cách thức, tiêu chí cụ thể để cơ quan tổ chức lập quy hoạch (UBND cấp tỉnh) triển khai thực hiện (trong khi Luật Quy hoạch giao quyền cho Thủ trưởng cơ quan tổ chức lập quy hoạch quyết định việc tích hợp các nội dung đề xuất trong trường hợp còn ý kiến khác nhau). Chính phủ đã ban hành NQ 110/NQ-CP ngày 05/12/2019 ban hành danh mục 257 Quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, chưa quy định ở cấp thành phố bao gồm những nội dung đề xuất và danh mục quy hoạch cụ thể.

Về tư vấn lập quy hoạch: Hệ thống quy hoạch theo quy định của Luật quy hoạch là hoàn toàn mới so với trước đây, trong và ngoài nước hiện chưa có đơn vị tư vấn hoặc chuyên gia tư vấn đủ kinh nghiệm theo các quy định của Nghị định số 37. Việc đồng loạt các ngành, các địa phương tổ chức lập quy hoạch trong một khoảng thời gian nhất định dự báo sẽ khó khăn trong công tác lựa chọn tư vấn (thiếu tư vấn có đủ trình độ, năng lực kinh nghiệm, thâm niên theo quy định tại Điều 4, Nghị định 37).

Những nội dung công việc đã triển khai thực hiện:

Trong các năm 2018, 2019, thực hiện Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ ngày 05/02/2018 triển khai thi hành Luật Quy hoạch, UBND Thành phố có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện Luật Quy hoạch. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản 5712/BKHĐT-QLQH ngày 14/8/2019 về điều kiện bố trí vốn và thủ tục

thanh toán vốn đầu tư các dự án lập quy hoạch; Bộ Tài chính đã có văn bản số 10047/BTC-ĐT ngày 27/8/2019.

Trong năm 2020, UBND Thành phố đã ban hành *Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 26/3/2020* để lập Quy hoạch Thành phố; *Quyết định số 1220/QĐ-UBND ngày 26/3/2020* giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan lập Quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Thành lập Ban chỉ đạo lập quy hoạch thành phố kèm theo quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo tại *Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 14/5/2020*, *Quyết định số 547/QĐ-BCĐ ngày 01/7/2020* thành lập Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo lập Quy hoạch.

Việc lập Quy hoạch Thành phố bao gồm 02 giai đoạn: *xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch và lập Quy hoạch*. Hiện nay, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định về thẩm định dự toán kinh phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh/thành phố.

Tổ chức thẩm định đề cương, dự toán kinh phí xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch:

- Được sự hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, ngày 31/8/2020, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 4107/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 về việc thành lập Hội đồng thẩm định dự toán kinh phí xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch và tổ chức lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định đã có văn bản số 4676/KHĐT-THQH ngày 18/9/2020 và văn bản số 5607/KHĐT-THQH ngày 09/10/2020 để lấy ý kiến thẩm định của các thành viên Hội đồng thẩm định. Đến nay (19/10/2020) Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được các văn bản tham gia ý kiến của các cơ quan, đơn vị.

- Sau khi nghiên cứu, tổng hợp kết quả thẩm định, thay mặt Hội đồng thẩm định, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi Thông báo số 1067/TB-HĐTĐ ngày 15/10/2020 về Kết quả thẩm định dự toán kinh phí xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ngày 28/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Tờ trình số 68/TTr- KHĐT báo cáo UBND Thành phố đề nghị phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, làm cơ sở để thuê đơn vị tư vấn xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Ngày 13/11/2020. UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 5115/QĐ-UBND phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Những nội dung công việc triển khai tiếp theo:

- Tổ chức lựa chọn tư vấn để triển khai xây dựng nhiệm vụ lập Quy hoạch (dự kiến trong năm 2020 sẽ phần đầu hoàn thành).

- Ban chỉ đạo họp góp ý nhiệm vụ lập Quy hoạch, báo cáo Thành ủy để xin ý kiến trước khi gửi Hội đồng thẩm định Quy hoạch quốc gia (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì). Thời gian dự kiến: Quý I/2021.

- Bổ sung, hoàn thiện Nhiệm vụ lập Quy hoạch, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt. Thời gian dự kiến: Quý I/2021.

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch Thành phố thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, cơ quan lập quy hoạch sẽ tổ chức triển khai các thủ tục thuê tư vấn để lập quy hoạch theo quy định. Thời gian dự kiến: 24 tháng tính từ khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ.

2.7. Đánh giá, phân tích kỹ, cụ thể nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Tiến độ lập thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết một số đô thị vệ tinh, cải tạo các khu chung cư cũ còn chậm; đồng thời đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới.

(1). Sau khi quy hoạch chung các đô thị vệ tinh được phê duyệt, Thành phố đã giao các đơn vị tổ chức lập 25 đồ án quy hoạch phân khu với tổng diện tích 21.452 ha thuộc 05 đô thị vệ tinh: Phú Xuyên (03 khu), Xuân Mai (03 khu), Sóc Sơn (06 khu), Sơn Tây (09 khu theo ranh giới phường) và Hòa Lạc (04 khu). Ngoại trừ 05 khu (phường) thuộc đô thị vệ tinh Sơn Tây, các đồ án còn lại do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội lập theo nhiệm vụ được UBND Thành phố giao.

Đến nay 16/25 đồ án đã được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (09 đồ án chưa được phê duyệt nhiệm vụ gồm 04 khu tại Hòa Lạc và 05 khu tại Sơn Tây). Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội đã lập đồ án trên cơ sở nhiệm vụ được UBND Thành phố phê duyệt. Bộ Xây dựng đã có ý kiến đối với 03 đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai và 03 đồ án Quy hoạch phân khu đô thị Phú Xuyên. Tiến độ thực hiện quy hoạch nhìn chung còn chưa đáp ứng được yêu cầu, nguyên nhân chính như sau:

- Khối lượng các đồ án quy hoạch rất lớn phải thực hiện trong thời gian ngắn: Ngoài các quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh nêu trên còn phải triển khai đồng thời rất nhiều các quy hoạch, quy chế khác. Việc đồng thời tổ chức triển khai lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch đô thị với khối lượng lớn và yêu cầu cao về chất lượng là một thách thức; Nhiều dự án trên địa bàn phải được rà soát, khớp nối đồng bộ với các quy hoạch, dự án khác mất nhiều thời gian và khó khăn cho công tác lập, thẩm định.

- Cơ chế chính sách trong quá trình lập, hoàn thiện các quy hoạch phân khu có thay đổi, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Đội ngũ tư vấn có kinh nghiệm, năng lực lập các đồ án quy hoạch có quy mô lớn là không nhiều. Hiện đang tập trung chủ yếu vào Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội và một số đơn vị tư vấn khác dẫn đến quá tải, không đảm bảo về tiến độ và chất lượng yêu cầu.

- Việc xin ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan chưa nhận được sự đồng thuận, thống nhất, mất thời gian hoàn chỉnh (Quy hoạch phân khu đô thị Ga Hà Nội, quy hoạch phân khu H1, Quy chuẩn 4 quận...) hoặc phải chờ các quy hoạch liên quan để khớp nối, thống nhất (Quy hoạch phân khu đô thị sông Hồng, sông Đuống phải chờ “Điều chỉnh Quy hoạch phòng chống lũ chi tiết của từng tuyến

sông có đề trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020”, tuy nhiên đến nay đã có những quy định mới thay đổi đối với việc lập quy hoạch này...).

- Sự đồng thuận của cộng đồng đối với một số quy hoạch chưa cao, đặc biệt là các quy hoạch về vệ sinh môi trường, xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải, nhà tang lễ, nghĩa trang, hướng tuyến, chỉ giới một số các tuyến đường... chưa nhận được sự ủng hộ của người dân.

- Về di dời các cơ quan, cơ sở giáo dục, y tế: Đã được Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ chủ trì xây danh mục, tiêu chí, lộ trình và biện pháp di dời tại Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015. Tuy nhiên đến nay các nội dung này chưa được các Bộ triển khai, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, do đó phương án quy hoạch đối với các địa điểm này còn thiếu cơ sở pháp lý đồng thời khó cân đối phương án sử dụng để bổ sung HTXH, HTKT cho Thành phố.

- Các quy định hiện hành còn có những chồng chéo, vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện chưa được các cấp thẩm quyền kịp thời tháo gỡ (Ví dụ cơ chế tài trợ đối với các quy hoạch phân khu đô thị vệ tinh Sơn Tây), Sở Quy hoạch - Kiến trúc đã có các văn bản gửi Bộ Xây dựng hoặc gửi các sở ngành để tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền.

(2). Theo thống kê, trên địa bàn TP. Hà Nội hiện có 1.579 chung cư cũ xây dựng trong giai đoạn 1960-1980. Đa số các chung cư này đã xuống cấp, xập xệ... đứng trước nguy cơ mất an toàn cao tập trung chủ yếu tại các quận Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Đống Đa... Tính đến trước năm 2016 Thành phố mới hoàn thành xây dựng lại được các nhà chung cư cũ theo các mô hình:

- Mô hình đầu tư cải tạo, xây dựng mới bằng nguồn vốn ngân sách Thành phố: Gồm các dự án đầu tư xây dựng mới nhà B7, B10 Khu tập thể Kim Liên đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa.

- Mô hình đầu tư cải tạo, xây dựng mới bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, gồm đầu tư cải tạo, xây dựng mới các chung cư cũ độc lập (các dự án: I1, I2, I3 Thái Hà, phường Láng Hạ, quận Đống Đa; 187 Tây Sơn, quận Đống Đa; P3 Phương Liệt, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân; B4, B14 Kim Liên, quận Đống Đa; A6, C7, D2 Giảng Võ, quận Ba Đình; C1 Thành Công, quận Ba Đình;...) và mô hình đầu tư cải tạo, xây dựng mới toàn khu chung cư cũ (giai đoạn 1 của dự án cải tạo, xây dựng mới Khu tập thể Nguyễn Công Trứ là cải tạo, xây dựng mới nhà A2, A3 thành nhà N3)

Theo Quy hoạch chung Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khu vực Nội đô lịch sử thuộc khu vực hạn chế phát triển, phải tiến hành từng bước giãn - giảm dân số từ 1,2 triệu giảm xuống 0,8 triệu dân; đồng thời quy định khi cải tạo phải đáp ứng được yêu cầu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật nhưng không được tăng quy mô dân số. Do đó, việc giải quyết bài toán cân đối tài chính cho nhà đầu tư, cải thiện diện tích ở cho người dân, không gia tăng dân số tại khu vực gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Trường hợp thực hiện theo đúng quy mô, chiều cao công trình và quy mô dân số theo đúng định hướng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Quy hoạch phân khu đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực nội đô và Quy chuẩn xây dựng thì các dự án không có khả năng

cân đối được tài chính, do đó chưa khuyến khích được Nhà đầu tư thực hiện dự án, dẫn đến Nhà nước phải bố trí ngân sách bù lỗ hoặc bố trí thanh toán bằng khu đất khác. Ngoài ra, vướng mắc liên quan đến quy định pháp luật đang là “nút thắt” khiến cải tạo chung cư gặp khó. Một số quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục trong cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư còn mâu thuẫn, chồng chéo, khó áp dụng để thực hiện trên thực tế Theo quy định tại Nghị định 101/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành năm 2015 và cho tới nay đã thấy rất nhiều bất cập, vướng mắc (như quy định việc tháo dỡ chung cư, nhà tập thể cũ phải được sự đồng thuận của 100% chủ sở hữu; phải có phương án bồi thường trước khi được lựa chọn chủ đầu tư; việc không quy định cụ thể hệ số bồi thường tái định cư tại chỗ sẽ vướng mắc trong thỏa thuận giữa các hộ dân và nhà đầu tư, dẫn đến việc tăng chi tiêu về quy hoạch kiến trúc, phá vỡ quy hoạch tổng thể chung của thành phố, gây áp lực hạ tầng...).

Nhận thức những khó khăn, xác định cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ là công tác quan trọng trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2016 - 2020; Ngay từ đầu năm 2016, rút kinh nghiệm từ việc thực hiện công tác cải tạo xây dựng lại các chung cư cũ trong giai đoạn trước đã hoàn thành, Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai công tác cải tạo, xây dựng lại các khu nhà ở chung cư cũ và đã giao Sở Xây dựng xây dựng Kế hoạch (Đề án) cải tạo, xây dựng lại các khu nhà ở chung cư cũ trên địa bàn Thành phố theo quy định.

Chủ trương triển khai lập quy hoạch tổng thể cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố theo hình thức xã hội hoá, làm cơ sở lựa chọn các Nhà đầu tư triển khai Dự án theo quy hoạch được duyệt đã được Thành phố chỉ đạo Sở Quy hoạch - Kiến trúc cùng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện trong thời gian qua. Tuy nhiên, việc nghiên cứu lập quy hoạch của các Nhà đầu tư còn nhiều vướng mắc do việc triển khai nghiên cứu chưa gắn với việc xây dựng và đồng bộ hoá với cơ chế, chính sách đặc thù. Do đó, cần thiết phải xây dựng Đề án cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư cũ trên địa bàn Thành phố, trong đó cần xây dựng khung cơ chế, chính sách đặc thù để kịp thời tháo gỡ một số khó khăn vướng mắc trong công tác lập quy hoạch như đã nêu; Đồng thời, cần phân cấp cho quận, huyện chủ động triển khai các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, quy trình thực hiện liên quan đến cải tạo, xây dựng mới các chung cư độc lập, đơn lẻ để đảm bảo tiến độ triển khai thực hiện, phù hợp với thực tiễn quản lý. Ngoài ra, các khó khăn vướng mắc về cơ chế chính sách có liên quan cần được tháo gỡ kịp thời.

Để đẩy nhanh tiến độ cải tạo chung cư cũ, UBND Thành phố đã giao Sở Xây dựng phối hợp các đơn vị chức năng của Bộ Xây dựng nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, phương án cụ thể. Đến nay, dự thảo Đề án đang trong quá trình lấy ý kiến đóng góp để đảm bảo tính khả thi trong quá trình triển khai.

Đồng thời, nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc liên quan đến quy định pháp luật về cải tạo chung cư cũ, tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản tổ chức ngày 03/9/2020, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng - Trưởng ban Chỉ đạo đã giao Bộ Xây dựng chủ trì nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị định 101/2015/NĐ-CP để trình các cấp có thẩm.

Hiện dự thảo sửa đổi Nghị định 101 đã được Bộ Xây dựng gửi xin ý kiến các Bộ ngành, địa phương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định.

2.8. Đánh giá, phân tích kỹ, cụ thể nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Chỉ tiêu tỷ lệ hộ dân nông thôn được cung cấp nước sạch đạt 78%, vượt chỉ tiêu Đại hội XVI Đảng bộ Thành phố, nhưng chưa đạt kế hoạch đề ra; đồng thời đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới.

Để hoàn thành mục tiêu về nước sạch trên địa bàn Thành phố theo Nghị quyết HĐND Thành phố, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ số người dân sử dụng nước sạch đạt 100%, đến hết năm 2019 Thành phố đã kêu gọi 23 Nhà đầu tư nghiên cứu triển khai 40 dự án đầu tư nước sạch, trong đó có 11 dự án phát triển nguồn, 29 dự án phát triển mạng cấp nước có khả năng phủ kín khoảng 94% địa bàn khu vực nông thôn. Được sự chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, cùng sự chung tay của các Nhà đầu tư, sau khi một số dự án cấp nước hoàn thành đã nâng tỷ lệ người dân nông thôn tiếp cận nguồn nước sạch từ 37,2% (năm 2016) lên 49,4% (năm 2017), năm 2018 là 55,5%, năm 2019 là 75% và đến nay đã có 246/416 xã được tiếp cận nguồn nước sạch từ việc đầu tư xây dựng công trình cấp nước tập trung và xây dựng mạng cấp nước từ hệ thống cấp nước tập trung của Thành phố. Tuy nhiên tiến độ triển khai một số dự án chậm và không có đề xuất đầu tư các dự án mới trong năm 2020, đã không hoàn thành theo mục tiêu phấn đấu đề ra là 100%. Hệ thống cấp nước nông thôn hiện nay có khả năng cung cấp được cho khoảng 3.520.000 người, 880.135 hộ (tương đương 78%) người dân nông thôn, số hộ ký hợp đồng sử dụng nước hiện nay là khoảng 2.993.522 người, 810.427 hộ (tương đương 67,6%). Còn 170 xã (1.436.777 người, 378,055 hộ) chưa được đầu tư hệ thống cấp nước tập trung, trong đó có 141 xã đã giao nhà đầu tư nhưng chưa thực hiện và 29 xã chưa có nhà đầu tư đề xuất dự án.

Nguyên nhân chưa hoàn thành kế hoạch:

- Đề xuất chỉ tiêu chưa phù hợp với khả năng cung cấp của hệ thống.
- Để hoàn thành chỉ tiêu cấp nước theo Nghị quyết HĐND Thành phố sẽ phải điều chỉnh quy hoạch cấp nước Thủ đô, nhưng đến nay điều chỉnh quy hoạch cấp nước Thủ đô chưa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nên chưa thể triển khai.
- Do ảnh hưởng của đại dịch Covid -19 làm tiến độ thực hiện các dự án cấp nước chậm tiến độ.
- Tỷ lệ người dân đầu nôi sử dụng nước thấp nên không hấp dẫn các nhà đầu tư xã hội hoá.
- Khu vực chưa được cấp nước sạch chủ yếu là những khu vực cuối nguồn, dân cư thưa thớt, chi phí xây dựng hệ thống mạng cấp nước có suất đầu tư cao, trong đó việc hỗ trợ các dự án cấp nước nông thôn chưa triển khai được do chưa có hướng dẫn cụ thể để thực hiện, nên không kêu gọi được nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức xã hội hóa.
- Dự án cấp nước theo mô hình cụm hộ của Ban QDLA đầu tư xây dựng các công trình Cấp nước, Thoát nước và Môi trường Thành phố triển khai chậm.

Giải pháp khắc phục trong thời gian tới:

- Về Quy hoạch: Báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cấp nước làm cơ sở triển khai các dự án cấp nước cho khu vực nông thôn

- Về chính sách: Thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư nước sạch cho khu vực nông thôn thống nhất trên địa bàn Thành phố theo Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg ngày 02/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Xây dựng phương án giá bán nước phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế hiện nay ở khu vực nông thôn; cơ chế tài chính huy động đóng góp của người dân cho chi phí lắp đặt đồng hồ và khấu trừ vào tiền nước sử dụng; cơ chế ưu đãi, hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp trong hoạt động đầu tư cấp nước nông thôn trên địa bàn Thành phố, đặc biệt khu vực các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa...; thực hiện điều chỉnh dự án, thu hồi các dự án không triển khai thực hiện, hoặc triển khai chậm theo quy định; thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn từ Quỹ để triển khai các dự án cấp nước nông thôn.

- Về đầu tư: Các Nhà đầu tư cần tập trung nguồn lực khẩn trương triển khai các phương án phát triển mạng cấp nước cho khu vực nông thôn Thành phố, trên cơ sở nguồn cấp hiện tại và phù hợp với định hướng Quy hoạch cấp nước đảm bảo khớp nối đồng bộ các dự án nguồn và mạng. Việc tổ chức triển khai dự án đảm bảo phù hợp quy định; phối hợp hỗ trợ triển khai phương án mở rộng mạng cấp nước cho khu vực nông thôn trên cơ sở hiện trạng hệ thống cấp nước như:

+ Khu vực phía Bắc còn 5 xã Đông Anh và 16 xã của Sóc Sơn: giao Công ty nước sạch Hà Nội, Công ty nước sạch số 2 Hà Nội phối hợp với Công ty nước mặt sông Đuống nghiên cứu giải pháp cấp nước tổng thể cho các xã còn lại từ nguồn nước mặt sông Đuống, nhà máy Bắc Thăng Long Vân Trì thực hiện trong giai đoạn 2021-2022.

+ Khu vực phía Tây còn 35/148 xã (291.269 người, 74.504 hộ) chưa có hệ thống nước sạch gồm 10 xã của huyện Thạch Thất, 8 xã của huyện Đan Phượng, 2 xã của huyện Quốc Oai, 11 xã của huyện Phúc Thọ, 4 xã của huyện Ba Vì (trong đó có 17 xã đã giao Nhà đầu tư, 18 xã chưa có nhà đầu tư): Các nhà đầu tư triển khai mở rộng mạng cấp nước cho các xã đã giao tại Ba Vì hoàn thành trong năm 2021; mở rộng cấp nước cho huyện Đan Phượng giai đoạn trước mắt sử dụng nguồn sông Đà; Nghiên cứu triển khai xây dựng trạm cấp nước cục bộ cho các xã khu vực ngoài bãi của huyện Phúc Thọ; Công ty nước sạch Hà Nội mở rộng mạng cấp nước cho khu vực các xã của huyện Thạch Thất từ Khu công nghệ cao Hòa Lạc; Công ty cấp nước Sơn Tây mở rộng mạng cấp nước từ Sơn Tây cho khu vực xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất; Công ty môi trường đô thị Xuân Mai cấp nước cho các xã dọc quốc lộ 21B cùng với dự án cấp nước Chương Mỹ; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Cấp thoát nước và môi trường Thành phố, khẩn trương triển khai dự án cấp nước theo mô hình cụm hộ tại khu vực miền núi của huyện Thạch Thất, Quốc Oai không thể kết nối với hệ thống mạng cấp nước tập trung.

+ Khu vực phía Tây Nam còn 79/105 xã (669.154 người, 176.609 hộ) chưa được đầu tư hệ thống cấp nước sạch, trong đó có 68 xã đã giao nhà đầu tư thực hiện và 11 xã chưa có nhà đầu tư đề xuất dự án: Công ty nước sạch Hà Đông triển khai mở rộng mạng cấp nước từ Hà Đông cho Thanh Oai; Công ty cổ phần cấp nước Hà

Nam mở rộng mạng cấp nước từ Phú Xuyên, Hà Nam cho huyện Ứng Hòa, Mỹ Đức; Công ty Môi trường Đô thị Xuân Mai triển khai mạng cấp nước cho toàn bộ huyện Chương Mỹ, giai đoạn trước mắt sử dụng nguồn nước sạch sông Đà phân đầu hoàn thành trong giai đoạn 2021-2023

+ Khu vực phía Nam gồm 73 xã thuộc các huyện (Thanh Trì, Phú Xuyên, Thường Tín). Hiện còn 35/73 xã (206.317 người, 59.040 hộ) chưa có nước sạch, toàn bộ các xã trong khu vực đã giao nhà đầu tư thực hiện. Công ty Cổ phần cấp nước Hà Nam hoàn thành cấp nước cho huyện Phú Xuyên và mở rộng cấp cho Thường Tín giáp Phú Xuyên; Công ty nước sạch Hà Nội triển khai mở rộng mạng cấp nước từ Thanh Trì cho các xã của huyện Thường Tín giáp Thanh Trì hoàn thành trong năm 2021-2022.

(9) Đánh giá, phân tích kỹ, cụ thể nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Cải tạo, xây dựng mới chung cư cũ còn gặp nhiều vướng mắc cần được tháo gỡ về cơ chế chính sách đặc thù, về quy hoạch, đặc biệt là khu trung tâm, hạn chế phát triển; Vi phạm về đất đai, trật tự xây dựng tuy đã được kiểm chế, song việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng một số trường hợp chưa kịp thời, chưa kiên quyết ngay từ khi vi phạm mới phát sinh; Tình trạng ã xe máy, ô tô không đúng quy định, trông giữ phương tiện không phép, sai phép; kinh doanh, dịch vụ lấn chiếm vỉa hè tái diễn trên nhiều tuyến phố và ở các thị trấn, gây mất mỹ quan đô thị, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông và có biểu hiện buông lỏng quản lý. Đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới.

(1) Về cải tạo, xây dựng mới chung cư cũ:

Theo kết quả rà soát, trên địa bàn thành phố Hà Nội hiện có khoảng 1.579 nhà chung cư cũ, bao gồm 1.273 nhà thuộc 76 khu chung cư (trong đó có 34 khu có quy mô sử dụng đất từ 2 ha trở lên và 42 khu có quy mô sử dụng đất dưới 2 ha) và 306 chung cư cũ độc lập. Tuy nhiên, tiến độ triển khai các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ trên địa bàn Thành phố hiện vẫn còn chậm so với yêu cầu; đến nay mới chỉ có 16 dự án chung cư cũ đã hoàn thành xây dựng mới và đưa vào sử dụng, 13 dự án chung cư cũ đang triển khai thực hiện. Nguyên nhân của việc chậm triển khai các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ là do tồn tại một số khó khăn, vướng mắc sau:

a) Nguyên nhân khách quan:

Việc triển khai thực hiện các quy định của Luật Nhà ở, Nghị định số 101/2015/NĐ-CP trên thực tế còn có một số khó khăn, vướng mắc làm ảnh hưởng đến tiến độ cải tạo, xây dựng lại các khu chung cư, nhà chung cư cũ trên địa bàn Thành phố như sau:

- Quy định của Luật Nhà ở phải đảm bảo 100% các chủ sở hữu nhà chung cư thống nhất phá dỡ để cải tạo, xây dựng mới đối với nhà chung cư cũ không phải là nhà chung cư cấp D: Theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Luật Nhà ở, việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện cải tạo, xây dựng mới nhà chung cư cũ không phải cấp D phải được tất cả (100%) các chủ sở hữu thống nhất thông qua Hội nghị nhà chung cư. Trên thực tế hầu hết các chủ sở hữu nhà chung cư cũ đã xuống cấp đều có mong muốn được cải tạo, xây dựng mới; tuy nhiên có một số lượng nhỏ chủ sở hữu nhà

chung cư không hợp tác, không đồng ý với việc cải tạo, xây dựng mới nên không thể triển khai thực hiện được dự án, làm ảnh hưởng đến phần lớn các chủ sở hữu còn lại có nhu cầu. Do vậy, yêu cầu về việc cần phải được tất cả các chủ sở hữu thống nhất để triển khai thực hiện dự án là không khả thi trên thực tế.

- Khó khăn, vướng mắc về trình tự thực hiện dự án: Theo quy định tại Nghị định số 101/2015/NĐ-CP, Nhà đầu tư phải lập hồ sơ đề xuất đăng ký tham gia làm Chủ đầu tư dự án kèm theo Phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư chi tiết để các chủ sở hữu nhà chung cư lựa chọn chủ đầu tư, sau đó mới lập quy hoạch chi tiết trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trình tự thực hiện dự án nêu trên sẽ không khả thi do khi quy hoạch chi tiết chưa được phê duyệt thì nhà đầu tư không xác định được cụ thể các chỉ tiêu về quy hoạch kiến trúc để tính toán hiệu quả đầu tư của dự án làm cơ sở lập hồ sơ đề xuất đăng ký tham gia dự án; không xác định được số lượng căn hộ, vị trí, diện tích các căn hộ dự kiến bố trí tái định cư tại chỗ cho các chủ sở hữu làm cơ sở xây dựng Phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư chi tiết đến từng hộ dân theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ (trong đó yêu cầu xác định cụ thể diện tích, vị trí căn hộ mới chủ sở hữu được bố trí tái định cư tại chỗ; diện tích, vị trí căn hộ mới chủ sở hữu được mua thêm trong trường hợp căn hộ cũ có từ 02 hộ khẩu trở lên). Do vậy, cần có đề xuất cho phép Thành phố thực hiện thủ tục lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết của dự án trước khi thực hiện thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án và chấp thuận phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư làm cơ sở để triển khai thực hiện.

- Quy định việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư phải được triển khai theo nguyên tắc toàn khu: Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 101/2015/NĐ-CP, việc cải tạo, xây dựng lại các nhà chung cư cũ nguy hiểm cấp D phải được triển khai thực hiện theo dự án xây dựng toàn khu, không thực hiện việc xây dựng lại từng nhà; mỗi khu vực có nhà chung cư cần cải tạo, xây dựng lại có thể triển khai một hoặc nhiều dự án phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Theo kết quả kiểm định, trên địa bàn Thành phố hiện có 07 nhà chung cư cũ nguy hiểm cấp D, trong đó có 04 nhà chung cư nằm trong các khu chung cư cũ trên địa bàn quận Ba Đình (các khu tập thể: Ngọc Khánh, Thành Công, Giảng Võ và khu tập thể Bộ Tư pháp) phải tạm dừng chờ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 toàn khu được các nhà đầu tư lập, trình UBND Thành phố xem xét, phê duyệt mới có thể triển khai thực hiện. Do vậy, để đảm bảo tính cấp bách, cần thiết phải sớm phá dỡ để cải tạo, xây dựng lại các nhà chung cư nguy hiểm cấp D trên địa bàn Thành phố, cần có quy định cụ thể về việc cho phép nghiên cứu, lập quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 đối với các nhà chung cư cũ nguy hiểm cấp D nằm trong các khu chung cư cũ và thực hiện theo dự án riêng, làm cơ sở để xây dựng, phê duyệt Kế hoạch cải tạo, xây dựng lại các nhà chung cư cũ và thực hiện các thủ tục tiếp theo của dự án theo quy định. Quy hoạch tổng mặt bằng của các nhà chung cư cũ nguy hiểm cấp D nêu trên sẽ được cập nhật vào đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cải tạo, xây dựng lại toàn khu chung cư cũ trong quá trình nghiên cứu, lập quy hoạch chi tiết, trình UBND Thành phố xem xét, phê duyệt.

- Quy định phải có kết quả kiểm định chất lượng nhà chung cư cũ là nhà chung cư hết niên hạn sử dụng hoặc bị hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng mới đưa vào Kế hoạch cải tạo, xây dựng mới nhà chung cư sẽ không khả thi do để kiểm định toàn bộ các nhà chung cư cần khoản kinh phí lớn, thời gian kiểm định kéo dài không cần thiết.

- Quy định việc Nhà nước thực hiện cải tạo xây dựng mới chung cư cũ bằng nguồn vốn nhà nước (hoặc theo hình thức BT) là chưa phù hợp, vì:

+ Việc bảo trì hoặc cải tạo xây dựng mới nơi ở của mình thuộc trách nhiệm của chủ sở hữu được quy định tại Điều 86, Điều 87 của Luật nhà ở 2014.

+ Thành phố không có đủ kinh phí để triển khai cải tạo, xây dựng mới nếu không thực hiện xã hội hóa vì số lượng nhà chung cư cũ trên địa bàn Thành phố lớn (có tới 1.579 nhà chung cư cũ).

+ Các dự án thực hiện theo hình thức BT hiện đang bị tạm dừng chờ quy định, hướng dẫn cụ thể của Chính phủ.

- Chưa quy định những chính sách cụ thể về bồi thường hỗ trợ tái định cư, tạm cư như:

+ Quy định về hệ số bồi thường diện tích căn hộ tái định cư có chận dưới ($k \geq 1$) nhưng chưa có chận trên đối với trường hợp nhà đầu tư không cân đối được tài chính khi thực hiện dự án theo các chỉ tiêu quy hoạch đã được phê duyệt tại quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy chế quản lý mà phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch hoặc Thành phố phải có cơ chế tài chính hỗ trợ cho các dự án.

+ Trình tự thủ tục cưỡng chế, giải phóng mặt bằng.

+ Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân tầng 1 nhà chung cư cũ.

+ Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các chủ sở hữu nhà ở riêng lẻ, thấp tầng trong khu vực cải tạo.

+ Bồi thường, hỗ trợ cho chủ sở hữu các công trình khác trong phạm vi dự án.

+ Cơ chế khi diện tích căn hộ mới lớn hơn diện tích hộ dân được tái định cư.

+ Quy định về cơ chế hỗ trợ tài chính khi dự án không có khả năng tự cân đối.

b) Nguyên nhân chủ quan:

Trong quá trình tổ chức thực hiện việc cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ trên địa bàn Thành phố còn một số khó khăn, bất cập như:

- Trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch tổng thể các khu chung cư cũ, hiện trạng bao gồm không chỉ các nhà chung cư cũ mà còn có diện tích tầng 1 coi nói lấn chiếm, các nhà ở thấp tầng xen cài, nhà ở riêng lẻ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các trụ sở cơ quan, Doanh nghiệp, hạ tầng xã hội. Khi nghiên cứu lập quy hoạch cần có giải pháp tổng thể, quá trình triển khai chưa nhận được sự đồng thuận của các tổ chức, cá nhân, các hộ dân về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nhất là các hộ dân tại tầng 1, các hộ dân tại nhà ở liền kề xen cài trong khu chung cư cũ). Đồng thời việc cải tạo, xây dựng mới không những tác động trực tiếp đến dân cư trong khu tập thể mà còn ảnh hưởng đến cả dân cư khu vực xung quanh do

liên đới về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Chính vì vậy cần có sự đồng thuận của cộng đồng xã hội tại khu vực nghiên cứu quy hoạch.

- Theo Quy hoạch chung Thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, khu vực nội đô lịch sử thuộc khu vực hạn chế phát triển, phải tiến hành từng bước giãn - giảm dân số từ 1,2 triệu xuống 0,8 triệu dân; đồng thời quy định khi cải tạo phải đáp ứng được yêu cầu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật nhưng không được tăng quy mô dân số. Do đó, việc giải quyết bài toán hài hòa lợi ích giữa nhà nước, nhà đầu tư, người dân gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Trường hợp thực hiện theo đúng Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, Quy hoạch phân khu đô thị, Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc, Quy chuẩn xây dựng thì các Dự án không có khả năng tự cân đối được tài chính, do đó chưa khuyến khích được Nhà đầu tư thực hiện Dự án, Nhà nước phải bố trí ngân sách để bù lỗ hoặc hoặc bố trí quỹ đất đối ứng cho chủ đầu tư Dự án.

- Hệ số k để xác định diện tích căn hộ tái định cư giữa các dự án hiện không thống nhất do chưa có quy định gây khó khăn cho Nhà đầu tư trong quá trình thỏa thuận với các hộ dân. Trường hợp hệ số k do người dân yêu cầu càng lớn, Nhà đầu tư đều đề xuất, kiến nghị UBND Thành phố bù đắp chi phí bằng giải pháp nâng chiều cao công trình, tăng số lượng căn hộ dẫn đến tăng áp lực lên hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật của khu vực. Các hộ dân khi được hỏi ý kiến phần lớn thống nhất với chủ trương cải tạo, xây dựng mới các nhà chung cư cũ; tuy nhiên các hộ dân có yêu cầu về hệ số k lớn ($k > 1,5$ lần cho tầng 1 và $k > 1,3$ lần cho tầng 2). Các chủ đầu tư tự thỏa thuận với các hộ dân hệ số k lớn hơn quy định làm diện tích sàn nhà ở và dân số hiện trạng tăng cao gây áp lực lớn lên hạ tầng Thành phố.

- Số lượng nhà chung cư trên địa bàn rất lớn nên gặp khó khăn trong việc kiểm định.

- Khó khăn trong việc bố trí quỹ đất đối ứng cho các chủ đầu tư thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư do không có quỹ đất đối ứng và theo quy định hiện nay đã bãi bỏ hình thức đầu tư hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

- Đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, Thành phố phải sử dụng một lượng lớn tiền ngân sách để thực hiện.

c) *Giải pháp:* Xây dựng cơ chế chính sách đặc thù nhằm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc để các cấp chính quyền Thành phố, người dân và các nhà đầu tư có cơ sở để triển khai thực hiện tái thiết đô thị, xây dựng lại các chung cư cũ đã xuống cấp trên địa bàn Thành phố trong thời gian tới, đảm bảo yêu cầu về phát triển nhà ở, an toàn sử dụng nhà ở, nâng cao chất lượng ở, điều kiện sinh hoạt cho người dân tại Thành phố và cải tạo, chỉnh trang đô thị, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, đưa Thủ đô Hà Nội trở thành Thành phố thông minh, Thành phố đáng sống theo mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ Thành phố, các chương trình của Thành ủy đã đề ra và Chương trình phát triển nhà ở đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

(2) Về vi phạm về đất đai, trật tự xây dựng:

Việc một số trường hợp vi phạm trật tự xây dựng không được xử lý kịp thời, quyết liệt ngay từ khi mới phát sinh vi phạm đều do chính quyền địa phương chưa

thật sự quan tâm, thậm chí buông lỏng quản lý đối với công tác quản lý trật tự xây dựng. Đó là việc không kiểm tra hoặc kiểm tra nhưng không phát hiện vi phạm của các công chức được giao nhiệm vụ. Đó là việc Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn không kịp thời ban hành quyết định xử lý vi phạm thuộc thẩm quyền; Không kịp thời chuyển hồ sơ đến cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định; Không chỉ đạo lực lượng Công an cấp xã thực hiện các biện pháp ngăn chặn để dừng hoạt động xây dựng đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng; Không tổ chức thực hiện các quyết định xử lý vi phạm do mình và các cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Nhận thức được tồn tại trên, trong năm 2020, Thành phố đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện siết chặt công tác quản lý trật tự xây dựng, đồng thời chấn chỉnh, nâng cao hiệu quả công tác quản lý trật tự xây dựng. Năm 2021, Thành phố sẽ thực hiện thanh tra về công tác quản lý trật tự xây dựng tại địa bàn một số xã, phường, thị trấn, qua đó, chấn chỉnh, xem xét trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ nhưng buông lỏng quản lý, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn quản lý.

3) Về tình trạng để xe máy, ô tô không đúng quy định, trông giữ phương tiện không phép, sai phép; kinh doanh, dịch vụ lấn chiếm vỉa hè:

Thành phố đã thực hiện kịp thời ban hành các thông báo phân luồng, tổ chức giao thông, phục vụ thi công các công trình trọng điểm trên địa bàn; phê duyệt danh mục các tuyến đường, phố không tổ chức trông giữ xe và các tuyến đường, phố được phép tổ chức trông giữ xe trên địa bàn 12 quận đến năm 2023. Đã xử lý được 04/34 điểm ùn tắc giao thông (gồm các điểm: Châu Văn Liêm – Lê Quang Đạo; ngã ba Ngọc Hồi – Phan Trọng Tuệ; Khu vực Cổ Nhuế - Phạm Văn Đồng; Trần Quốc Hoàn – Phạm Văn Đồng) và 08/35 điểm đen về tai nạn giao thông. Tình trạng lấn chiếm lòng đường, vỉa hè giảm (*xem thêm nội dung Mục 2.10 ở dưới*).

Năm 2021, Thành phố tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chủ động phối hợp các đoàn thể tuyên truyền, vận động, xử lý nghiêm tình trạng đi xe trên vỉa hè. Hoàn thành Quy hoạch bến, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục thực hiện các nghị quyết của HĐND Thành phố: số 04/2017/NQ-HĐND ngày 04/7/2017 về “Tăng cường quản lý phương tiện giao thông đường bộ nhằm giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường trên địa bàn Thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 tầm nhìn đến 2030”, số 07/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 về “Ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; Khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; Áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải”. Xây dựng và thực hiện Chương trình mục tiêu nhằm giảm thiểu ùn tắc và đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025. Hoàn thiện Đề án giao thông thông minh. Xây dựng Bản đồ giao thông số trực tuyến, Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường. Xây dựng hệ thống vé điện tử liên thông áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn thống nhất cho các loại hình vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; đẩy mạnh ứng dụng các thiết bị đầu cuối đảm bảo việc thực hiện kết nối giao thông thông minh, hiệu quả giữa các cơ quan quản lý, doanh nghiệp và người dân.

Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ, đi xe đạp qua sông Tô Lịch, các cầu đi bộ tại các khu vực tập trung dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp, bệnh viện, trường học (đường Quốc lộ 32, đường Văn Khê, đường Láng, đường Đỗ Nhuận). Cải tạo, sửa chữa, tổ chức lại giao thông, đảm bảo an toàn giao thông trên một số tuyến đường. Phát triển giao thông công cộng, tăng thêm các tuyến buýt kế cận; Tiếp tục rà soát, sắp xếp hợp lý mạng lưới và lựa chọn phương tiện phù hợp với các tuyến đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả vận tải hành khách công cộng. Rà soát, xử lý khoảng 10 điểm ùn tắc giao thông. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp các đoàn thể tuyên truyền, vận động, xử lý nghiêm tình trạng đi xe trên vỉa hè.

2.10. Đánh giá, phân tích kỹ, cụ thể nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Một số dự án, công trình trọng điểm về giao thông chậm tiến độ; một số công trình, đoạn tuyến giao thông mới đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa đồng bộ nên hiệu quả chưa cao; quá tải giao thông trên các tuyến đường vành đai, ùn tắc giao thông giờ cao điểm thường xuyên xảy ra, việc giải quyết chưa hiệu quả, tai nạn giao thông tuy giảm nhưng vẫn tiềm ẩn phức tạp. Việc xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông còn chưa kịp thời, chưa kiên quyết. Đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới.

(1) Một số dự án, công trình trọng điểm về giao thông triển khai tiến độ chưa đảm bảo tiến độ đề ra do các nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Nguyên nhân chung về GPMB.

+ Các công trình trọng điểm cơ bản là các công trình với quy mô lớn, theo đó khối lượng bồi thường, giải phóng mặt bằng lớn, việc bàn giao mặt bằng là xen kẹt, xôi đỗ dẫn đến việc thi công khó khăn vừa GPMB vừa tổ chức thi công. Bên cạnh đó việc bố trí tái định cư chưa kịp thời, đồng bộ với tiến độ GPMB.

+ Chế độ chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có sự thay đổi dẫn đến một số dự án đang triển khai GPMB tại giai đoạn chuyển tiếp, chưa nhận được sự đồng thuận của người dân, không đồng ý với giá bồi thường, giá bán nhà tái định cư, gặp nhiều vướng mắc, phát sinh kiến nghị, khiếu nại. Một số ít người dân cố tình xây dựng trái phép nhằm trục lợi từ chính sách GPMB.

+ Công tác quản lý đất đai của chính quyền địa phương một số nơi buông lỏng, dẫn đến hiện trạng sử dụng đất sai lệch nhiều so với hồ sơ theo dõi của chính quyền, khó khăn trong xác định nguồn gốc đất.

+ Trong quá trình triển khai thực hiện phải tiến hành di chuyển, bảo vệ khá nhiều các công trình ngầm nổi liên quan đến nhiều đơn vị quản lý, sử dụng khác nhau như điện, thông tin, cấp nước, thoát nước... dọc theo chiều dài tuyến. Đồng thời một số dự án vừa triển khai thi công, vừa tổ chức giao thông phục vụ nhu cầu đi lại bình thường cho nhân dân.

- Đối với nhóm các dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách và ODA.

+ Dự án lớn và công nghệ phức tạp lần đầu tiên được xây dựng tại Việt Nam (Dự án đường sắt đô thị) do đó Ban quản lý dự án chưa có kinh nghiệm quản lý nên còn nhiều lúng túng trong quá trình triển khai thực hiện. Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với công trình đường sắt đô thị tại Việt Nam còn thiếu, chưa đồng bộ,

chưa phù hợp với tình hình thực tế dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong quá trình thẩm tra, thẩm định của các cơ quan chức năng

+ Dự án đường sắt đô thị hầu hết được triển khai trên các tuyến đường giao thông chính của Thành Phố (có lưu lượng giao thông rất lớn), vừa tổ chức triển khai thi công vừa phải đảm bảo an toàn giao thông đi lại bình thường cho người dân.

+ Thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện, cơ cấu nguồn vốn vay ODA thuộc danh mục tài trợ dự án bị kéo dài hơn so với dự kiến ban đầu, Kế hoạch vốn ODA cấp phát từ Ngân hàng Trung ương cho dự án chưa kịp thời để nợ đọng khối lượng hoàn thành. Đối với các dự án sử dụng vốn ODA, một số thủ tục cần được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, phê duyệt.

+ Công tác phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện dự án có lúc, có nơi còn chưa kịp thời và chủ động phối hợp giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc.

+ Việc triển khai các thủ tục đầu tư, hoàn thiện hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư còn chậm chưa đảm bảo tiến độ. Đồng thời trong quá trình triển khai công tác chuẩn bị đầu tư có sự thay đổi về nguồn vốn, hình thức đầu tư dẫn tới kéo dài thời gian để thực hiện điều chỉnh về nguồn vốn, cũng như hình thức đầu tư.

- *Đối với nhóm dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư PPP.*

+ Kinh phí đầu tư cho các dự án là khá lớn, khả năng cân đối nguồn lực còn khó khăn (đặc biệt là quỹ đất đối ứng).

+ Đối với các dự án đã ký hợp đồng dự án, đang triển khai thì nguyên nhân chủ yếu là do vướng mắc tồn tại trong công tác giải phóng mặt bằng, công tác bố trí tái định cư, theo đó tiến độ giải phóng mặt bằng chưa đáp ứng được tiến độ thi công xây dựng công trình theo hợp đồng dự án đã được ký kết.

+ Các dự án, công trình trọng điểm của thành phố giai đoạn 2016 – 2020 thì phần lớn là các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP. Trong giai đoạn 2016 – 2020 đến nay, cơ chế chính sách thực hiện đối với các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP có nhiều thay đổi, hướng dẫn được ban hành (Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018, Nghị quyết số 160/NQ-CP ngày 28/12/2018, Nghị định 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 và đến nay là Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020). Theo đó cần rà soát lại toàn bộ các thủ tục đầu tư của từng dự án để đảm bảo phù hợp với quy định của từng thời điểm, ngoài ra trong quá trình rà soát phát sinh các vấn đề cần hướng dẫn để thực hiện chuyển tiếp của các Bộ, ngành cấp trên (xác định giá trị quỹ đất, điều kiện thanh toán...).

+ Chất lượng hồ sơ đề xuất của một số nhà đầu tư còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng; Năng lực một số nhà đầu tư còn hạn chế.

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình trọng điểm một số giải pháp như sau:

- Rà soát tổng thể tiến độ các dự án thuộc danh mục công trình trọng điểm để cập nhật điều chỉnh tiến độ thực hiện cho phù hợp với thực tế.

- Tập trung quyết liệt, đẩy nhanh công tác GPMB, sớm bàn giao mặt bằng thi công, đảm bảo tiến độ triển khai theo đề xuất điều chỉnh của chủ đầu tư các dự án, đặc biệt là các công trình dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Hiện nay Quốc hội đã ban hành Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, trong đó quy định chuyển tiếp các dự án thực hiện theo hình thức hợp đồng BT đối với từng loại dự án cụ thể: dự án đã ký hợp đồng, dự án đã lựa chọn nhà đầu tư, dự án đã phát hành hồ sơ mời thầu, dự án mới. Thành phố thực hiện tổng rà soát, thực hiện chuyển tiếp đối với danh mục các dự án đã được xác định thực hiện theo hình thức đối tác công tư PPP, trong đó xác định cụ thể dự án tiếp tục triển khai, dự án xem xét đầu tư theo hình thức khác.

- Đồng thời theo quy định của Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư quy định kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (01/1/2021) dừng triển khai dự án mới áp dụng loại hợp đồng BT. Theo đó, chuyển đổi hình thức đầu tư từ đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP sang đầu tư vốn ngân sách đối với một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khung giao thông của thành phố như tuyến đường 70, Quốc lộ 6, Vành đai 3,5...

(2) Về việc xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông còn chưa kịp thời, chưa kiên quyết:

Ngay từ cuối năm 2019, Thành phố đã thực hiện kế hoạch công tác thanh tra, kiểm tra năm 2020. Kết quả xử phạt vi phạm hành chính Lũy kế đến ngày 19/11/2020: Đã kiểm tra, lập biên bản xử lý vi phạm hành chính 19.026 trường hợp, phạt tiền 50.811.890.000 đồng, tạm giữ 228 phương tiện, tước quyền sử dụng GPLX có thời hạn 1.736 trường hợp, tước phù hiệu 326 phương tiện, tước tem kiểm định ATKT & BVMT 78 xe ô tô tải. Quá trình thực hiện luôn kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm, tuy nhiên việc vi phạm trật tự an toàn giao thông của một bộ phận doanh nghiệp và cá nhân tham gia giao thông vẫn là một tồn tại. Nguyên nhân chủ yếu như sau:

- Ý thức chấp hành pháp luật về trật tự an toàn giao thông đường bộ của một bộ phận chủ doanh nghiệp vận tải, lái xe còn chưa cao, nên mặc dù mức xử phạt hành chính rất cao nhưng vẫn cố tình vi phạm.

- Một số lái xe chưa có ý thức, không hợp tác làm việc với lực lượng Thanh tra GTVT khi bị kiểm tra: đỗ xe gây cản trở, ùn tắc giao thông, khóa cửa xe bỏ đi; không mang theo giấy tờ xe nên rất khó khăn cho công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

- Đa số các tuyến đường trên địa bàn Thành phố có mặt cắt ngang đường rất hẹp, khi dừng phương tiện kiểm tra có thể gây ảnh hưởng đến giao thông đi lại nên rất khó khăn khi kiểm tra phương tiện.

- Do bị cấm hoạt động trong khu vực nội thành vào ban ngày nên đa số các phương tiện phải hoạt động ban đêm, các lực lượng làm nhiệm vụ trong thời gian này càng ít hơn nên một số lái xe, chủ phương tiện cũng lợi dụng để không hợp tác với lực lượng kiểm tra.

- Lực lượng Thanh tra GTVT còn thiếu, có đơn vị cấp Đội của Huyện được bố trí biên chế bình quân từ 07-10 người, nên không thể cùng một lúc kiểm soát hết được các tuyến đường để kiểm tra, xử lý các vi phạm.

Giải pháp khắc phục:

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với cơ quan báo chí, phát thanh và truyền hình để tuyên truyền, đưa tin, bài về hoạt động kiểm tra xử lý của lực lượng chức năng và tuyên truyền các quy định của Pháp luật về công tác kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông đường bộ đến chủ xe, lái xe và chủ các bến, bãi tập kết, trung chuyển vật liệu xây dựng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung cam kết đã ký của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động vận tải: sớm triển khai lắp đặt 15 Trạm cân kiểm tra tải trọng phương tiện tự động; lắp đặt hệ thống camera phục vụ công tác xử phạt nguội theo quy định.

- Tăng cường công tác phối hợp các cơ quan chức năng, kiểm tra, xử phạt nghiêm đối với các trường hợp cố tình vi phạm chở hàng quá tải trọng quy định, vi phạm kích thước thành thùng xe, vi phạm vệ sinh môi trường giao thông; các đầu mối bốc xếp hàng hóa không chấp hành nghiêm công tác kiểm soát tải trọng theo quy định.

- Tăng cường xử lý trong công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp kinh doanh vận tải hàng hóa; xử lý trách nhiệm của chủ doanh nghiệp nếu để lái xe của doanh nghiệp vi phạm nhiều lần; tạm thời thu hồi phù hiệu, Giấy phép kinh doanh vận tải.

- Tăng cường xử lý trách nhiệm của doanh nghiệp đầu mối cung cấp vật liệu, chủ đầu tư, nhà thầu thi công không áp dụng đầy đủ các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường đối với các phương tiện khi ra, vào khu vực công trình, các bến, bãi. Kiểm soát chặt chẽ để phương tiện chở quá tải trọng quy định.

2.11. Về đánh giá, phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan về: Tiến độ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường còn chậm. Quá tải tại các khu chôn lấp rác, tồn đọng rác thải sinh hoạt nơi công cộng, đổ trộm phế thải xây dựng tại các khu vực giáp ranh gây ô nhiễm môi trường. Ô nhiễm môi trường các sông, ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề:

(1) Về việc thực hiện chủ trương di dời cơ sở sản xuất công nghiệp:

Trong những năm qua, thành phố Hà Nội đã tập trung giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường và di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường không phù hợp với quy hoạch ra khỏi các quận Nội thành. Ngoài việc hoàn thành thực hiện Kế hoạch xử lý triệt để 25 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 Thủ tướng Chính phủ;

UBND Thành phố ban hành Quyết định 74/2003/QĐ-UB ngày 17/6/2003 về việc di chuyển các cơ sở sản xuất không còn phù hợp quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường ra khỏi các quận nội thành; và còn chủ động chỉ đạo rà soát, đề xuất lập danh mục và hướng dẫn di chuyển các cơ sở công nghiệp thuộc 17 ngành nghề có khả năng gây ô nhiễm môi trường và không phù hợp với quy hoạch và giao các Sở, ngành chủ động hướng dẫn di chuyển cơ sở nhà đất làm thủ tục chuyển đổi theo quy hoạch.

Căn cứ Luật Đất đai và Quyết định 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ, UBND Thành phố có Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai và chấp thuận việc đề xuất tự di dời của các Doanh nghiệp, gồm:

+ 67 cơ sở công nghiệp phải di dời đã có Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng nhà ở, trường học, hạ tầng kỹ thuật đất dịch vụ thương mại với diện tích 102,07 ha, trong đó: Diện tích cho xây dựng nhà ở là 39,3385 ha (chiếm 38.54%); diện tích đất cho mục đích xây dựng trường học là 12,8718 ha (chiếm 12.61%); diện tích đất làm hạ tầng kỹ thuật là 44,6357 ha (chiếm 43.73%); diện tích đất thương mại dịch vụ là 5,2299 ha (chiếm 5.12%).

+ 27 cơ sở công nghiệp phải di dời đã được UBND Thành phố chấp thuận chủ trương hoặc phê duyệt quy hoạch cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, với tổng diện tích 38,6017 ha.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch ra khỏi khu vực đô thị và khu dân cư trên địa bàn thành phố; tiến độ xử lý, di dời chậm do các nguyên nhân sau:

Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác di dời:

- Về cơ chế, chính sách áp dụng có nhiều thay đổi, bất cập; dẫn đến tiến độ xử lý, di dời chậm, như:

+ Chính sách hiện hành về tài chính đất đai áp dụng đối với các đơn vị phải di dời khi chuyển mục đích sử dụng đất còn mâu thuẫn với quy định của Luật Đất đai (tại Quyết định số 130/2015/QĐ-TTg thì quỹ đất sau khi di dời phải thực hiện đấu giá. Tuy nhiên tại các quy định khác ví dụ như: Quyết định 09/2007/QĐ-TTg, Quyết định 86/2010/QĐ-TTg, Nghị định số 167/2017/NĐ-CP thì có hình thức xử lý nhà, đất di dời có hình thức chuyển mục đích sử dụng đất; mặt khác tại Quyết định 09/2007/QĐ-TTg và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP thì đối tượng áp dụng chỉ doanh nghiệp nhà nước).

+ Cơ chế bán đấu giá tài sản trên đất và quyền sử dụng đất đối với cơ sở nhà đất phải di dời không mang tính khả thi.

+ Chưa có chính sách cụ thể hỗ trợ cho tổ chức kinh tế chuyển mục đích sử dụng đất làm cơ sở dịch vụ công cộng nhằm đẩy mạnh chủ trương xã hội hoá. Đối với các điểm đất có quy hoạch sau di dời là đất công trình công cộng (công viên cây xanh, nhà trẻ, trường học) không thu hút được các nhà đầu tư liên danh liên kết với cơ sở công nghiệp phải di dời để thực hiện dự án do khả năng thu lời không cao.

+ Chưa có chính sách hỗ trợ về đất đai và các hỗ trợ khác nhằm khuyến khích các tổ chức di dời đến địa điểm mới.

- Tâm lý doanh nghiệp ngại di chuyển ra xa nội thành, muốn dựa vào lợi thế vị trí đất để sản xuất kinh doanh, thuận tiện đi lại và sinh hoạt;

- Năng lực tài chính của hầu hết các doanh nghiệp còn hạn chế (phải liên doanh liên kết để thực hiện dự án tại nơi đi); Nguồn lực Nhà nước còn hạn chế trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ tại nơi di chuyển đến.

Giải pháp đẩy nhanh tiến độ di dời:

Để tránh khiếu nại của các Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất công nghiệp phải di dời, đảm bảo chặt chẽ việc di dời đúng đối tượng, Thành phố tiếp tục Báo cáo và đề nghị Bộ Xây dựng cho ý kiến về:

- Tiêu chí để xác định cơ sở sản xuất công nghiệp (ngành nghề, quy mô, diện tích sản xuất,...) theo quy định tại Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng hợp kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành chủ trì phối hợp chặt chẽ với UBND Thành phố Hà Nội và các đơn vị liên quan ban hành cơ chế khuyến khích doanh nghiệp chuyển đổi ngành nghề, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch hoặc tự nguyện di dời; ban hành chế tài, quy định bắt buộc việc bàn giao lại quỹ đất sau khi di dời ra ngoài khu vực nội thành để Thành phố ưu tiên xây dựng, phát triển các công trình công cộng, cây xanh, bãi đỗ xe, công trình hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị, phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô (Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22/12/2010 về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị đã hết hiệu lực thi hành).

Sau khi rà soát lại danh mục để đảm bảo đúng đối tượng thì danh mục sẽ trình HĐND Thành phố cho ý kiến (Nghị quyết thông thường, không quy phạm) và tiếp tục gửi xin ý kiến Thủ tướng chính phủ phê duyệt để đảm bảo thực hiện đúng Quyết định số 130/QĐ-TTg và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP.

(2) *Đối với nhà, đất phải di dời do ô nhiễm môi trường* (do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính, bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở nhà, đất trình Thủ tướng Chính phủ ban hành), UBND Thành phố giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng các cơ quan thuộc Bộ để rà soát lập danh mục theo quy định.

Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục di dời, UBND Thành phố chỉ đạo các Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các Sở ngành và các quận (nơi có cơ sở phải di dời), thực hiện:

- + Tiếp tục kiến nghị cấp có thẩm quyền ban hành chính sách khuyến khích các cơ sở công nghiệp phải di dời do không phù hợp quy hoạch xây dựng hoặc gây ô nhiễm môi trường để thống nhất thực hiện.

- + Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nắm rõ và thực hiện kế hoạch, lộ trình, cơ chế di dời của Trung ương và Thành phố.

- + Công bố công khai thông tin quy hoạch để các đối tượng di dời biết và chủ động thực hiện.

- + Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện đánh giá ô nhiễm môi trường và các nội dung liên quan phục vụ công tác di dời.

- + Sở Quy hoạch - Kiến trúc chủ trì, phối hợp với Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội căn cứ Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và các đồ án quy hoạch có liên quan nghiên cứu, báo cáo cụ thể từng vị trí mà doanh nghiệp di dời đi thì hướng

dẫn lập và phê duyệt quy hoạch khu đất công khai, minh bạch cho doanh nghiệp thực hiện.

+ Sở Công thương căn cứ tình hình phát triển các CCN trên địa bàn, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội căn cứ tình hình phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn đề rà soát, báo cáo Trưởng BCD về dự kiến bố trí các doanh nghiệp di dời cơ sở sản xuất đến nơi mới phù hợp và phát triển bền vững.

+ Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các cơ sở công nghiệp di dời thủ tục và trình UBND Thành phố Quyết định chủ trương đầu tư theo quy định;

- Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành sớm triển khai thực hiện các nội dung chỉ đạo tại Quyết định số 130/QĐ-TTg, Trong đó có nội dung: giao Bộ Tài chính sớm ban hành cơ chế tài chính để khuyến khích, khai thác quỹ đất có hiệu quả quỹ đất di dời; Cơ chế khuyến khích được doanh nghiệp tích cực chuyển đổi ngành nghề, chuyển mục đích đất phù hợp với quy hoạch hoặc tự nguyện di dời.

(3) Đối với việc Quá tải tại các khu chôn lấp rác thải, tồn đọng rác thải nơi công cộng, đổ trộm phế thải xây dựng tại các khu vực giáp ranh gây ô nhiễm môi trường, nguyên nhân chủ yếu như sau:

a). Nguyên nhân khách quan

- Các khu xử lý rác thải của Thành phố hoạt động từ trước thời điểm tỉnh Hà Tây sáp nhập với Thành phố Hà Nội, dân số tăng dẫn đến khối lượng rác thải đưa về khu xử lý quá nhiều dẫn đến tình trạng quá tải xử lý của khu xử lý.

- Công tác xã hội hóa kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện đầu tư nhà máy xử lý rác thải theo công nghệ hiện đại, hạn chế phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường còn hạn chế, không thu hút được các nhà đầu tư do chính sách hỗ trợ chưa hấp dẫn nhà đầu tư, đơn giá xử lý rác thải thấp.

b). Nguyên nhân chủ quan

- Một số quận, huyện còn chưa giám sát chặt chẽ công tác thu gom, vận chuyển chất thải trên địa bàn dẫn đến tình trạng rác thải, phế thải xây dựng bị đổ trộm, để không đúng nơi quy định; còn tình trạng rác thải đưa về xử lý tại các khu xử lý chưa đúng thành phần theo quy định tăng áp lực cho công tác xử lý.

- Theo quyết định số 1354/QĐ-BXD ngày 29/12/2017 của Bộ Xây dựng về công bố suất vốn đầu tư xây dựng và mức chi phí xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ quy định mức giá xử lý rác bằng công nghệ đốt đối với công suất lớn nhất là 800 tấn /ngày. Tuy nhiên hiện thành phố đang kêu gọi các nhà đầu tư với công nghệ tiên tiến thu hồi năng lượng có công suất trên 1000 tấn. Do vậy còn thiếu các quy định về giá xử lý với công suất lớn.

- Tiến độ thực hiện triển khai các dự án xử lý rác thải trên địa bàn Thành phố chậm tiến độ dẫn đến tình trạng thiếu chỗ cho việc xử lý rác thải.

- Công tác tuyên truyền nhằm nhận sự hỗ trợ của người dân còn hạn chế, không thường xuyên dẫn đến tình trạng người dân chưa nắm bắt kịp thời các chính sách của nhà nước, dẫn đến tình trạng khiếu kiện kéo dài

- Ý thức của một số bộ phận người dân chưa cao, chưa có ý thức giữ gìn và BVMT, vẫn còn hiện tượng đổ rác thải, phế liệu xây dựng không đúng nơi quy định.

Giải pháp chủ yếu như sau:

Về ngắn hạn:

- Thành lập Tổ công tác để hỗ trợ và đôn đốc tiến độ dự án, dự kiến trong tháng 2/2020 dự án Nhà máy điện rác Sóc Sơn hoàn thành và đi vào vận hành giải quyết tình trạng quá tải tại Khu LH XLCT Nam Sơn.

- Tập trung đầu tư các nhà máy đốt rác phát điện công nghệ hiện đại, gồm: nhà máy điện rác Seraphin tại Khu xử lý chất thải Xuân Sơn với tổng công suất 1.500 tấn/ngày đêm; Khu xử lý chất thải Đồng Ké, huyện Chương Mỹ, công suất 1.500 tấn/ngày đêm;...

- Trước mắt để xử lý khối lượng rác thải phát sinh trên địa bàn Thành phố khi các nhà máy chưa hoạt động, Thành phố đã chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình cấp, thoát nước và môi trường Thành phố hoàn thành việc thi công ô chôn lấp số 1.1, 1.2 tại giai đoạn 2 khu vực phía bắc của Khu xử lý Nam Sơn trong tháng 12/2020 để kịp thời xử lý khối lượng rác thải đưa về xử lý, đặc biệt trong dịp tết nguyên đán 2021.

- Đảm bảo an toàn trong khâu phân luồng giao thông, tiếp nhận, xử lý rác thải, phòng ngừa nguy cơ, giải pháp hạn chế ảnh hưởng môi trường đến khu vực xung quanh

- Đảm bảo an ninh trật tự tại Khu LH XLCT Sóc Sơn không để xảy ra việc ngăn chặn xe vận chuyển rác thải vào các khu xử lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với đơn vị vận hành khu xử lý và các đơn vị tham gia xử lý chất thải trong khu xử lý; Tiến hành quan trắc chất lượng môi trường không khí xung quanh, nước rỉ rác, kịp thời phát hiện và yêu cầu đơn vị vận hành khu xử lý điều chỉnh hệ thống xử lý môi trường khi có thông số môi trường không đạt QCVN.

- Kiểm tra, xử lý các xe vận chuyển chất thải vi phạm gây ô nhiễm môi trường, rơi vãi rác, nước rác, chở quá tải trọng trên đường vận chuyển.

Giải pháp dài hạn:

- Tập trung đẩy mạnh công tác xã hội hóa, thu hút đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ hiện đại, thu hồi năng lượng để phát điện tại các khu xử lý chất thải tập trung theo quy hoạch xử lý chất thải rắn Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 25/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ

- UBND các quận, huyện, thị xã đẩy nhanh tiến độ đầu tư các điểm trung chuyển, tập kết rác theo quy hoạch để tạm thời tiếp nhận lượng rác phát sinh trong thời gian các khu xử lý tập trung của Thành phố gặp sự cố; tăng cường tuyên truyền và hướng dẫn công tác phân loại rác thải tại nguồn theo hướng: phân chia địa bàn các huyện thành nhiều vùng khác nhau để áp dụng các phương thức phân loại, thu gom phù hợp với công nghệ xử lý; kết hợp với việc phân loại tinh tại các trạm trung chuyển nhằm tăng hiệu quả xử lý, tái chế rác thải, giảm tỷ lệ chất thải phải vận

chuyên đi chôn lấp, xử lý. Các đơn vị duy trì vệ sinh môi trường trên địa bàn phải xây dựng lộ trình, thời gian thu gom rác thải thích hợp, tạo điều kiện để người dân bỏ rác đúng giờ, đúng nơi quy định đảm bảo vệ sinh môi trường Thành phố.

- UBND các quận, huyện, thị xã chỉ đạo các phòng, ban tăng cường kiểm tra, giám sát việc vận chuyển, xử lý rác thải, phế thải xây dựng phát sinh trên địa bàn, xử lý theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm; đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn theo đúng quy định tại Quyết định số 41/2016/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Tăng cường kiểm tra công tác kiểm tra công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn toàn Thành phố, xử lý theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm trong quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải. Yêu cầu chủ đầu tư phải chuyển giao phế thải xây dựng cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý phế thải xây dựng theo đúng quy định

(4) Đối với ô nhiễm môi trường các sông

Nguyên nhân khách quan:

- Trách nhiệm liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều bộ, ngành và công tác bảo vệ môi trường (BVMT) trên địa bàn nhiều tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình và Hòa Bình).

- Thiếu kinh phí đầu tư cho các dự án về xử lý ô nhiễm môi trường do việc đầu tư, xây dựng các dự án cần có kinh phí rất lớn; một số dự án đã và đang được triển khai thi công còn gặp khó khăn do thiếu vốn hoặc trong công tác giải phóng mặt bằng.

Nguyên nhân chủ quan:

- Chủ yếu do nước thải sinh hoạt của dân cư và nước thải của khu, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ,... chưa qua xử lý xả thẳng vào sông, hồ. Đối với sông Tô Lịch: Do chưa có hệ thống thu gom nước thải dọc tuyến sông Tô Lịch, vì vậy toàn bộ nước thải sinh hoạt (khoảng hơn 150.000m³/ngày.đêm) chưa qua xử lý xả thẳng vào sông Tô Lịch. Nước sông Tô Lịch hoàn toàn là nước thải, vì vậy nồng độ các chất ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép (QCCP) nhiều lần, gây khó khăn trong công tác nghiên cứu phương án đề xuất xử lý ô nhiễm.

- Ý thức của một số bộ phận người dân sống trên lưu vực chưa cao (đặc biệt là dân cư sống ven sông), chưa có ý thức giữ gìn và BVMT dọc tuyến sông, vẫn còn hiện tượng đổ rác thải, phế liệu xây dựng trực tiếp vào sông, hồ,...

- Cán bộ phụ trách môi trường, đặc biệt là cấp xã, phường đang còn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, nghiệp vụ nên chưa đáp ứng được các nhiệm vụ đặt ra tại một số quận, huyện.

Đề xuất giải pháp khắc phục cụ thể trong thời gian tới:

Để giải quyết từng bước, đồng bộ vấn đề ô nhiễm sông, hồ nói chung, ô nhiễm môi trường lưu vực Sông Nhuệ-Sông Đáy nói riêng, góp phần cải thiện đáng kể

chất lượng nguồn nước lưu vực Sông Nhuệ- Sông Đáy đảm bảo phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, kiến nghị:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hỗ trợ, tăng cường xúc tiến đầu tư, đa dạng hóa các nguồn đầu tư để triển khai các nhiệm vụ, dự án có liên quan trên lưu vực sông.

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành có liên quan nghiên cứu việc xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề một cách đồng bộ từ cơ chế, chính sách và công nghệ xử lý, làm cơ sở cho các địa phương tiếp tục hoàn thiện để triển khai thực hiện trong những năm tới; Đề xuất, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, Ngành đầu tư xây dựng các Nhà máy, trạm xử lý nước thải (XLNT) cho các bệnh viện, cơ sở y tế do Trung ương, các Bộ, ngành quản lý trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Chủ trì, đầu mối đề xuất cơ chế phối hợp cụ thể hơn giữa Thành phố với các Bộ ngành khác để thực hiện có hiệu quả các chương trình BVMT, nhất là các vấn đề môi trường liên tỉnh, quản lý lưu vực sông; đảm bảo gắn trách nhiệm bảo vệ môi trường lưu vực sông đối với các địa phương có dòng sông chảy qua.

- Phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn thi hành Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 10/8/2017 của Chính phủ về phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ quản lý môi trường từ trung ương đến địa phương giai đoạn 2017 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án cải tạo lòng dẫn sông Đáy để sớm làm sống lại Sông Đáy về mùa kiệt.

- Quyết liệt chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT, quản lý tài nguyên nước, trong đó yêu cầu tất cả các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ ,...phải xử lý nước thải phát sinh đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường

b) Thành phố tiếp tục chỉ đạo:

- Vận hành thường xuyên, có hiệu quả đối với các Nhà máy XLNT tập trung hiện có trên địa bàn Thành phố, các trạm bơm tiêu nước vào Sông Nhuệ, góp phần xử lý một phần nước thải sinh hoạt trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Tiếp tục triển khai, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, xây dựng các dự án XLNT tập trung quy mô lớn; trạm XLNT khu, cụm công nghiệp, làng nghề bảo đảm chất nước nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi thải ra lưu vực Sông Nhuệ - Sông Đáy trong đó điển hình là Dự án Nhà máy XLNT Yên Xá (Công suất 270.000 m³/ngày.đêm) nhằm sớm góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố nói chung và sông Tô Lịch nói riêng; dự án đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy XLNT Phú Lương trên địa bàn quận Hà Đông (công suất tối đa là 120.000 m³/ngày.đêm, trong đó giai đoạn 1 là 25.000 m³/ngày.đêm).

- Triển khai, đẩy nhanh tiến độ các dự án làm sạch, thu gom, nạo vét Sông Nhuệ, Sông Đáy; đồng thời xây dựng các trạm bơm tiêu thoát nước; tăng cường công tác giám sát, xử lý vi phạm đất đai, lấn chiếm hành lang sông.

(5) Đối với nội dung ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề

Nguyên nhân khách quan:

- Các hộ sản xuất nằm phân tán trong khu dân cư, tận dụng đất ở làm cơ sở sản xuất, quy mô sản xuất nhỏ, tự phát, việc sản xuất xen lẫn sinh hoạt của gia đình. Đồng thời, do khó khăn về tài chính, không đủ điều kiện đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường. Hầu hết không có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải, khí thải. Do đó khó khăn trong việc phân loại chất thải sản xuất và rác thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp lẫn nước thải sinh hoạt.

- Đa số các làng nghề chỉ tập trung vào việc sản xuất kinh doanh (sản xuất quy mô nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu và thiết bị đơn giản, thủ công, hiệu quả sử dụng nguyên nhiên liệu thấp, mặt bằng sản xuất hạn chế), không quan tâm việc đầu tư xây dựng các hệ thống bảo vệ môi trường như xử lý, giảm thiểu chất thải (lỏng, rắn và khí) từ các quá trình sản xuất. Trong khi nhu cầu việc làm, thu nhập, đời sống của nhân dân tại khu vực làng nghề luôn là vấn đề cấp thiết.

- Người dân trong các làng nghề chưa có tiền lệ trả tiền cho dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, do đó cần phải xây dựng cơ chế, chính sách cụ thể đối tượng người dân làng nghề phải trả tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả tiền của Nghị định 80/2014/NĐ-CP về thoát nước và xử lý nước thải; đồng thời tạo cơ chế thuận lợi để thu hút các Nhà đầu tư xây dựng hệ thống XLNT tại các làng nghề; hoặc Thành phố hỗ trợ ngân sách đầu tư hệ thống xử lý nước, thu phí xử lý nước thải của người dân sản xuất tại làng nghề để duy trì vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Nguyên nhân chủ quan:

- Cơ chế, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư cho hoạt động môi trường còn thiếu, chưa hấp dẫn thu hút đầu tư nhất là đầu tư trong lĩnh vực xử lý nước thải, khí thải hay sản xuất sạch ứng dụng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

- Văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề còn thiếu, chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về làng nghề chưa thống nhất đầu mối quản lý giữa các Bộ, Ngành như Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đến các Sở, Ngành chức năng như Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Việc huy động các nguồn lực cho đầu tư bảo vệ môi trường còn thiếu.

- Bộ máy quản lý nhà nước về môi trường tại địa phương còn thiếu và hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu của quá trình phân cấp quản lý.

- Công tác đầu tư cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường trong khu, cụm điểm công nghiệp còn chậm.

- Ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường còn thấp, sự tham gia của cộng đồng trong công tác BVMT làng nghề còn nhiều hạn chế.

- Chưa có chính sách hỗ trợ tài chính về đất đai để khuyến khích di dời các cơ sở đến nơi sản xuất tập trung, gây khó khăn trong xử lý đồng bộ ô nhiễm môi trường tại các làng nghề.

- Công tác truyền thông, nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường làng nghề còn hạn chế.

Giải pháp: Trên cơ sở kết quả điều tra rà soát, đánh giá, phân loại ô nhiễm môi trường tại các làng nghề và tình hình triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề, Thành phố tập trung thực hiện các nội dung sau:

Về cơ chế, chính sách:

- Tập trung xây dựng, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thực thi các văn bản quy phạm pháp luật; các cơ chế chính sách đặc thù về quản lý và phát triển làng nghề, về bảo vệ môi trường làng nghề áp dụng theo Luật Thủ đô và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố giai đoạn 2020 – 2025 của Thành phố Hà Nội.

- Triển khai và cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, kế hoạch, quy hoạch, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với các làng nghề phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương.

- Tổ chức việc xây dựng Hương ước, Quy ước về bảo vệ môi trường làng nghề, trong đó cụ thể hóa các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện của thành phố Hà Nội.

- Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư xã hội, thông qua BOT, BOO, BO, PPP đa dạng hóa các nguồn lực để thực hiện BVMT làng nghề.

- Triển khai hiệu quả Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND Thành phố về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Triển khai kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 28/5/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt Kế hoạch đánh giá tác động môi trường làng nghề trong năm 2020.

Về quy hoạch, di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất:

- Quy hoạch tập trung theo cụm công nghiệp làng nghề; Quy hoạch khu sản xuất phù hợp với đặc thù loại hình làng nghề.

- Quy hoạch phân tán (quy hoạch sản xuất ngay tại hộ gia đình) đảm bảo lưu giữ nét cổ truyền, văn hóa của làng nghề để kết hợp với dịch vụ du lịch.

- Quy hoạch phân tán kết hợp tập trung: di dời các công đoạn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vào khu, cụm công nghiệp.

- Lập danh mục các làng nghề, có lộ trình chuyển đổi ngành nghề sản xuất hoặc di dời, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch di dời hoặc chuyển đổi ngành nghề sản xuất với lộ trình phù hợp.

- Chuyển đổi ngành nghề sản xuất phải lồng ghép với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững.

- Các làng nghề, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu vực dân cư nông thôn cần di dời vào khu, cụm công nghiệp được hưởng các chính sách ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất, thuế sử dụng đất,... và phải tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường đối với khu, cụm công nghiệp tập trung.

- Đảm bảo phân bổ không dưới 10% tổng kinh phí sự nghiệp môi trường, trong đó ưu tiên bố trí ngân sách cho công tác bảo vệ môi trường làng nghề của

Thành phố theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 phê duyệt đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Triển khai có hiệu quả chính sách vay vốn ưu đãi để thay đổi công nghệ theo hướng thân thiện môi trường, công nghệ sản xuất sạch hơn, các công nghệ tiên tiến, phù hợp để xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn.

- Xây dựng cơ chế và ưu tiên thu hút các dự án triển khai theo mô hình (BO, BOO, BOT, PPP, FDI, xã hội hoá).

- Công bố danh sách các làng nghề gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên các phương tiện thông tin đại chúng; phổ biến, tuyên truyền các mô hình làng nghề thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Thường xuyên giáo dục và tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

- Tập huấn nâng cao năng lực, nhận thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư địa phương có làng nghề và người trực tiếp sản xuất kinh doanh tại các làng nghề.

- Giao trách nhiệm cụ thể để phát huy vai trò, trách nhiệm của chính quyền cơ sở, các đoàn thể xã hội và mỗi người dân trong việc tham gia vào công tác bảo vệ môi trường làng nghề.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, phù hợp; Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tìm kiếm nguồn lực tài chính và hỗ trợ kỹ thuật trong đổi mới công nghệ sản xuất.

- Hoàn thiện công tác đánh giá, phân loại 100% các làng nghề truyền thống, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên ngành phục vụ quản lý, phát triển và bảo tồn làng nghề.

- Thực hiện kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 28/5/2020 của UBND Thành phố về phê duyệt Kế hoạch đánh giá tác động môi trường làng nghề trong năm 2020. Tổ chức rà soát thống nhất về đối tượng, nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường cho từng làng nghề. Tăng cường rà soát, đôn đốc các cụm công nghiệp làng nghề lắp đặt hệ thống quan trắc tự động truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý, theo dõi giám sát theo quy định.

3. Ban kinh tế ngân sách

3.1. Bổ sung các đánh giá, so sánh những việc đã làm được trong một số lĩnh vực cụ thể (đặc biệt là các nội dung đã triển khai trong hoạt động thương mại - dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp) với kế hoạch và mục tiêu cụ thể đã đặt ra từ đầu năm

Trong bối cảnh ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid 19, Thành phố thực hiện tốt mục tiêu kép “vừa chống dịch vừa phát triển kinh tế”:

(1) Lĩnh vực công nghiệp, thương mại:

- Thành phố Hà Nội là địa phương đầu tiên của cả nước ban hành Chương trình Khuyến mại tập trung, Kế hoạch Kích cầu tăng tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ; Khai trương các điểm bán Sản phẩm OCOP trên địa bàn Thành phố...

- Đã tập trung đề ra các giải pháp hỗ trợ giảm lượng hàng tồn kho, thúc đẩy tăng chỉ tiêu xuất khẩu; Tổ chức các sự kiện mới: Madein Việt Nam; Ngày không dùng tiền mặt; Hà Nội đêm không ngủ; Thương mại điện tử xuyên biên giới với Amazon, Alibaba, Google, Hội thảo Quốc tế “Cuộc cách mạng 4.0 với làng nghề trong hội nhập kinh tế quốc tế”, “Phát triển ngành thủ công mỹ nghệ với Hiệp định CPTPP”; Hội chợ quà tặng thủ công mỹ nghệ chất lượng cao, Hội chợ Hàng công nghiệp hỗ trợ; đẩy mạnh nhiều chương trình kích cầu, các hội nghị tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững...

- Thông tin kịp thời đến các doanh nghiệp về các nhà cung cấp nguyên liệu sản xuất và một số sản phẩm chống dịch Covid-19 do Bộ Công Thương và Thương vụ Việt Nam tại các nước cung cấp; Đăng tải thông báo kịp thời đến các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố cập nhật chính sách mới của Chính phủ, Bộ Công Thương; thông tin tình hình xuất nhập khẩu tại cửa khẩu các tỉnh biên giới do Sở Công Thương các tỉnh cung cấp.

- Phối hợp với Bộ Công Thương triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại theo hình thức mới trong điều kiện dịch covid-19: Phối hợp tổ chức khóa học trực tuyến (Online) về cam kết Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên Minh Châu Âu (EVFTA); Phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương tổ chức Chương trình giao thương trực tuyến giữa với các doanh nghiệp mua hàng Trung Quốc (Quảng Tây)...

- Trong công tác phòng chống dịch Covid-19 nhiều nhiệm vụ mới, chưa có tiền lệ xảy ra (Dự trữ hàng hóa khi có biến động đột biến trong thời gian ngắn, doanh nghiệp phải nghỉ việc, nguồn cung nguyên vật liệu đứt gãy, tâm lý nhân dân đồ xô tích trữ hàng hóa, giá cả mất ổn định, có mặt hàng tăng đột biến (lĩnh vực y tế, hàng tiêu dùng), thiếu khẩu trang trong thời gian đầu, phương thức cung ứng đủ nhu yếu phẩm cho nhân dân khu vực cách ly, phong tỏa như thế nào...) đòi hỏi Lãnh đạo Sở phải bám sát chỉ đạo của Trung ương, Thành phố, chỉ đạo thực hiện trong thời gian ngắn nhất phải đưa ra được các kịch bản, giải pháp ổn định tình hình thị trường (chỉ bị thiếu hàng cục bộ trong 01 buổi sáng ngày 7/3/2020), ổn định sản xuất – kinh doanh, bình ổn giá, cung ứng đủ nhu yếu phẩm cho nhân dân trên địa bàn Thành phố và các khu vực các ly, phong tỏa (hàng hóa dồi dào, giá cả ổn định), các doanh nghiệp đã đẩy mạnh đầu tư máy móc sản xuất khẩu trang đảm bảo đủ cho công tác phòng chống dịch và xuất khẩu, tích cực tìm kiếm đơn hàng xuất khẩu, thay đổi mẫu mã, kích thước, chất lượng, bao gói sản phẩm để tiêu thụ thị trường nội địa....; Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất – kinh doanh thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống dịch, dự trữ hàng hóa theo các phương án Sở ban hành tùy thuộc từng thời điểm... Kết quả đã đưa ra được các giải pháp phù hợp, làm tốt các nhiệm vụ trên giúp cho Thành phố vừa kiểm soát được dịch bệnh vừa phát triển tăng trưởng kinh tế.

- Thương mại điện tử phát triển mạnh mẽ (*12.359 website/ứng dụng TMĐT*) đóng góp 8% trong tổng mức bán lẻ của Thành phố, thúc đẩy hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp qua sàn TMĐT, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, hạn chế hình thức mua sắm truyền thống (trực tiếp) trong phòng chống dịch Covid 19...

- Tổ chức triển khai có hiệu quả các hiệp định CPTPP, EVFTA...qua các buổi tập huấn, tuyên truyền qua các bản tin “Thị trường các sản phẩm xuất khẩu chủ lực và tiềm năng của Hà Nội”, cuốn sách “Hướng dẫn vận dụng các quy tắc ứng xử trong Hiệp định thương mại thế hệ mới”; Phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp kinh doanh xuất khẩu gạo trên địa bàn Thành phố trong bối cảnh dịch Covid-19 để đảm bảo đẩy mạnh xuất khẩu gạo đồng thời ổn định nguồn lương thực trong nước; Đôn đốc doanh nghiệp báo cáo, cung cấp số liệu về kết quả xuất khẩu gạo trực tiếp từng tháng; Yêu cầu doanh nghiệp xuất khẩu gạo thực hiện duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu tương đương 5% số lượng gạo mà thương nhân đã xuất khẩu trong 06 tháng trước đó và ký thỏa thuận với ít nhất 01 hệ thống siêu thị trên địa bàn thành phố Hà Nội...

- Công tác ATTP trong lĩnh vực Công Thương được triển khai quyết liệt, hiệu quả qua các hình thức tuyên truyền, kiểm tra, hậu kiểm, hướng dẫn các doanh nghiệp làm các thủ tục cấp GCN đủ điều kiện ATTP, các sản phẩm cơ bản được kiểm soát về chất lượng ATTP; Triển khai có hiệu quả đề án “Tăng cường quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn Thành phố”.

- Phối hợp tổ chức 15 cuộc họp và ban hành 30 văn bản chỉ đạo nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác đầu tư xây dựng công trình điện trọng điểm, cấp bách, chỉ đạo đảm bảo điện phòng chống dịch Covid 19, điện sản xuất – kinh doanh và phục vụ tiêu dùng của nhân dân, đảm bảo điện phục vụ Đại hội Đảng các cấp và sự kiện lớn của đất nước, Thành phố.

- Thực hiện tốt chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực (đã có nhiều doanh nghiệp đứng trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam), Chương trình phát triển sản phẩm CNHT (tỷ lệ nội địa hóa đã được tăng cao, nhiều doanh nghiệp tự sản xuất các linh kiện hạn chế phụ thuộc vào nhập khẩu từ nước ngoài).

- Hạ tầng về công nghiệp và thương mại từng bước được quan tâm và phát triển: Thành lập mới được 25 cụm công nghiệp (gấp 1,4 lần so với thực hiện của 02 năm 2018, 2019); Phát triển thêm được 25 cửa hàng tiện lợi, 98 cơ sở bán lẻ doanh nghiệp FDI, 1.215 doanh nghiệp bán buôn bán lẻ....; Trình UBND Thành phố ký 03 MOU về lĩnh vực thương mại trao tại Hội nghị "Hà Nội 2020 - Hợp tác đầu tư và phát triển"...

- Công tác cải cách hành chính được quan tâm triển khai phục vụ tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp: 100% thủ tục hành chính (TTHC) được triển khai dịch vụ công mức độ 4; 100% hồ sơ được trả đúng hạn; 100% các TTHC thực hiện quy trình ISO ; Đơn giản hóa 34 TTHC (12 thành phần hồ sơ, rút ngắn được 116 ngày làm việc) ước tiết kiệm được 2,4 tỷ đồng; Hỗ trợ tối đa có cho doanh nghiệp làm TTHC, đặc biệt là thời điểm cao điểm trong phòng chống dịch Covid 19.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2020, Thành phố tổ chức 05 Hội nghị kết nối cung cầu; Tổ chức 04 tuần hàng trái cây nông sản các tỉnh, thành phố tại Hà Nội; Hỗ trợ tổ chức 15 tuần hàng trái cây, nông sản của các tỉnh tại Hà Nội (Sơn La, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Hải Dương, Đồng Tháp, Quảng Ninh...); tổ chức và mời doanh nghiệp tham gia 12 hoạt động giao thương kết nối sản phẩm trái cây, nông sản thực phẩm, sản phẩm OCOP... của các tỉnh; Hỗ trợ đoàn công tác tỉnh (Hà Giang, Sóc

Trăng, Bắc Kạn, Đồng Tháp, Hưng Yên, Quảng Ninh, Trà Vinh...) kết nối tiêu thụ sản phẩm đặc sản, OCOP của địa phương vào kênh phân phối tại thị trường Hà Nội và tại các gian hàng giới thiệu sản phẩm thường xuyên tại Trung tâm triển lãm của Bộ Nông nghiệp và đăng thông tin trên Trang thông tin Nông sản an toàn của thành phố Hà Nội (Website: nongsanantoanhanoi.gov.vn; chonhaminh.gov.vn) để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm có thể mạnh của các địa phương, kết nối Nhà sản xuất - Nhà phân phối - Người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố; Tổ chức và 05 phiên chợ Việt, 100 chuyến bán hàng lưu động; Tổ chức 07 Hội chợ (Hội chợ hàng Việt Nam; Hội chợ hàng hóa sản phẩm vì người tiêu dùng; Hội chợ nông sản - thực phẩm và sản phẩm OCOP năm 2020; Hội chợ hàng lưu niệm chất lượng cao Thủ đô năm 2020; Hội chợ hàng lưu niệm chất lượng cao Thủ đô năm 2020; Hội chợ đồ gỗ và trang trí nội thất năm 2020; Hội chợ quốc tế quà tặng hàng thủ công mỹ nghệ Hà Nội năm 2020; Hội chợ quốc tế sản phẩm công nghiệp hỗ trợ Hà Nội); Ký biên bản hợp tác với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố giai đoạn 2021-2025; Đã thông tin, giới thiệu 28 địa điểm tại các siêu thị, công viên công cộng, nhà văn hóa, chợ... trên địa bàn Thành phố đến các tỉnh, thành phố đăng ký tổ chức Điểm bán sản phẩm các tỉnh, thành phố tại Hà Nội từ tháng 9/2020 đến hết Quý I/2021, đã hỗ trợ tỉnh Đồng Tháp khảo sát địa điểm, đưa vào hoạt động 07 điểm giới thiệu và bán sản phẩm tỉnh Đồng Tháp tại các siêu thị từ tháng 10/2020, Hỗ trợ tỉnh Hà Giang đưa vào hoạt động 06 điểm bán hàng tại Hà Nội.

Tổ chức thành công Chương trình khuyến mại tập trung thành phố Hà Nội năm 2020 trong tháng 6 và tháng 7/2020 (Trong thời gian diễn ra sự kiện Sở Công Thương đã tiếp nhận 4.963 thông báo/ đăng ký khuyến mại của các doanh nghiệp tham gia, hạn mức thấp nhất là 10%, cao nhất là 100%, tổng giá trị khuyến mại đạt trên 20.000 tỷ đồng); Tổ chức thành công sự kiện Hà Nội đêm không ngủ - HaNoi Midnight Sale thu hút sự tham gia của 200 điểm kinh doanh thương mại và sản phẩm thương mại điện tử, được đông đảo người tiêu dùng quan tâm, mua sắm (doanh thu bình quân của các hệ thống tăng từ 100%-200%; Các sản phẩm thương mại điện tử doanh thu tăng 2,25 lần, đơn hàng tăng gấp 3 lần. trong đó doanh thu bán lẻ của các đơn vị tăng cao nhất tăng 314,7%, lượng khách tham quan mua sắm tăng 220%)...

Đã hỗ trợ các tỉnh, thành phố tiêu thụ hàng 100 nghìn tấn sản phẩm nhất là các sản phẩm dư cung do ảnh hưởng của dịch Covid 19 không xuất khẩu được đưa vào hệ thống phân phối trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đã có trên 400 sản phẩm, mã hàng mới được các doanh nghiệp Hà Nội kết nối, tiêu thụ đưa vào hệ thống phân phối (hệ thống Vinmart kết nối lượng hàng hóa các tỉnh ước đạt 44.000 tấn, giá trị đạt 560 tỷ đồng; BigC Thăng Long kết nối lượng hàng hóa các tỉnh ước đạt 10.520 tấn, giá trị đạt 206 tỷ đồng; Saigon Co.op Hà Nội kết nối lượng hàng hóa các tỉnh ước đạt 3.800 tấn, giá trị đạt 80 tỷ đồng; Hệ thống bán lẻ BRG kết nối đạt 44 tỷ đồng..).

Các hoạt động đã triển khai góp phần tích cực nâng cao tốc độ tăng trưởng chung của công nghiệp, thương mại trong bối cảnh chịu tác động mạnh từ dịch Covid-19, đưa các chỉ tiêu từ tăng trưởng âm (tháng 4, tháng 5) lên tăng trưởng dương trong tháng 6, quý III/2020 và quý IV/2020, góp phần thúc đẩy tăng trưởng GRDP cả năm đạt 3,98%.

Tăng trưởng công nghiệp, tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ của Thành phố trong năm luôn duy trì ở mức cao hơn bình quân chung của cả nước và một số thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó tăng trưởng của hoạt động bán lẻ luôn duy trì ở mức cao đã góp phần bù đắp cho hoạt động du lịch, khách sạn nhà hàng bị ảnh hưởng nhiều do dịch Covid-19 góp phần duy trì tăng trưởng chung chỉ tiêu tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ của Thành phố. Chỉ số giá tiêu dùng được kiểm soát tốt thấp hơn bình quân chung của cả nước (các năm trước đây đều cao hơn).

(2) Trong lĩnh vực nông nghiệp, mục tiêu đặt ra đầu năm 2020 là “Tốc độ tăng giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp” trên 3,0%, kết quả ước đạt 4,20%. Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bước vào thực hiện kế hoạch năm 2020 với rất nhiều thách thức, khó khăn, cụ thể: giá trị tăng thêm khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2020 giảm 1,04%; dịch tả lợn Châu phi xuất hiện và lan rộng trong năm 2019 mặc dù đã được từng bước khống chế nhưng vẫn còn xuất hiện dịch trong quý I/2020 và đầu quý II/2020, đồng thời do không có vắc xin phòng chống nên luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát trên diện rộng; bệnh cúm gia cầm H5N6 xuất hiện trong quý I/2020 và quý II/2020 xuất hiện ở 8 thôn của 7 xã thuộc 3 huyện: Chương Mỹ, Ứng Hòa, Mê Linh. Đặc biệt là dịch bệnh Covid - 19 xảy ra trên địa bàn Thành phố đã ảnh hưởng đến phát triển của ngành.

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, đồng chí Bí Thư Thành ủy, Ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng 03 kịch bản tăng trưởng của ngành nông nghiệp năm 2020 và đã lựa chọn kịch bản cao nhất là tăng trưởng ngành nông nghiệp năm 2020 là 4,12%.

Để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng, Ngành đã tập trung thực hiện: đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp và tập trung các giải pháp tăng đàn lợn; tuyên truyền vận động người dân, các doanh nghiệp, trang trại, gia trại đẩy mạnh phát triển sản xuất, thực hiện tốt công tác kiểm tra, phát hiện sớm và thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, trên đàn gia súc, gia cầm, tại các ao hồ và các vùng nuôi trồng thủy sản; chỉ đạo hướng dẫn người dân, trang trại, gia trại xây dựng các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh; thành lập các đoàn công tác làm việc với các huyện, thị xã để bàn, thống nhất và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng ngành nông nghiệp trong năm 2020, các đoàn công tác cũng thường xuyên làm việc với huyện, các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản để kiểm tra sản xuất; xây dựng và thực hiện Kế hoạch sản xuất vụ mùa, vụ đông, phương án và các giải pháp tái và tăng đàn lợn, phát triển đàn gia cầm, phát triển nuôi trồng thủy sản; theo dõi sát tình hình sản xuất, diễn biến dịch bệnh để nắm bắt nguồn cung các mặt hàng lương thực, thực phẩm; đảm bảo nguồn cung, ổn định thị trường, đồng thời phối hợp với 21 tỉnh thành phía Bắc thực hiện tốt hoạt động của Ban điều phối chương trình phát triển chuỗi cung cấp rau, thịt, nông sản an toàn cho Hà Nội;.... Năm 2020, Ngành nông nghiệp đã đạt được mục tiêu tăng trưởng là 4,20% cao hơn 1,2 điểm % so với nhiệm vụ giao đầu năm và cao hơn so với chỉ tiêu đặt ra đầu quý III/2020.

3.2. Báo cáo bổ sung những giải pháp, hành động cụ thể đã triển khai để thực hiện các nhiệm vụ và định hướng phát triển được nêu trong nghị quyết số 05/NQ-

HĐND ngày 03/8/2016 của HĐND Thành phố, ví dụ như đã làm gì để đổi mới mô hình tăng trưởng (lĩnh vực công nghiệp, thương mại, nông nghiệp), sản phẩm công nghiệp chủ lực mũi nhọn là gì và đã triển khai biện pháp gì để phát triển mạnh,...

(1) Thành phố đã ban hành các quyết định và thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp:

- Quyết định số 4892/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Chương trình khuyến công thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 5815/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND Thành phố Hà Nội phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 4720/QĐ-BCT ngày 02/12/2016 của Bộ Công Thương phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Hợp phần I: Quy hoạch phát triển hệ thống điện 110kV.

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND Thành phố phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035 - Hợp phần II: Quy hoạch phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV.

- Triển khai thực hiện Văn bản số 11175/BCT-CTĐP ngày 27/11/2017 của Bộ Công Thương thỏa thuận Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, có xét đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 14/3/2018 của UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030.

- Quyết định số 6743/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2025.

- Quyết định số 496/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 phê duyệt Đề án phát triển sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng tới năm 2025.

- Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế quản lý phát triển điện lực trên địa bàn Thành phố.

- Các Quyết định của UBND Thành phố: số 4921/QĐ-UBND ngày 18/9/2018; số 681/QĐ-UBND ngày 10/02/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh không theo chu kỳ Hợp phần II - Quy hoạch phát triển điện lực thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035.

- Kế hoạch hành động số 206/KH-UBND ngày 31/10/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về Chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn đến năm 2020.

Kết quả thực hiện như sau:

- Đã triển khai xây dựng và tổ chức triển khai các đề án thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn, cụ thể: Đề án hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đẩy mạnh ứng dụng phần mềm quản trị, điều hành; Đề án đánh giá

thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực các doanh nghiệp cơ khí Hà Nội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế đáp ứng hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam – Nhật Bản giai đoạn 2016-2020; Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để xây dựng hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội theo đúng tiến độ. Đề xuất cơ chế hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho doanh nghiệp xây dựng hạ tầng khu công nghiệp hỗ trợ Nam Hà Nội nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, vận động các doanh nghiệp lập hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, xét chọn SPCNCL Thành phố Hà Nội; Xây dựng 20 tin, bài, phóng sự truyền thông về SPCNCL phát trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, hơn 80 bài viết truyền thông về SPCNCL trên báo, hơn 2.000 tờ rơi tuyên truyền về cơ chế, chính sách phát triển SPCNCL Thành phố; Xây dựng 02 bộ nhận diện thương hiệu SPCNCL Hà Nội và Top 10 SPCNCL Hà Nội; Xây dựng 1.000 cuốn kỷ yếu về SPCNCL Hà Nội. Tổ chức các Hội nghị tuyên truyền về chính sách, định hướng phát triển SPCNCL Thành phố; Hội nghị hướng dẫn các doanh nghiệp đăng ký công nhận SPCNCL Hà Nội. Xây dựng website www.congngiepchuluc-hanoi.gov.vn nhằm cung cấp thông tin về chương trình, quảng bá, giới thiệu SPCNCL và doanh nghiệp sản xuất SPCNCL Thành phố, kết nối doanh nghiệp sản xuất SPCNCL Thành phố với các đối tác trong và ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình Xúc tiến đầu tư, thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, mở rộng thị trường; hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường trong nước về các sản phẩm công nghiệp, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển. Giai đoạn 2018- 2020, đã lựa chọn, công nhận được 117 sản phẩm của 77 doanh nghiệp là sản phẩm công nghiệp chủ lực thành phố Hà Nội; trong đó có 12 doanh nghiệp trong Top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, cơ cấu sản phẩm: ngành công nghiệp điện tử, công nghệ cao có 38 sản phẩm, tỷ lệ 32,5%; ngành công nghiệp cơ khí chế tạo có 40 sản phẩm, tỷ lệ 34,2%; ngành công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm có 09 sản phẩm, tỷ lệ 7,7%; ngành công nghiệp may mặc, giày da có 10 sản phẩm, tỷ lệ 8,5%; ngành công nghiệp vật liệu xây dựng có 05 sản phẩm, tỷ lệ 4,3%; các ngành khác: thủ công mỹ nghệ, khởi nghiệp ... có 14 sản phẩm, tỷ lệ 12%.

Tổ chức thành công Hội chợ triển lãm quốc tế sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thành phố Hà Nội năm 2020, quy mô khoảng 200 gian hàng nhằm nâng cao năng lực, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu trong công nghiệp chế tạo linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm; sử dụng tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu và năng lượng; tăng cường khả năng hội nhập kinh tế quốc tế; tạo môi trường gặp gỡ, tìm kiếm cơ hội, kết nối giao dịch thương mại giữa các doanh nghiệp sản xuất, chế tạo cung ứng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm đáp ứng nhu cầu của nhà sản xuất công nghiệp chính; Hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật cho 15 doanh nghiệp ngành công nghiệp hỗ trợ để cải tiến quy trình sản xuất, công nghệ, quản lý; Hỗ trợ cho 40 doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ trong sản xuất thử nghiệm linh kiện, phụ tùng, nguyên liệu và vật liệu; Hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thiện, đổi mới công nghệ và sản xuất thử nghiệm các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ;... nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm; Hỗ trợ, tư vấn cho các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý đáp ứng yêu cầu của

chuỗi sản xuất toàn cầu trong quản trị doanh nghiệp, quản trị sản xuất kinh doanh;... đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Việc tập trung triển khai đồng bộ nhiều giải pháp đã góp phần hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố phục hồi và phát triển sản xuất, các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đã dần khắc phục những khó khăn, chủ động trong khâu sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tích cực thực hiện các giải pháp như triệt để tiết kiệm vật tư, nhiên liệu, chi phí quản lý, sản xuất; phát huy sáng kiến để tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm; đổi mới công nghệ, tìm kiếm thị trường mới.

Triển khai Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp thành phố Hà Nội đến năm 2020, có xét đến năm 2030, theo đó tổng số cụm công nghiệp quy hoạch đến năm 2020, có xét đến năm 2030 là 159 cụm công nghiệp với tổng diện tích 3.204,3 ha.

- Trên địa bàn Thành phố hiện có 70 cụm công nghiệp, cơ bản lấp đầy, đang hoạt động ổn định với diện tích 1.686 ha, đã thu hút được 3.864 hộ, doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất kinh doanh với khoảng 57.255 lao động, tổng số vốn đăng ký đầu tư là 7.400 tỷ đồng, tổng doanh thu gần 7.000 tỷ đồng.

- Triển khai Nghị định 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp, Thành phố ban hành quyết định thành lập mới 43 cụm công nghiệp với tổng diện tích 753,3ha, tổng vốn đầu tư khoảng 16.150 tỷ đồng, hiện đang chỉ đạo tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn tất thủ tục, triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật. Đã chỉ đạo tiếp tục rà soát lại toàn bộ cụm công nghiệp theo quy hoạch trên địa bàn và danh mục các cụm công nghiệp đã được xúc tiến đầu tư, tăng cường kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện dự án, thẩm định, thành lập các cụm công nghiệp để đẩy mạnh sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Thành phố hiện có 1.350 làng nghề, làng có nghề, 305 làng nghề được công nhận. Thành phố đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương tăng cường hỗ trợ phát triển nghề, làng nghề và các cơ sở công nghiệp nông thôn thông qua thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại, khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương, góp phần tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo việc làm tại các vùng nông thôn ngoại thành; giải quyết một phần khó khăn cho các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn trong hoạt động thiết kế, cải tiến mẫu mã sản phẩm. Giai đoạn 2016 - 2019, Chương trình khuyến công quốc gia đã hỗ trợ 20 lớp đào tạo nghề cho 700 lao động, 07 đề án đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; trên 200 lượt doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn kết nối giao thương tiêu thụ sản phẩm trong nước; Thành phố đã hỗ trợ trên 1200 lượt doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn kết nối giao thương tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước; hỗ trợ 64 lượt cơ sở công nghiệp nông thôn đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, giảm ô nhiễm môi trường; Tổ chức 274 lớp truyền nghề, cấy nghề tiểu thủ công nghiệp cho 9.590 lao động nông thôn, đạt trên 80% số lao động có việc làm; Tổ chức 72 lớp tập huấn nâng cao kỹ năng quản lý, quản trị doanh nghiệp, thiết kế mẫu, xuất nhập khẩu, quản trị bán hàng, quản trị tài chính cho 7.200 lượt cán bộ lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp nông

thôn. Tổ chức 18 hội nghị tuyên truyền, giới thiệu các văn bản, chủ trương, chính sách của Nhà nước, Thành phố về khuyến công, phát triển nghề, làng nghề cho 1.800 lượt cán bộ làm công tác khuyến công các huyện, thị xã, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; Hỗ trợ xây dựng thương hiệu 20 làng nghề Hà Nội; Tư vấn cho các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất tại làng nghề thiết kế trên 1.500 sản phẩm, bộ sản phẩm mới; Tổ chức 4 cuộc thi thiết kế mẫu sản phẩm thủ công mỹ nghệ cấp Thành phố thu hút sự tham gia của gần 309 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, nghệ nhân, thợ giỏi, giáo viên, sinh viên và những người yêu thích ngành thủ công mỹ nghệ; Tổ chức 02 triển lãm các sản phẩm, mẫu thiết kế hàng thủ công mỹ nghệ mới, sáng tạo; Công nhận 31 sản phẩm, bộ sản phẩm là “Sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp Thành phố”, đề xuất với Bộ Công Thương 25 sản phẩm, bộ sản phẩm tham gia Chương trình Bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực. Tổ chức 05 hội chợ xuất khẩu chuyên ngành thủ công mỹ nghệ (đạt 100% kế hoạch) với tổng số 3.225 gian hàng (tăng 22,6% so với giai đoạn 2011-2015); hỗ trợ 1.250 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất của Hà Nội và gần 40 tỉnh, thành phố trong cả nước tham gia, thu hút 3.200 nhà nhập khẩu đến từ 40 quốc gia và vùng lãnh thổ đến tham quan, giao dịch mua hàng, hàng trăm hợp đồng xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ được ký kết giữa các doanh nghiệp tham gia hội chợ và các nhà nhập khẩu, trị giá trên 30 triệu USD.

Hỗ trợ 373 lượt doanh nghiệp, cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ trong các làng nghề tham gia hội chợ quốc tế hàng thủ công mỹ nghệ tại nước ngoài và hội chợ công nghiệp, thương mại trong nước (bằng 199,5% so với giai đoạn 2011-2015), trong đó 172 lượt doanh nghiệp tham gia hội chợ tại nước ngoài (đạt 172% kế hoạch). 100% doanh nghiệp, cơ sở CNNT tham gia hội chợ nước ngoài tìm kiếm được khách hàng tiềm năng và ký kết được hợp đồng tiêu thụ sản phẩm với giá trị bình quân xấp xỉ đạt 55.000USD/doanh nghiệp/năm. Các cơ sở CNNT tham gia hội chợ trong nước đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ và tìm kiếm thêm nhiều khách hàng mới, từ đó tạo thêm nhiều việc làm cho lao động nông thôn.

Qua 5 năm triển khai, các mục tiêu đề ra của Chương trình khuyến công giai đoạn 2016-2020 cơ bản đạt yêu cầu so với kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất công nghiệp nông thôn giai đoạn 2016-2020 tăng trưởng bình quân đạt trên 6-8%/năm, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngoại thành theo hướng công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, tạo việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn.

Thành phố đã nỗ lực triển khai các biện pháp đảm bảo cung ứng điện an toàn, ổn định, chất lượng, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của Thủ đô như: phát triển nguồn, lưới điện; phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo; triển khai các giải pháp thúc đẩy sử dụng hiệu quả năng lượng, ứng phó biến đổi khí hậu, sản xuất sạch hơn trong công nghiệp ...

- Về hạ tầng cung cấp điện: Lưới điện Thành phố được đầu tư cấp điện từ 05 trạm biến áp 500kV Thường Tín, Đông Anh, Tây Hà Nội, Hiệp Hòa và Nho Quan, 13 trạm biến áp 220kV, 55 trạm biến áp 110kV, trên 19.798 trạm biến áp phân phối; Khối lượng đường dây 220kV chiều dài trên 775km, đường dây 110kV chiều

dài trên 903km, đường dây trung áp chiều dài trên 10.213km, đường trục hạ áp 31.951km.

Lưới điện Thành phố đảm bảo cung cấp điện cho mọi hoạt động phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn với chất lượng điện và độ tin cậy cung cấp điện đang dần được cải thiện ngày một tốt hơn: tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm trung bình giai đoạn 2016 – 2019 đạt 8,4%; thời gian mất điện trung bình cho một khách hàng (chỉ số SAIDI) liên tục giảm từ 965 phút (năm 2016) xuống còn 226,97 phút (lũy kế 06 tháng đầu năm 2020).

- Các chỉ số về cung cấp điện được nâng cao:

+ Sản lượng điện thương phẩm ước đạt trên 20.200 triệu kWh tăng 2,78% so với năm 2019.

+ Thời gian mất điện trung bình cho một khách hàng (chỉ số SAIDI) liên tục giảm từ 965 phút (năm 2016) xuống còn 179,26 phút, vượt 29,43% kế hoạch giao.

+ Công suất cực đại $P_{max} 2020/P_{max} 2016 = 4.435/3.381(MW)$, tăng 1,31 lần.

+ Bình quân điện thương phẩm đầu người tăng từ 2.161 kWh/người/năm (năm 2016), lên 2.425 kWh/người/năm (năm 2019), tăng 1,39 lần.

+ Công tác xử lý vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp (HLBVATLĐCA) được quan tâm và tập trung chỉ đạo thường xuyên, xuyên suốt đến các địa phương với tiêu chí giảm ít nhất 30% điểm vi phạm/năm và không để phát sinh vi phạm mới. Giai đoạn 2016 – 2019, xử lý giảm được 933/1.092 trường hợp vi phạm hành lang an toàn lưới điện cao áp và không để phát sinh vi phạm mới. Từ đầu năm 2020 đến nay, toàn Thành phố xử lý giảm được 55 trường hợp vi phạm HLBVATLĐCA; tổ chức kiểm tra, ban hành các văn bản chỉ đạo hướng dẫn xử lý 10 trường hợp vi phạm HLBVATLĐCA liên quan tới các công trình.

+ Tỷ lệ chuẩn hóa lưới điện về cấp điện áp 22kV tăng từ 37,8% lên trên 80%; tỷ lệ ngầm hóa lưới điện: trung áp tăng từ 40% lên 78%; cao áp 5,2% lên trên 15%.

+ Tỷ lệ hiện đại hóa lưới điện, tự động hóa trong quản lý vận hành: Chuyển dần từ chế độ vận hành trạm biến áp 110kV có người trực, bán người trực sang mô hình trạm biến áp 110kV không người trực, thao tác từ xa. Đến nay đã áp dụng công nghệ này cho hầu hết các trạm biến áp 110kV của Thành phố. Triển khai chương trình thay thế công tơ cơ bằng công tơ điện tử, tăng tỷ lệ lắp đặt từ dưới 10% lên 80%. Việc phát triển nguồn, lưới điện của Thành phố hiện tại đáp ứng cung cấp điện an toàn, ổn định cho nhu cầu điện cho phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô. Kết cấu lưới điện đã được cải thiện, từ chỗ chỉ có 10% lưới điện có kết nối mạch vòng theo tiêu chuẩn n-1, nay đã đạt trên 90% ở lưới điện trung áp.

+ Hoàn thành và đưa vào ứng dụng Đề tài “Nghiên cứu thiết kế, đề xuất giải pháp xây dựng trạm 110kV tại khu vực bị hạn chế về không gian và diện tích xây dựng”, có ý nghĩa thực tiễn to lớn giúp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi bố trí đất và tổ chức xây dựng các trạm 110kV, đặc biệt trong khu vực nội thành, đảm bảo an ninh cung cấp điện.

- Tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hưởng ứng chiến dịch giờ trái đất hàng năm: Đăng 200 bài truyền thông,

phát 10.200 lượt clip về tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng trên báo giấy và báo điện tử, phóng sự trên truyền hình; phát hành trên 100.000 tờ rơi, băng rôn, poster, áp phích; 7.000 bộ tài liệu tuyên truyền Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả; Tổ chức 20 buổi hội nghị, tập huấn tuyên truyền phổ biến về Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, sử dụng các trang thiết bị hiệu suất cao; phát 10.200 lượt phát clip tuyên truyền về tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng; phát hành 7.3000 sổ tay về nhãn năng lượng, hướng dẫn hộ gia đình tiết kiệm năng lượng; Tổ chức trên 1.335 buổi tuyên truyền về kỹ năng lựa chọn, sử dụng trang thiết bị tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng cho các hộ gia đình. Công nhận 3.900 hộ gia đình sử dụng tiết kiệm điện, tiết kiệm năng lượng tiêu biểu của các quận, huyện, thị xã; Vận động, hướng dẫn trên 260 cơ sở sử dụng năng lượng tham gia đánh giá công nhận danh hiệu Cơ sở, công trình xây dựng sử dụng NĂNG LƯỢNG XANH; Hỗ trợ trên 300 cơ sở sử dụng năng lượng thuộc các đối tượng doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, công trình xây dựng, giao thông vận tải thực hiện kiểm toán năng lượng, xây dựng hệ thống quản lý năng lượng; đánh giá hiệu quả năng lượng; áp dụng các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; Xây dựng trên 40 bộ công cụ tính toán, dự báo các chỉ số chỉ tiêu hiệu quả năng lượng xa ứng dụng công nghệ thế hệ 4.0. Tổng mức năng lượng tiết kiệm giai đoạn 2016 – 2020 (ước thực hiện năm 2020) đạt là 1.124 kTOE.

Triển khai các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong giao thông vận tải, chiếu sáng đô thị, 95% hệ thống đèn tín hiệu giao thông trên địa bàn Thành phố sử dụng công nghệ đèn LED tiết kiệm điện; thay thế đèn chiếu sáng giao thông và chiếu sáng kiến trúc bằng đèn LED; lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng ứng dụng đèn LED sử dụng năng lượng tái tạo và tiến tới thay thế toàn bộ các đèn tín hiệu giao thông, hệ thống chiếu sáng đô thị đang sử dụng công nghệ cũ (đèn sợi đốt) bằng đèn LED để tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường. Đưa vào sử dụng 50 xe bus cho 03 tuyến chạy nhiên liệu CNG.

- Tích cực triển khai phát triển các nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo, năng lượng sinh học: Thành phố đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về quản lý nhu cầu điện trên địa bàn giai đoạn 2018-2020, chỉ đạo triển khai các giải pháp phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo như: Thử nghiệm và tăng cường trang bị các hệ thống năng lượng mặt trời áp mái; đánh giá, thu thập dữ liệu quản lý nhu cầu điện trên hệ thống điện của Thành phố; thí điểm ứng dụng năng lượng mặt trời chiếu sáng khu vực nông thôn ngoại thành ...

Đã hỗ trợ xây dựng các mô hình, lắp đặt được hơn 22.500 bình nước nóng năng lượng mặt trời (hỗ trợ 01 triệu đồng/bình lắp đặt); Hỗ trợ quảng bá và bán 260.000 bóng đèn compact cho người dân; hỗ trợ xây dựng hầm biogas; trên địa bàn Thành phố đã có 559 tổ chức, cá nhân lắp đặt điện mặt trời áp mái với công suất 6.730 kWp hòa lưới điện.

Khuyến khích, ưu tiên các hoạt động thu hồi năng lượng từ chất thải, thu hút đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn để phát điện trên cơ sở áp dụng công nghệ hiện đại, cụ thể: Đã hoàn thành xây dựng, đưa vào vận hành 01 hệ thống điện rác với công suất 1,93 MW tại xã Nam Sơn, huyện Sóc Sơn; 03 dự án điện rác đã được Thành phố chấp thuận đầu tư với tổng công suất 102,5MW (Nhà máy điện rác Sóc

Sơn với công suất phát điện 75MW; Dự án khí hóa rác thải sinh hoạt thành điện năng, công suất 12MW tại khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây; Dự án nhà máy điện rác Xuân Sơn, công suất 15,5MW tại khu xử lý chất thải rắn Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây).

- Tăng cường đầu tư hạ tầng điện phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn: Ngân sách Thành phố đã hỗ trợ 63.195 tỷ đồng để thực hiện đầu tư dự án lưới điện hạ áp nông thôn RE2 tại 89 xã với quy mô: xây dựng mới 127.895 km đường dây hạ áp, cải tạo 1.215 km đường dây hạ áp, lắp đặt mới 186.624 công tơ điện; Hỗ trợ Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội vay ưu đãi từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố 207,7 tỷ đồng triển khai dự án Đầu tư lưới điện trung áp đồng bộ với lưới điện hạ áp RE2 tại 65 xã và 1 thị trấn, đã bàn giao tuyến, nghiệm thu đóng điện 221/221 trạm biến áp. Đến nay, 100% số xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố đạt và cơ bản đạt tiêu chí số 4 về điện nông thôn mới; 6 huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, bao gồm: Đan Phượng, Đông Anh, Thanh Trì, Hoài Đức, Gia Lâm và Quốc Oai.

- Tích cực triển khai các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa: Triển khai Chỉ thị số 08/CT-BCT ngày 15/7/2019 của Bộ Công Thương về việc tăng cường các biện pháp giảm thiểu chất thải nhựa trong ngành Công Thương, thành phố Hà Nội đã chỉ đạo tổ chức Hội nghị "Phát động chung tay chống rác thải nhựa trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và phân phối tiêu dùng trên địa bàn Thành phố". Vận động các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp đổi mới trang thiết bị, đầu tư dây chuyền sản xuất, áp dụng khoa học công nghiệp trong việc sản xuất các sản phẩm có khả năng tự phân hủy sinh học, các sản phẩm có nguồn gốc tự nhiên thân thiện với môi trường, từng bước thay thế túi nilon và các sản phẩm nhựa sử dụng một lần khó phân hủy. Đã vận động được khoảng 900 cơ sở, doanh nghiệp ký cam kết (220 chợ, 140 siêu thị, TTTM; 500 cửa hàng tiện lợi, cơ sở bán lẻ FDI; 30 khách sạn, nhà hàng; 12 công nghiệp...).

- Chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững: phát hành 09 phóng sự tuyên truyền trên truyền hình nâng cao nhận thức cộng đồng về sản xuất và tiêu dùng bền vững, 60 bài tuyên truyền các cơ chế ưu đãi đặc thù thu hút các doanh nghiệp đầu tư sản xuất bền vững, phòng chống rác thải nhựa, phát 2.600 lượt clip tuyên truyền sản xuất và tiêu dùng bền vững, phát clip tại Trung tâm thương mại và bảng quảng cáo đèn Led tấm lớn; Phát hành 60.000 tờ rơi, 15.000 cầm nang, 12.000 áp phích tuyên truyền về sản xuất và tiêu dùng bền vững; tác động của rác thải nhựa và hành động chống rác thải nhựa cho các cơ sở sản xuất, trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ truyền thống và trong cộng đồng dân cư; Tổ chức 14 lớp tập huấn bồi dưỡng đội ngũ cơ quan quản lý nhà nước và cán bộ kỹ thuật của các doanh nghiệp; 07 hội thảo phổ biến, hướng dẫn triển khai mô hình kinh doanh xanh trong lĩnh vực phân phối – dịch vụ; 06 chuỗi kết nối chương trình sản xuất tiêu dùng bền vững cho các nhóm ngành, lĩnh vực gắn kết các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố; Tổ chức 15 buổi phổ biến kết nối sản xuất và tiêu dùng bền vững và giới thiệu các sản phẩm trong chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững đến các khu dân cư trên địa bàn các quận, huyện, thị xã trên địa bàn thành phố. Tổ chức 06 Hội thảo chuyên đề đánh giá kết quả khảo sát tại các khối

doanh nghiệp và 01 hội thảo “Đánh giá tiềm năng, nhu cầu tham gia chuỗi sản xuất và tiêu dùng bền vững của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Thành phố”; xây dựng 01 bộ cơ sở dữ liệu về mạng lưới sản xuất và tiêu dùng bền vững; xây dựng 04 mô hình mẫu thực tế “Điểm kinh doanh xanh”; xây dựng 01 bộ tài liệu hướng dẫn triển khai mô hình hệ thống sản xuất - dịch vụ PSS và hướng dẫn hỗ trợ 01 đơn vị trên địa bàn Thành phố áp dụng mô hình mẫu thực tế sản xuất - dịch vụ PSS. Việc triển khai Chương trình sản xuất và tiêu dùng bền vững trên địa bàn Thành phố giúp khoảng 50% các doanh nghiệp trong lĩnh vực phân phối được hướng dẫn, áp dụng các giải pháp về sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng; Giảm 65% tỷ lệ sử dụng bao bì khó phân hủy tại các chợ dân sinh và các trung tâm thương mại, siêu thị; 70% các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp áp dụng đổi mới công nghệ theo hướng công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; 80% doanh nghiệp tham gia chuỗi sản xuất, cung ứng nông sản thực phẩm an toàn; ứng dụng hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc, minh bạch thông tin đến người tiêu dùng.

(2) Phát triển thương mại nội địa, xuất nhập khẩu:

- Kế hoạch số 61/KH-UBND ngày 24/2/2015 thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 BCH Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO”.

- Chương trình số 78/CTr-UBND ngày 22/4/2016 về phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Quyết định số 2313/QĐ-UBND ngày 17/4/2017 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Hội nhập quốc tế thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 08/8/2017 về Hội nhập quốc tế thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020.

- Quyết định số 2913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 về “Đề án đẩy mạnh xuất khẩu của Thành phố thời kỳ hội nhập đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”.

- Quyết định số 4137/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 phê duyệt Đề án “Giải pháp phát triển kinh tế thành phố Hà Nội trong bối cảnh thực hiện các hiệp định thương mại (FTA) giữa Việt Nam và Nhật Bản giai đoạn 2016-2020.

- Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 phê duyệt Đề án “Quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025”.

- Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 24/5/2018 về phát triển thương mại – dịch vụ văn minh hiện đại trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025.

- Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 14/3/2019 về thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 02/5/2019 của Thành ủy Hà Nội triển khai thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.

- Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 12/02/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về đẩy mạnh xuất khẩu trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2020.

- Văn bản số 1213/UBND-KT ngày 13/4/2020 về triển khai kế hoạch đẩy mạnh xuất nhập khẩu trong bối cảnh dịch covid-19.

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 22/4/2020 của UBND Thành phố về việc tổ chức hoạt động liên kết vùng và hỗ trợ quảng bá, kết nối cung - cầu hàng hóa giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong lĩnh vực Công Thương năm 2020.

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/6/2020 của UBND Thành phố về kích cầu nội địa, tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng thành phố Hà Nội năm 2020.

- Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 06/7/2020 của UBND Thành phố, Kế hoạch số 3246/KH-SCT ngày 23/7/2020 của Sở Công Thương về thực hiện Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2020.

UBND Thành phố ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển thương mại – dịch vụ văn minh hiện đại trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025; Chương trình phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đề án “Quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025”.

Đã phối hợp với Bộ Công Thương chấp thuận, giám sát 12.359 website/ứng dụng thương mại điện tử trên địa bàn; Tổ chức chương trình “Ngày mua sắm trực tuyến Việt Nam - Online Friday”, “Tuần trải nghiệm công nghệ số và thương mại điện tử” hàng năm, sự kiện kết nối tiêu thụ sản phẩm hàng hóa trên môi trường mạng; Phối hợp với Cục Xúc tiến thương mại – Bộ Công Thương tổ chức Chương trình “Thương mại điện tử qua sàn Amazon.com”; Chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công Thương, Hiệp hội Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa Hà Nội, Amazon Global Selling, Tập đoàn T&T Hoa Kỳ và Ngân hàng TMCP SHB tổ chức hội thảo “Thương mại điện tử xuyên biên với Amazon - Cơ hội xuất khẩu cho Doanh nghiệp Việt” diễn ra với sự tham dự của hàng trăm doanh nghiệp, người bán hàng ở nhiều lĩnh vực khác nhau trên toàn quốc; Triển khai kế hoạch về đẩy mạnh sử dụng mã hình QR để truy suất nguồn gốc trực tuyến các hàng hóa lưu thông trên địa bàn Thành phố, Kế hoạch về phát triển thanh toán không dùng tiền mặt; Triển khai “Mạng lưới máy bán hàng tự động đặt tại địa điểm công cộng trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020”; Hàng năm, phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức triển khai phát triển nguồn nhân lực cho thương mại điện tử, đã tổ chức 12 lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về thương mại điện tử với các chủ đề chuyên sâu cho UBND quận, huyện, thị xã của Thành phố và gần 1.000 doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố; Phối hợp Báo Hà Nội Mới, Báo Công Thương, Đài PTTH Hà Nội đăng báo, thực hiện phóng sự tuyên truyền về thương mại điện tử; Phối hợp Bộ Công Thương, Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam và các đơn vị liên quan tổ chức hội thảo về thương mại điện tử nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu trực tuyến, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội; Thực hiện tốt các công tác quản lý nhà nước

đối với loại hình thương mại dịch vụ văn minh, hiện đại như: Công tác phân hạng, phê duyệt nội quy hoạt động của trung tâm thương mại, siêu thị; Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ cho các doanh nghiệp khai thác nguồn hàng, ký kết tiêu thụ hàng hóa cho doanh nghiệp của Hà Nội và các tỉnh; Hỗ trợ các doanh nghiệp tìm mặt bằng để phát triển mở rộng mạng lưới; Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; UBND Thành phố phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức thành công Diễn đàn Logistics Việt Nam 2020; Thành phố cũng đã quyết định chủ trương đầu tư đối với 03 dự án hạ tầng logistics và đang xem xét, hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện chủ trương đầu tư đối với 09 dự án hạ tầng logistics.

Đã phối hợp tổ chức nhiều hoạt động giao thương liên kết giữa Hà Nội với các vùng, địa phương nhằm phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa của Hà Nội tại các tỉnh và của các tỉnh tại Hà Nội, gắn liền với đó là dịch vụ logistics từng bước đã hình thành nên chuỗi giá trị liên kết tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa; Kết quả đã hỗ trợ trên 52 tỉnh thành phố đưa hàng vào hệ thống phân phối tại Hà Nội, tiêu thụ hàng trăm nghìn tấn/năm hàng hóa nông sản thực phẩm, đặc sản vùng miền và các sản phẩm bị dư cung cho các tỉnh, thành phố, giúp Hà Nội cân đối cung cầu, bình ổn thị trường. Đã triển khai nhiều chương trình, hoạt động nâng cao nhận thức, hiểu biết cho cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố thông qua các buổi hội nghị, tọa đàm, tập huấn về khuyến khích sử dụng dịch vụ logistics thuê ngoài (3PL, 4PL, 5PL), sử dụng giá trị gia tăng trong quá trình lưu thông sản phẩm hàng hóa trước khi đưa đến tay người tiêu dùng (truy xuất trực tuyến hành trình vận chuyển, định vị GPS chính xác địa điểm lô hàng, theo dõi đơn hàng, dự kiến thời gian giao nhận hàng...).

Trên địa bàn Thành phố hiện có 28 trung tâm thương mại, 142 siêu thị; 1.840 cửa hàng tiện ích, địa điểm kinh doanh thực phẩm; 455 chợ; 494 cửa hàng xăng dầu, 1.708 cửa hàng kinh doanh LPG chai; 415 máy bán hàng tự động; 11.870 website/ứng dụng thương mại điện tử; 02 cảng cạn ICD và hệ thống các kho, bãi container nhỏ phục vụ hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa, 1.152 văn phòng đại diện, 1.215 doanh nghiệp bán buôn, bán lẻ FDI với 98 cơ sở bán lẻ.

UBND Thành phố ban hành và tổ chức triển khai Quy định về phát triển và quản lý chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội; Hoàn thiện dự thảo Đề án quản lý, đầu tư, cải tạo phát triển hệ thống chợ trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2020 – 2025. Đến nay 30/30 quận, huyện, thị xã trên địa bàn đã được phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh khai thác chợ giai đoạn 2017-2020, trong đó có 03 quận, huyện đã hoàn thành công tác chuyển đổi là Hoàn Kiếm, Long Biên, Thanh Trì; 453/455 chợ đã được phê duyệt Phương án bố trí, sắp xếp ngành hàng (đạt 99,6%); 455/455 chợ đã được phê duyệt Nội quy hoạt động (đạt 100%); 378/424 chợ đã được phê duyệt phân hạng được phê duyệt phương án giá dịch vụ tại chợ (đạt 89,1%); xác nhận kiến thức về ATTP cho 20.267/21.416 người kinh doanh trong chợ (đạt 94,6%), ký cam kết đảm bảo ATTP cho 19.892/21.044 cơ sở kinh doanh trong chợ (đạt 95%); đã giải tỏa được 170/231 chợ cóc, chợ tạm trên địa bàn (đạt 73,6%).

- Công tác thu hút đầu tư phát triển hạ tầng thương mại dịch vụ được đẩy mạnh, thu được kết quả khả quan như: 04 trung tâm thương mại do Tập đoàn Vingroup làm chủ đầu tư tại các huyện Đông Anh, Gia Lâm và Thanh Trì với tổng diện tích 30,2ha, tổng vốn đầu tư 6.300 tỷ đồng; Ký biên bản ghi nhớ với Tập đoàn Semmaris (Cộng hòa Pháp) để triển khai dự án nghiên cứu tiền khả thi Chợ đầu mối quốc tế nông sản tại huyện Gia Lâm, quy mô nghiên cứu khoảng 155ha; ký 02 biên bản ghi nhớ về xây dựng Outlet, 01 biên bản ghi nhớ về nghiên cứu dự án đầu tư xây dựng chợ đầu mối tại huyện Mê Linh; Thành phố ban hành quyết định kêu gọi đầu tư 25 chợ trên địa bàn; đã thu hút đầu tư được 52 dự án, tổng vốn đầu tư 22,3 nghìn tỷ đồng, gồm: 18 dự án thương mại dịch vụ; 03 dự án Logistics; 07 dự án chợ dân sinh; 24 dự án cửa hàng xăng dầu; Hiện đang tiếp tục kêu gọi đầu tư 58 dự án chợ (trong đó 04 dự án chợ đầu mối tại các huyện: Gia Lâm, Mê Linh, Ba Vì, Phú Xuyên và 54 dự án chợ dân sinh).

UBND Thành phố chủ động triển khai công tác đảm bảo cung - cầu hàng hóa trên địa bàn, đã thực hiện có hiệu quả Chương trình bình ổn thị trường của Thành phố hàng năm, đảm bảo tình hình cung – cầu trên địa bàn Thành phố ổn định, lượng hàng khá dồi dào, giá cả được kiểm soát tốt, không xảy ra hiện tượng thiếu hàng hoặc tăng giá đột biến. Từ năm 2016 đến nay, Chương trình bình ổn thị trường các mặt hàng thiết yếu, dự trữ hàng hóa phòng chống lụt bão trên địa bàn Thành phố đã được đổi mới như: mở rộng đối tượng tham gia, không sử dụng vốn ngân sách mà vận động nguồn vốn của các doanh nghiệp để dự trữ hàng hóa...

Đặc biệt trong thời gian dịch Covid 19 bùng phát, Thành phố đã kịp thời phối hợp với Bộ Công Thương chỉ đạo các doanh nghiệp kinh doanh thương mại (nòng cốt là các doanh nghiệp thực hiện Chương trình bình ổn thị trường trên địa bàn Thành phố) triển khai ngay phương án khai thác và luân chuyển hàng hóa để phục vụ nhân dân. Duy trì hoạt động 1.153 điểm bán các hàng thiết yếu; Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch; xây dựng và triển khai 04 phương án cung ứng hàng hóa ứng phó dịch Covid-19, đảm bảo dự trữ tối thiểu trong 03 tháng trong Quý II/2020 và 03 tháng trong Quý III/2020 với 17 mặt hàng thiết yếu; xây dựng phương án dự trữ hàng hóa phục vụ phòng chống thiên tai đối với 06 nhóm hàng thiết yếu... đồng thời xây dựng phương án dự trữ thêm một lượng hàng hóa phục vụ các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng Bắc Bộ thành lập các tổ nắm bắt thông tin thị trường hàng hóa, tổ điều phối hàng hóa ứng phó với dịch Covid; Ban hành trên 120 văn bản triển khai công tác phòng chống dịch Covid-19 trong lĩnh vực Công Thương; Thực hiện hoạt động kết nối các doanh nghiệp bán lẻ, nhà cung cấp thực phẩm, hàng hóa tiêu dùng trên địa bàn Thành phố với các doanh nghiệp, đơn vị vận chuyển hàng hóa phục vụ công tác phòng chống dịch (như việc Công ty TNHH Grab triển khai dịch vụ Grabmart cho phép người tiêu dùng tìm kiếm và chọn mua lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm từ các đơn vị liên kết là các cửa hàng tiện lợi, chuỗi cửa hàng bán lẻ, siêu thị... và nhận hàng tại nhà; Liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng Việt Nam (VCCU)-Ratraco hỗ trợ giá đẩy lùi Covid-19 với thời gian chuyển hàng nhanh chóng...); Đề xuất UBND Thành phố chấp thuận cho 925 xe ô tô của các doanh nghiệp được hoạt động 24/24/7 cung ứng hàng hóa thiết yếu, nhu yếu phẩm, vật tư y tế... phục vụ nhu cầu nhân dân và công tác phòng, chống dịch Covid 19; Yêu cầu

Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội, các tổ chức kinh doanh điện... thực hiện các biện pháp đảm bảo cấp điện trong mọi trường hợp, không để xảy ra tình trạng thiếu điện, mất điện cục bộ làm gián đoạn quá trình khám, chữa bệnh, sản xuất, cung ứng hàng hóa thiết yếu phục vụ nhân dân. Kết quả từ khi Thành phố ghi nhận ca nhiễm Covid-19 đầu tiên đến nay, người dân ổn định tâm lý, không có tình trạng tích trữ hàng hóa gây mất ổn định thị trường. Tổng lượng hàng hóa thiết yếu huy động phục vụ nhân dân trong các dịp lễ, tết, chống dịch Covid -19 và phòng chống lụt bão là 481.040 tỷ đồng (tăng hơn gấp 8 lần so với năm lượng hàng hóa dự trữ của trong năm 2019).

Xúc tiến thương mại, liên kết hợp tác trong lĩnh vực Công Thương; thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam": Thực hiện Chương trình liên kết vùng, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, thực hiện cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam", UBND Thành phố tổ chức nhiều hoạt động giao thương, kết nối cung cầu sản phẩm - hàng hóa, hỗ trợ đưa sản phẩm lợi thế của các địa phương về thị trường Hà Nội tiêu thụ, quảng bá sản phẩm, như: Đã tổ chức và tham gia trên 100 hoạt động giao thương kết nối giữa doanh nghiệp Hà Nội và các tỉnh, thành trong cả nước như: Chương trình liên kết vùng, kết nối giao thương của thành phố Hà Nội tại các vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, miền Trung- Tây Nguyên, khu vực Nam Bộ; Tổ chức các hội nghị hợp tác hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm thế mạnh của tỉnh Bắc Giang, Sơn La, Hải Dương, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định, Bắc Kạn...; Hỗ trợ tổ chức trên 40 tuần lễ trái cây, hàng nông sản các tỉnh, thành phố; Hỗ trợ kết nối- tiêu thụ trái cây, nông (thanh long, dưa hấu, hành tím, ớt, ngao hai cùi, cá nước lạnh Lào Cai, cá Thác lác, cá Tra, cá Basa...) của các tỉnh, thành phố dư cung do mùa vụ, dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ, xuất khẩu; Duy trì việc tổ chức Hội nghị giao thương kết nối cung cầu hàng hóa giữa thành phố Hà Nội với trên 50 tỉnh, thành phố trong cả nước hàng năm tại thành phố Hà Nội; Hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất Hà Nội tham gia đã ký kết trên 5.000 biên bản ghi nhớ, hợp đồng về hợp tác kinh doanh giữa các đơn vị nhằm tiến hành khai thác, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa đặc trưng của các tỉnh, thành phố đáp ứng đủ nguồn cung đối với các mặt hàng còn thiếu cho thành phố Hà Nội, đồng thời doanh nghiệp sản xuất của Thành phố đã tìm kiếm được những cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại các địa phương trên cả nước. Thành phố chỉ đạo Sở Công Thương phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố đề xuất các nội dung hợp tác trong lĩnh vực Công Thương giai đoạn 2020-2025 theo chương trình hợp tác của Thành ủy Hà Nội với các tỉnh, thành phố.

Đã chỉ đạo tổ chức triển khai trên 1.000 hoạt động bán hàng lưu động, phiên chợ Việt, hội chợ hàng Việt và chỉ đạo các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh phối hợp triển khai các chuyến bán hàng lưu động theo những hình thức phù hợp tại khu vực ngoại thành, các khu công nghiệp, khu chế xuất, tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh của Hà Nội đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, hiểu rõ nhu cầu tiêu dùng của nhân dân để củng cố, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển hệ thống bán lẻ tại khu vực ngoại thành, góp phần bình ổn thị trường.

- Nhằm triển khai các hoạt động kích cầu nội địa, tăng tổng mức bán lẻ, hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và mở rộng thị trường hậu Covid-19, Thành phố đã tổ chức “Hội nghị kết nối cung cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2020”, triển khai Chương trình khuyến mại tập trung quốc gia và Chương trình khuyến mại tập trung thành phố Hà Nội năm 2020. Thành phố cũng đã ban hành và tập trung tổ chức triển khai quyết liệt: Kế hoạch kích cầu nội địa, tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa, doanh thu dịch vụ tiêu dùng thành phố Hà Nội năm 2020; Kế hoạch triển khai cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; Kế hoạch triển khai Đề án huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2020-2024; Kế hoạch tổ chức hoạt động liên kết vùng và hỗ trợ quảng bá, kết nối cung - cầu hàng hóa giữa thành phố Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong lĩnh vực Công Thương năm 2020; Kế hoạch xúc tiến thương mại thành phố Hà Nội năm 2020

Kết quả, 11 tháng đầu năm 2020, đã tổ chức 05 Hội nghị kết nối cung cầu; Tổ chức 04 tuần hàng trái cây nông sản các tỉnh, thành phố tại Hà Nội; Hỗ trợ tổ chức 15 tuần hàng trái cây, nông sản của các tỉnh tại Hà Nội (Sơn La, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Hải Dương, Đồng Tháp, Quảng Ninh...); tổ chức và mời doanh nghiệp tham gia 12 hoạt động giao thương kết nối sản phẩm trái cây, nông sản thực phẩm, sản phẩm OCOP... của các tỉnh; Hỗ trợ đoàn công tác tỉnh (Hà Giang, Sóc Trăng, Bắc Kạn, Đồng Tháp, Hưng Yên, Quảng Ninh, Trà Vinh...) kết nối tiêu thụ sản phẩm đặc sản, OCOP của địa phương vào kênh phân phối tại thị trường Hà Nội và tại các gian hàng giới thiệu sản phẩm thường xuyên tại Trung tâm triển lãm của Bộ Nông nghiệp và đăng thông tin trên Trang thông tin Nông sản an toàn của thành phố Hà Nội (Website: nongsanantoanhanoi.gov.vn; chonhaminh.gov.vn) để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh tiêu thụ các sản phẩm có thể mạnh của các địa phương, kết nối Nhà sản xuất - Nhà phân phối – Người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố; Tổ chức và 05 phiên chợ Việt, 100 chuyến bán hàng lưu động; Tổ chức 07 Hội chợ (Hội chợ hàng Việt Nam; Hội chợ hàng hóa sản phẩm vì người tiêu dùng; Hội chợ nông sản – thực phẩm và sản phẩm OCOP năm 2020; Hội chợ hàng lưu niệm chất lượng cao Thủ đô năm 2020; Hội chợ hàng lưu niệm chất lượng cao Thủ đô năm 2020; Hội chợ đồ gỗ và trang trí nội thất năm 2020; Hội chợ quốc tế quà tặng hàng thủ công mỹ nghệ Hà Nội năm 2020; Hội chợ quốc tế sản phẩm công nghiệp hỗ trợ Hà Nội); Ký biên bản hợp tác với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố giai đoạn 2021-2025; Đã thông tin, giới thiệu 28 địa điểm tại các siêu thị, công viên công cộng, nhà văn hóa, chợ... trên địa bàn Thành phố đến các tỉnh, thành phố đăng ký tổ chức Điểm bán sản phẩm các tỉnh, thành phố tại Hà Nội từ tháng 9/2020 đến hết Quý I/2021, đã hỗ trợ tỉnh Đồng Tháp khảo sát địa điểm, đưa vào hoạt động 07 điểm giới thiệu và bán sản phẩm tỉnh Đồng Tháp tại các siêu thị từ tháng 10/2020, Hỗ trợ tỉnh Hà Giang đưa vào hoạt động 06 điểm bán hàng tại Hà Nội.

Tổ chức thành công Chương trình khuyến mại tập trung thành phố Hà Nội năm 2020 trong tháng 6 và tháng 7/2020 (Trong thời gian diễn ra sự kiện Sở Công Thương đã tiếp nhận 4.963 thông báo/ đăng ký khuyến mại của các doanh nghiệp tham gia, hạn mức thấp nhất là 10%, cao nhất là 100%, tổng giá trị khuyến mại đạt

trên 20.000 tỷ đồng); Tổ chức thành công sự kiện Hà Nội đêm không ngủ - HaNoi Midnight Sale thu hút sự tham gia của 200 điểm kinh doanh thương mại và sản phẩm thương mại điện tử, được đông đảo người tiêu dùng quan tâm, mua sắm (doanh thu bình quân của các hệ thống tăng từ 100%-200%; Các sản phẩm thương mại điện tử doanh thu tăng 2,25 lần, đơn hàng tăng gấp 3 lần. trong đó doanh thu bán lẻ của các đơn vị tăng cao nhất tăng 314,7%, lượng khách tham quan mua sắm tăng 220%)...

Đã hỗ trợ các tỉnh, thành phố tiêu thụ 100 nghìn tấn sản phẩm nhất là các sản phẩm dư cung do ảnh hưởng của dịch Covid 19 không xuất khẩu được đưa vào hệ thống phân phối trên địa bàn thành phố Hà Nội; Đã có trên 400 sản phẩm, mã hàng mới được các doanh nghiệp Hà Nội kết nối, tiêu thụ đưa vào hệ thống phân phối (hệ thống Vinmart kết nối lượng hàng hóa các tỉnh ước đạt 44.000 tấn, giá trị đạt 560 tỷ đồng; BigC Thăng Long kết nối lượng hàng hóa các tỉnh ước đạt 10.520 tấn, giá trị đạt 206 tỷ đồng; Saigon Co.op Hà Nội kết nối lượng hàng hóa các tỉnh ước đạt 3.800 tấn, giá trị đạt 80 tỷ đồng; Hệ thống bán lẻ BRG kết nối đạt 44 tỷ đồng..).

Công tác Hội nhập quốc tế, xuất nhập khẩu: Hàng năm, Thành phố đã ban hành và tổ chức triển khai Kế hoạch hội nhập quốc tế, Kế hoạch thúc đẩy xuất khẩu trên địa bàn. Các hoạt động đối ngoại, hợp tác phát triển với các Thủ đô và các nước tiếp tục được mở rộng, triển khai hiệu quả, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư và thu hút đầu tư nước ngoài vào Thủ đô. Quan hệ hợp tác với các nước ngày càng được tăng cường trên nhiều lĩnh vực. Chỉ trong 04 năm 2016-2020, Hà Nội thu hút được 22,72 tỷ USD đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), gấp 3,64 lần giai đoạn 2011-2015; đứng đầu cả nước liên tiếp 02 năm 2018, 2019.

- Phối hợp với Bộ Công Thương triển khai công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kiến thức về hội nhập kinh tế quốc tế với nhiều hình thức đa dạng, phong phú cho cán bộ công chức và doanh nghiệp, người dân trên địa bàn Thành phố như: Tổ chức hơn 50 hội nghị, hội thảo, tập huấn cho các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố, tập trung vào những vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, xuất nhập khẩu mang tính thời sự; Xây dựng và phát sóng trên Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội 06 phim tài liệu tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế; Xây dựng 07 cuốn cẩm nang tuyên truyền về hội nhập kinh tế quốc tế thông tin thị trường theo các nhóm ngành hàng có đóng góp nhiều vào kim ngạch xuất khẩu của Thành phố: Dệt may, Nông sản và thực phẩm chế biến, Thủ công mỹ nghệ và đồ gỗ, Cơ - kim khí, Da giày, Thị trường các nước thành viên Hiệp định EVFTA, Thị trường các nước thành viên Hiệp định CPTPP; Thực hiện xét chọn “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” trên địa bàn thành phố Hà Nội hàng năm theo ủy quyền của Bộ Công Thương, đề cử và được Bộ Công Thương công nhận 30 lượt doanh nghiệp ...

Kịp thời cung cấp thông tin đến các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố các thông tin cảnh báo và khuyến nghị của Bộ Công Thương về tình hình xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu; Thông tin về nhà cung cấp nguyên liệu sản xuất và một số sản phẩm chống dịch Covid-19; Cung cấp thông tin phối hợp phục vụ điều tra chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với các mặt hàng của Việt Nam; Chỉ đạo các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trên địa bàn thực hiện duy trì mức dự trữ lưu thông theo quy định ...

Công tác quản lý văn phòng đại diện; quản lý hoạt động kinh doanh có điều kiện; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

- Tổ chức triển khai Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương (liên quan triển khai các nội dung về cấp phép, quản lý các lĩnh vực kinh doanh khí, thuốc lá, rượu, an toàn thực phẩm). Đã phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh các mặt hàng có điều kiện lĩnh vực Công Thương theo quy định pháp luật, kiên quyết xử lý vi phạm, yêu cầu ngừng kinh doanh đối với những cửa hàng chưa đảm bảo điều kiện; Đã rà soát, hướng dẫn các thương nhân kinh doanh cửa hàng xăng dầu, cửa hàng bán LPG chai thực hiện đầy đủ các quy định về PCCC; Hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoàn thiện hồ sơ, khắc phục các tồn tại, vướng mắc trong công tác cấp giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu...

- Ban hành Quy chế phối hợp quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn; Đã chỉ đạo các văn phòng đại diện và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài rà soát lao động, chuyên gia đang làm việc tại các đơn vị này và thực hiện cách ly đối với những người nhập cảnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế; Yêu cầu các doanh nghiệp bán hàng đa cấp đang hoạt động trên địa bàn áp dụng các biện pháp phòng dịch Covid-19 trong hoạt động bán hàng đa cấp; hạn chế tối đa việc tổ chức và thông báo tổ chức các hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp, đặc biệt là các hội thảo có quy mô đông người trong thời gian diễn ra dịch bệnh Covid-19.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 136-KH/TU ngày 02/5/2019 của Thành ủy Hà Nội thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 22/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Thành phố đã phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức chương trình “Ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam”, Lễ Mít tinh hưởng ứng ngày quyền của người tiêu dùng (15/3) hàng năm; Tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật bằng nhiều hình thức đa dạng, thông qua đó đã giúp cho người tiêu dùng tự nhận biết, bảo vệ quyền lợi, cảnh giác cao đối với các sản phẩm kém chất lượng, hàng nhái, hàng giả, các sản phẩm không minh bạch về nguồn gốc gây hậu quả thiệt hại cho người tiêu dùng; Các doanh nghiệp đã quan tâm, nhận thức rõ hơn về trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, có nhiều hoạt động, biện pháp tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Kết quả từ năm 2016 đến nay, chương trình đã thu hút hàng nghìn doanh nghiệp và đông đảo người tiêu dùng trên địa bàn Thành phố hưởng ứng, tham gia; Duy trì có hiệu quả Tổng đài 024.1081 - kênh giải đáp thông tin về Luật và các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Đã giải quyết xác nhận hợp đồng mẫu cho 245 hồ sơ thuộc thẩm quyền; tổ chức trên 70 cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Công tác đảm bảo An toàn thực phẩm trong lĩnh vực Công Thương

- Công tác quản lý an toàn thực phẩm (ATTP) trong lĩnh vực Công Thương được Bộ Công Thương và UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo. Công tác thông tin,

tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATTP được đẩy mạnh và đa dạng hóa dưới nhiều hình thức, đặc biệt vào các dịp cao điểm, từ đó từng bước tạo chuyển biến trong nhận thức của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng trong công tác bảo đảm ATTP. Đã phối hợp tổ chức 147 lớp tập huấn kiến thức về ATTP với 19.130 người tham dự; In 159.200 tờ rơi, tờ gấp, 5.000 poster tuyên truyền; tổ chức ký 127.021 bản cam kết đến các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn Thành phố về không kinh doanh hàng cấm, hàng lậu, hàng giả, hàng vi phạm về ATTP,... Đã cấp 4.436 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, cấp 2.098 Giấy xác nhận kiến thức về ATTP, tiếp nhận 26.513 bản tự công bố sản phẩm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Thành phố đã ban hành Quyết định số 5848/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 phê duyệt Đề án “Thí điểm quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn các quận nội thành của thành phố Hà Nội”; Quyết định số 2228/QĐ-UBND ngày 01/6/2020 phê duyệt Đề án tăng cường quản lý các cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2025. Đến nay, trên địa bàn Thành phố có 1.872 cửa hàng kinh doanh trái cây thuộc đối tượng của Đề án (*trong đó: 650 cửa hàng chuyên doanh, 1.223 cửa hàng kinh doanh tổng hợp có trái cây*); 52% cửa hàng đã được cấp đăng ký kinh doanh. Đối với việc cấp biển nhận diện: UBND các quận đang tiến hành rà soát lại điều kiện của 809 cửa hàng để xem xét cấp lại biển nhận diện theo Đề án tăng cường; UBND các huyện, thị xã đang hướng dẫn các cửa hàng hoàn thiện thủ tục về ATTP, điều kiện thực tế để được cấp biển nhận diện. Trong tháng 11/2020 đã cấp và treo biển nhận diện cho 17 cửa hàng kinh doanh trái cây trên địa bàn huyện Thanh Trì.

(3) *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp*: Thành phố đã chỉ đạo thực hiện Kế hoạch *Tái cơ cấu ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội* theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 7111/QĐ-UBND ngày 24/12/2015);

- Ban hành và thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp, giai đoạn 2019-2020 tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 thực hiện theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2017-2020;

- Triển khai thực hiện: Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 về một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng hạ tầng nông thôn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 về một số chính sách về khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 Quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Ban hành: Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực cấp thành phố; các ngành, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm của Thành phố (Quyết định số 390/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND Thành phố); Danh mục các vùng sản xuất nông

nghiệp chuyên canh tập trung trên địa bàn thành phố Hà Nội và tiêu trí sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của thành phố Hà Nội (Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND Thành phố); Quy định phân cấp phê duyệt hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội (Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND Thành phố); Kế hoạch về cơ cấu lại lĩnh vực chế biến nông sản gắn với phát triển thị trường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 ngành nông nghiệp thành phố Hà Nội (Kế hoạch số 193/KH-UBND ngày 30/8/2019 của UBND Thành phố);;

- Ban hành các kế hoạch phát triển nông nghiệp: Kế hoạch phát triển sản xuất lúa Japonica hàng hóa, chất lượng theo tiêu chuẩn xuất khẩu đến năm 2020, định hướng 2025 (Quyết định 438/QĐ-UBND ngày 21/1/2019 của UBND Thành phố); Kế hoạch Phát triển sản xuất bưởi đỏ Tân Lạc và một số giống bưởi đặc sản Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 21/1/2019 của UBND Thành phố); Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 31/7/2019 Kế hoạch phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2019-2020; Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 3/1/2018 về chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 03/01/2018 về duy trì, phát triển hệ thống thông tin điện tử sử dụng mã QR truy xuất nguồn gốc nông sản thực phẩm trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2018-2020;....

Kết quả đạt được: tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 2,54% đạt chỉ tiêu đề ra (từ 2,5-3,0 %), ước giá trị sản xuất nông, lâm- thủy sản (giá cố định năm 2010) năm 2020 là 38.093 tỷ đồng tăng 110,5% so với năm 2016 (giá trị sản xuất nông, lâm- thủy sản (giá cố định năm 2010) năm 2016 là 34.487 tỷ đồng). Sản xuất nông nghiệp đã theo hướng tập trung, quy mô lớn: Duy trì được trên 200 vùng sản xuất lúa tập trung với diện tích khoảng 40.000 ha canh tác, tương đương khoảng 80.000 ha gieo trồng, diện tích mỗi vùng từ 50 ha trở lên, có những vùng đạt trên 300 ha; 47 vùng sản xuất tập trung (1.800 ha) với quy mô từ 10-20 ha/vùng; Diện tích cây ăn quả năm 2020 là 21.800 ha tăng 38,6% so với năm 2015, sản lượng năm 2020 ước đạt 300.886 tấn, tăng 35,3% so với năm 2015; Phát triển 76 xã chăn nuôi sản phẩm chủ lực gồm: 15 xã chăn nuôi bò sữa, 19 xã chăn nuôi bò thịt; 13 xã chăn nuôi lợn; 29 xã chăn nuôi gia cầm,... với trên 3.800 trại/trang trại chăn nuôi quy mô lớn ngoài khu dân cư, trong đó có 81 trang trại được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung, thâm canh, hiện có 60 vùng NTTS tập trung quy mô lớn ở Ứng Hòa, Mỹ Đức, Ba Vì, Phú Xuyên, Chương Mỹ, Thường Tín, Thanh Oai, Thanh Trì,...với tổng diện tích trên 7.229 ha với năng suất đạt từ 10 – 12 tấn/ha/năm;....

3.3. Bổ sung đánh giá và so sánh các kết quả phát triển kinh tế với các kịch bản tăng trưởng đã dự kiến sau khi dịch Covid-19 bùng phát.

Kịch bản 1 và 2 hồi tháng 6/2020 đã giả định đại dịch Covid-19 trên thế giới được khống chế vào giữa quý III/2020 hoặc đầu quý IV, tuy nhiên thực tế đã không như vậy. Tuy nhiên, tại Việt Nam và Hà Nội, đợt dịch thứ 3 vào giữa cuối tháng 7/2020 đã xảy ra; Cuối tháng 11/2020, tại Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục xảy ra

đợt dịch tiếp theo. Hiện nay, đại dịch Covid-19 trên thế giới vẫn rất phức tạp, đã có trên 1,5 triệu người chết và số ca nhiễm đã vượt 66 triệu.

Biểu 2: So sánh kết quả với kịch bản tăng trưởng

TT	Chỉ tiêu	Quý I	Quý II	6 T	Quý III	Quý IV	2020
1	Các kịch bản tăng trưởng xây dựng hồi tháng 6/2020						
	Kịch bản 1: GRDP tăng, %	3,72	3,10	3,39	7,83	8,41	5,90
	Kịch bản 2: GRDP tăng, %	3,72	3,10	3,39	6,94	7,35	5,38
2	Dự kiến kết quả (VB số 1621/TCTK-TKQG ngày 30/11/2020 của Tổng cục Thống kê)						
	GRDP tăng, %	4,1	1,76	2,92	3,95	5,77	3,98

Như vậy, tăng trưởng các quý và cả năm đã không đạt như kỳ vọng. Tổng cục Thống kê thông báo số liệu tăng trưởng quý II, ước tính quý IV và cả năm 2020 cho thành phố Hà Nội và cập nhật số liệu của quý I, quý II và 6 tháng đầu năm như biểu trên, tăng trưởng quý III, IV và cả năm đã không đạt như các kịch bản đã nêu.

3.4. Phân tích thêm về những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2019 (trong điều kiện không có đột biến) và những ảnh hưởng đến kết quả chung của việc thực hiện nhiệm vụ năm 2020 - năm có biến cố trên toàn cầu do đại dịch Covid-19 đến kết quả chung của cả giai đoạn 5 năm 2010-2020.

Nếu không có đại dịch Covid-19, tăng trưởng trung bình 5 năm 201-2020 có thể đạt từ 7,39% trở lên và GRDP/người có thể đạt trên 127,55 triệu đồng. Đại dịch covid-19 đã làm tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với điều kiện bình thường ít nhất là 0,71 điểm % và làm giảm GRDP/người trên 4,8 triệu đồng/người.

Biểu 3: So sánh kết quả khi không có đại dịch Covid-19

T	Chỉ tiêu	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	Năm 2020	TB 2016-2020
	Tăng trưởng khi không có đột biến						
1	Tăng trưởng GRDP, %	7,16	7,39	7,25	7,65	7,5	7,39
2	GRDP/người, triệu đ. (USD)	96,29	104,14	111,58 (4.850)	120,22 (5.185)	127,55 (5.420)	
	Tăng trưởng khi có dịch Covid-19						
1	Tăng trưởng GRDP, %	7,16	7,39	7,25	7,65	3,98	6,68
2	GRDP/người, triệu đ. (USD)	96,29	104,14	111,58 (4.850)	120,22 (5.185)	122,74 (5.215)	

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 16,0 tỷ USD, tăng 2,2% (thấp hơn kế hoạch và nhiều năm trở lại đây); kim ngạch nhập khẩu ước đạt 28,8 tỷ USD, giảm 9,1% (lần đầu tiên trong nhiều năm trở lại đây có kim ngạch nhập khẩu giảm). Công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ đọng ngân sách được tích cực triển khai, tuy nhiên nợ đọng ngân sách vẫn còn lớn. Đầu giá đất đạt thấp so với mục tiêu đề ra.

Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, công tác giải quyết việc làm trên địa bàn giảm 14% so với năm 2019. Tỷ lệ thất nghiệp thành thị cuối năm ước thực hiện 3,22% - cao hơn năm 2019 (là 2,1%), tuy nhiên vẫn đạt kế hoạch đề ra (dưới 4%). Nhiều hoạt động văn hóa, xã hội bị dừng trong thời gian dài do thực hiện giãn cách xã hội để phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19...

Tóm lại, năm 2020 có biến cố đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, hầu hết các quốc gia tăng trưởng âm; tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước sụt giảm, tuy nhiên GRDP của Hà Nội vẫn duy trì tăng 3,98% (là mức cao so với các địa phương và cao gấp 1,5 lần cả nước), kết quả trung bình 5 năm 2016-2020 GRDP tăng 6,68%. Nếu đại dịch Covid-19 không xảy ra, tăng trưởng năm 2020 của Thành phố có thể đạt trên 7,5% và trung bình 5 năm 2016-2020 có thể đạt từ 7,4% trở lên.

Trên đây là báo cáo bổ sung, giải trình của UBND Thành phố, kính gửi Hội đồng nhân dân Thành phố. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thành ủy;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện, Thị xã;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP; Các phòng:
TH, KT, TKBT, KGVX, ĐT;
- Lưu: VT, KTHà.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Chu Ngọc Anh

Phụ lục 1: Cập nhật tăng trưởng GRDP năm 2019 và 2020

(Gửi kèm báo cáo số 363 /BC-UBND ngày 07 /12/2020 của UBND Thành phố Hà Nội)

TT	Chỉ tiêu	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Cả năm
	Tốc độ tăng GRDP năm 2019	6,95	7,28	7,89	8,35	7,65
	<i>Trong đó:</i>					
1	Dịch vụ	7,17	7,31	7,66	8,15	7,59
2	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	5,45	5,89	5,18	4,97	5,40
3	Công nghiệp và xây dựng	7,69	9,29	10,51	11,19	9,90
	- Công nghiệp	6,72	8,06	9,45	10,02	8,73
	- Xây dựng	10,00	11,30	12,34	12,96	11,94
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,19	-0,45	-4,16	-0,04	-0,09
	Tốc độ tăng GRDP năm 2020	4,13	1,76	3,95	5,77	3,98
	<i>Trong đó:</i>					
1	Dịch vụ	3,88	0,50	3,12	5,38	3,29
2	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp	4,23	1,71	2,24	4,25	3,09
3	Công nghiệp và xây dựng	5,59	5,34	6,62	7,40	6,39
	- Công nghiệp	5,28	4,46	4,66	5,19	4,91
	- Xây dựng	6,32	6,72	9,94	10,67	8,90
4	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	-1,04	5,34	7,89	5,32	4,20

Phụ lục 2: Cập nhật chỉ tiêu tăng trưởng 5 năm 2016-2020

(Gửi kèm báo cáo số 363 /BC-UBND ngày 07 /12/2020 của UBND Thành phố Hà Nội)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2011-2015	KH 2016-2020	TH 2016	TH 2017	TH 2018	TH 2019	TB 2016- 2019	KH 2020	ƯTH 2020	TB 2016-2020
1	Tăng trưởng GRDP (điều chỉnh quy mô)	%	6,93	7,3-7,8	7,16	7,39	7,25	7,65	7,36	7,50	3,98	6,68
-	Hoạt động ngành dịch vụ	%	7,12	7,0-7,5	6,86	7,19	7,27	7,59	7,23	6,85	3,29	6,43
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%	4,23	6,5-6,9	6,97	5,90	5,40	5,40	5,92	5,94	3,09	5,34
-	Công nghiệp - xây dựng	%	8,74	9,0-9,3	8,73	9,59	8,62	9,90	9,21	10,46	6,39	8,64
+	Công nghiệp	%	10,06	8,6-9,0	6,99	8,60	8,04	8,73	8,09	8,84	4,91	7,44
+	Xây dựng	%	6,49	9,9-10,2	12,03	11,39	9,64	11,94	11,25	13,22	8,90	10,77
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	3,08	2,5-3,0	3,00	1,62	4,00	0,09	2,12	4,55	4,20	2,53
2	Cơ cấu ngành kinh tế (điều chỉnh quy mô)	%	100	100	100	100	100,01	100			100	
-	Hoạt động ngành dịch vụ	%	64,98	63,8-64,2	64,71	64,45	63,97	63,73			62,79	
-	Thuế NK và thuế SP trừ trợ cấp SP	%	11,69	7,6-7,8	11,76	11,68	11,61	11,35			11,30	
-	Công nghiệp - xây dựng	%	20,79	26,0-26,5	21,04	21,70	22,27	22,90			23,67	
+	Công nghiệp				14,43	14,78	15,13	15,48			15,77	
+	Xây dựng				6,61	6,92	7,14	7,42			7,90	
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,54	1,8-2,4	2,49	2,17	2,15	2,02			2,24	
3	GRDP bình quân/người/năm (Điều chỉnh quy mô)	Triệu đồng (USD)	90,53	126-129 (5.600-5.730)	96,29	104,14	111,58 (4.850)	120,22 (5.185)		127,55 (5.420)	122,74 (5.215)	
4	Huy động vốn đầu tư xã hội (Điều chỉnh quy mô)	1.000 tỷ đ.	1.054,33	1.700-1.750	278,9	305,2	339,4	385,3			420,1	1.729
	Vốn đầu tư thực hiện/GRDP (Điều chỉnh quy mô)	%			38,2	37,9	38,4	39,6			41,3	39,2